ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác														Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
1	Đặng Xuân Mưu	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,400	
2	Nguyễn Thị Hoà	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,091	-	-	-	-	-	-	-	0,454	
3	Nguyễn Kế Toàn	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,057	-	-	-	-	-	-	-	0,285	
4	Nguyễn Văn Quyền	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,017	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	1,198	
5	Võ Tá Tám	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	0,375	
6	Nguyễn Mậu Lực	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
7	Đặng Văn Bản	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
8	Nguyễn Mậu Thoả	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
9	Lê Thị Duyệt	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,172	-	-	-	-	-	-	-	1,161	
10	Lương Bá Ngọc	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
11	Cao Thị Nguyên	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,007	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,390	
12	Nguyễn Văn Tý	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,010	0,010	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
13	Lê Văn Phiến	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,023	-	0,099	-	-	-	-	-	-	-	1,195	
14	Đặng Thị Lợi	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	0,050	-	-	-	0,025	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	1,400	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
15	Lê Hồng Sâm	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	0,200	0,020	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	4,050	
16	Nguyễn Trung Quyết	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,550	
17	Nguyễn Văn Xuân	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,060	-	1,400	
18	Nguyễn Đình Chất	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350	
19	Dương Văn Tám	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
20	Nguyễn Văn Quyền	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
21	Nguyễn Thị Hồng	Văn Sơn	Liên Sơn	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
22	Đặng Đình Tự	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,040	-	1,350	
23	Nguyễn Văn Lưu	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	0,050	-	-	0,020	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,850	
24	Đặng Thị Thảo	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	0,610	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	6,600	
25	Nguyễn Mậu Lành	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,015	-	-	0,200	-	0,030	-	-	-	-	-	1,446	
26	Lê Hồng Cẩm	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	1,700	
27	Dương Thị Vượng	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,450	
28	Đặng Đình Lộc	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
29	Đặng Đình Đèo	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
30	Nguyễn Mậu Cương	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	0,030	-	1,450	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
31	Nguyễn Văn Thi	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
32	Hoàng Thị Nhàn	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
33	Lê Thế Vinh	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,089	-	-	-	-	-	-	-	0,444	
34	Nguyễn Cần Thơ	Văn Lạc	Liên Sơn	-	0,053	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,680	
35	Đặng Thuấn (đã chết tháng 01/2026)	Văn Sơn	Liên Sơn	-	0,069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,687	
36	Lê Thị Thi	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
37	Hoàng Văn Đán	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
38	Nguyễn Thị Hởn	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	0,090	-	-	-	-	-	-	-	2,050	
39	Nguyễn Khắc Ứng	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
40	Nguyễn Văn Quang	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,017	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,748	
41	Nguyễn Trường Thanh	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,216	-	-	-	-	-	-	-	1,680	
42	Nguyễn Văn Quý	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
43	Võ Thị Thanh	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,070	-	-	0,950	
44	Nguyễn Văn Ký	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
45	Nguyễn Thị Huê	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
46	Nguyễn Mậu Niềm	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	0,020	-	-	0,017	-	-	0,174	-	-	-	-	-	-	-	1,400	
47	Võ Tá Sơn	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
48	Đặng Đình Thuyn	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
49	Nguyễn Hữu Hà	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,379	-	-	-	-	-	-	-	2,096	
50	Nguyễn Thị Tâm	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	0,133	-	-	-	-	-	0,050	-	2,216	
51	Nguyễn Mậu Oanh	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	0,040	-	1,600	
52	Đặng Đình Phúc	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,300	
53	Nguyễn Thị Toản	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,117	0,148	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	7,530	
54	Phạm Thị Nhiện	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
55	Sầm Thị Thúy	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,163	-	-	-	-	-	-	-	0,814	
56	Nguyễn Thị Sáu	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
57	Trần Xuân Thìn	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	0,375	
58	Nguyễn Thị Thủy	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,184	-	-	0,320	-	-	0,013	-	3,708	
59	Đặng Đình Khuyên	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,020	-	1,200	
63	Hoàng Thị Ngọc	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,581	-	-	-	-	-	0,013	-	3,099	
64	Lê Thị Bích Liên	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,154	-	-	-	-	-	-	-	0,772	
65	Lê Văn Hộ	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	0,700	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
66	Lê Thị Tiệp	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,300	-	-	-	-	-	-	-	6,500	
67	Nguyễn Văn Bảy	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,037	-	1,301	
68	Đặng Văn Hùng	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,067	-	0,198	-	-	-	-	-	-	-	2,999	
69	Nguyễn Thị Niên	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,027	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,801	
70	Đặng Văn Hiếu	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
71	Hoàng Thị Đường	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	0,050	-	0,090	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	3,800	
72	Nguyễn Văn Dy	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,058	-	-	-	-	-	-	-	0,290	
73	Lê Thị Thư	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,150	
74	Võ Tá Huyền	Văn Sơn	Liên Sơn	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
75	Nguyễn Thị Lan	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,013	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,540	
76	Nguyễn Văn Bé	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
77	NguyễN Thị Gái	Văn Sơn	Liên Sơn	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
78	Nguyễn Văn Lê	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,023	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,466	
79	Võ Tá Ba	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
80	Phan Thị Bình	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,017	-	0,088	-	-	-	-	-	-	-	0,959	
81	Đặng Đình Tâm	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,288	-	-	-	-	-	-	-	1,440	
82	Nguyễn Thị Qúy	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,018	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	1,275	
83	Lương Thị Thư	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,017	-	0,249	
84	Nguyễn Văn Trung	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
85	Nguyễn Thị Vân	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
86	Nguyễn Văn Thắng	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
87	Võ Tá Hồng	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
89	Nguyễn Mậu Ngọ	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,250	-	-	-	-	0,320	-	-	4,650	
90	Nguyễn Tiến Dy	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,333	-	-	0,078	-	-	-	-	2,252	
91	Hoàng Văn Nhuần	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
92	Phan Thị Luyến	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,086	-	-	-	-	-	-	-	0,430	
93	Đặng Thị Lan	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,550	
94	Lê Minh Đức	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,487	
95	Dương Thừa Đọt	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
96	Nguyễn Mậu Hiến	Xuân Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,800	
97	Hoàng Thị Sâm	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,017	-	-	-	-	0,015	-	-	-	-	0,614	
98	Đặng Thị Bích	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
99	Lê Xuân Vinh	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
100	Nguyễn Văn Duyên	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
101	Nguyễn Mậu Sau	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
102	Nguyễn Mậu Nam	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	1,050	
103	Đặng Thị Biền	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,100	
104	Lê Minh Hải	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,102	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,055	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
105	Nguyễn Trọng Anh	Xuân Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,990	
106	Dương Thị Hạ	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,460	
107	Dương Thị Doạn	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,460	
108	Lê Hồng Quế	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	0,300	
109	Nguyễn Xuân Lục	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
110	Nguyễn Trọng Tuận	Xuân Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,090	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,700	
111	Nguyễn Thị An	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,150	
112	Đặng Thái Linh	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,017	-	0,251	
113	Đặng Quốc Việt	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
114	Lê Văn Sáu	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	0,600	
115	Đặng Thị Tam	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	0,017	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
116	Lê Thị Hòa	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	0,450	
117	Lê Đức Minh	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,013	-	-	-	-	-	-	-	0,025	-	0,750	
118	Nguyễn Văn Tuấn	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,030	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
119	Dương Thị Cẩm	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,375	
120	Dương Thị Điểm	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,487	
121	Lê Văn Chuyên	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,017	-	0,249	
122	Dương Thị Hiên	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,006	-	0,090	
123	Nguyễn Thị Mỹ	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,015	-	0,225	
124	Hồ Đức Hiển	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,900	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
125	Đặng Tiến Dũng	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,375	
126	Trần Tuấn Anh	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,390	
127	Nguyễn Tiến Thiêm	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,004	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	
128	Nguyễn Trọng Dũng	Xuân Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	0,150	-	-	0,025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
129	Nguyễn Văn Duẩn	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	0,077	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,533	
130	Lê Thị Luyện	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,150	
131	Nguyễn Hồng Sỹ	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	0,020	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,200	
132	Đặng Đình Lượng	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	0,300	
133	Lê Văn Bảy	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,030	-	0,700	
134	Nguyễn Xuân Hoàn	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,033	-	0,495	
135	Võ Thị Tùng	Văn Sơn	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,013	-	0,195	
136	Lê Văn Khoành	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,090	-	-	-	-	0,675	
137	Đặng Văn Cường	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
138	Nguyễn Trọng Việt	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	-	0,750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,250	
139	Nguyễn Trọng Nhâm	Văn Lạc	Liên Sơn	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	0,222	-	-	-	-	1,867	
			Liên Sơn Total	-	0,372	-	0,940	1,140	0,017	0,771	1,064	-	12,763	-	0,080	0,726	-	0,390	0,684	-	161,595	
1	Dương Công Quyền	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
2	Nguyễn Trung Kiên	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
3	Bùi Hồng Thành	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,297	-	-	-	-	-	-	-	1,485	
4	Nguyễn Thị Lĩnh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
5	Đặng Thị Tuần	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
6	Trần Công Vy	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,249	-	-	-	-	-	-	-	1,243	
7	Đặng Đình Hợp	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
8	Nguyễn Trọng Phùng	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
9	Lê Hồng Lương	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
10	Nguyễn Thị Nhừng	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
11	Nguyễn Tiến Lợi	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,094	-	-	-	-	-	-	-	0,470	
12	Lê Văn Khánh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,420	-	-	-	-	0,050	-	-	2,600	
13	Thái Hữu Thân	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
14	Bùi Đình Sang	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,085	-	-	-	-	-	-	-	0,425	
15	Lê Thị Tuần	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,258	-	-	-	-	-	-	-	1,290	
16	Nguyễn Trọng Hiếu	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
17	Nguyễn Văn Kỳ (Ký)	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
18	Nguyễn Báu	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
19	Nguyễn Viết Phong	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
20	Nguyễn Canh Thân	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
21	Nguyễn Thị Thìn	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
22	Lê Văn Ngụ	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,715	-	-	-	-	-	-	-	8,575	
23	Phạm Xuân Hiệp	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,292	-	-	-	-	-	-	-	1,462	
24	Lê Hồng Song	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
25	Bùi Ngọc Hưng	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
26	Lê Thị Bình	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	-	0,625	
27	Nguyễn Trọng Thọ	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,309	-	-	-	-	-	-	-	1,547	
28	Nguyễn Viết Hoài	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700	-	-	-	-	-	-	-	3,500	
29	Ngô Thị Anh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
30	Lê Văn Lộc	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
31	Nguyễn Xuân Nuôi	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,147	-	-	-	-	-	-	-	0,737	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
32	Nguyễn Thị Ngại	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,165	-	-	-	-	-	-	-	0,825	
33	Bùi Ngọc Sơn	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,966	-	-	-	-	-	-	-	24,831	
34	Nguyễn Tiến Mười	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
35	Bùi Văn Hiến	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
36	Trần Thị Hoa Lúy	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
37	Nguyễn Văn Siu	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
38	Nguyễn Thị Vinh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,142	-	-	-	-	-	-	-	0,711	
39	Nguyễn Văn Nam	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,950	-	-	-	-	-	-	-	4,750	
40	Thái Đình Tiến	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,295	-	-	-	-	-	-	-	1,475	
41	Dương Thị Liệu	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,375	-	-	-	-	-	-	-	1,875	
42	Nguyễn Trọng Hùng	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,083	-	-	-	-	-	-	-	0,413	
43	Trần Thị An	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
44	Lê Thị Thơm	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	-	0,625	
45	Lê Thị Nga	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,144	-	-	-	-	-	-	-	0,720	
46	Bùi Nhật Ký	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,175	-	-	-	-	-	-	-	0,875	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
47	Bùi Văn Dũng (Dung)	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,112	-	-	-	-	-	-	-	0,560	
48	Bùi Văn Huân	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
49	Đặng Thế	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,055	-	-	-	-	-	-	-	0,275	
50	Nguyễn Xuân Hồng	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,225	-	-	-	-	-	-	-	1,125	
51	Bùi Văn Mạnh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,052	-	-	-	-	-	-	-	0,260	
52	Lê Văn Thông	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,076	-	-	-	-	-	-	-	0,380	
53	Nguyễn Trinh Hòa	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
54	Võ Đức Tuân	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
55	Nguyễn Trọng Hoạt	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,900	-	-	-	-	-	-	-	9,500	
56	Phạm Thị Thiện	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,072	-	-	-	0,070	-	-	-	0,780	
57	Trần Thị Công	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,239	-	-	-	-	-	-	-	1,193	
58	Nguyễn Văn Vân	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,065	-	-	-	-	-	-	-	0,325	
59	Đặng Đình Thái	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
60	Bùi Văn Huề	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,208	-	-	-	-	-	-	-	1,040	
61	Nguyễn Thị Luận	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	0,200	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
62	Đặng Hiếu Đệ	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
63	Bùi Văn Tuấn	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	2,250	
64	Hoàng Thị Hương	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,056	-	-	-	-	-	-	-	0,280	
65	Lê Thị Linh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650	
66	Đặng Đình Hợp	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
67	Lê Thị Minh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
68	Võ Thị Tuyên	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
69	Nguyễn Thị Lâm	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,212	-	-	-	-	-	-	-	1,060	
70	Bùi Văn Nhơ	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
71	Trần Công Cảnh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
72	Lê Văn Minh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,260	-	-	-	-	-	-	-	1,298	
73	Nguyễn Thái Sơn	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
74	Nguyễn Văn Nam (Tâm)	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,246	-	-	-	-	-	-	-	1,229	
75	Lê Thị Minh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
76	Lê Văn Cầm	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác														Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
77	Nguyễn Thị Hường	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,245	-	-	-	-	-	-	-	1,225	
78	Chu Thị Ngoạt	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,081	-	-	-	-	-	-	-	0,405	
79	Nguyễn Thị Bình	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,117	-	-	-	-	-	-	-	0,587	
80	Nguyễn Tiến Đức	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
81	Nguyễn Thanh Bắc	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,262	-	-	-	-	-	-	-	1,310	
82	Trần Văn Cư	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	-	0,625	
83	Bùi Văn Hải	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,053	-	-	-	-	-	-	-	0,263	
84	Nguyễn Tiến Dũng	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,192	-	-	-	-	-	-	-	0,959	
85	Phan Công Mạnh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
86	Trần Thị Bình	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,920	-	-	-	-	-	-	-	4,600	
87	Nguyễn Thị Kỷ	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	0,848	
88	Nguyễn Tiến Hiệp	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	-	-	-	-	-	-	-	3,750	
89	Lê Thị Loan	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
90	Đặng Đình Quế	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
91	Bùi Công Mơ	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,073	-	-	-	-	-	-	-	0,365	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
92	Đặng Thị Nguyên	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,053	-	-	-	-	-	-	-	0,265	
93	Trần Thị Nhung (Hồng Nhung)	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	0,375	
94	Nguyễn Văn Long	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	-	-	-	-	-	-	-	3,750	
95	Nguyễn Thị Đường	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,202	-	-	-	-	-	-	-	1,011	
96	Nguyễn Tiến Việt (Văn Việt)	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,178	-	-	-	-	-	-	-	0,890	
97	Bùi Quý Tịnh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,056	-	-	-	-	-	-	-	0,280	
98	Lê Quốc Việt	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,065	-	-	-	0,389	
99	Nhuyễn Hải Đường	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,094	-	-	-	0,566	
100	Nguyễn Thị Hồng Minh	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,300	
101	Lê Khánh Châu	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,025	-	-	-	0,150	
102	Nguyễn Văn Sơn	Văn Thanh	Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,022	-	-	-	0,130	
			Thanh Sơn Total	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28,510	-	-	-	0,326	0,050	-	-	145,003	
1	Trần Đức Kiên	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	1,429	
2	Nguyễn Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,179	-	-	-	0,007	-	-	-	0,939	
3	Ngô Văn Hiền	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
4	Trần Nhật Tú	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,040	-	-	-	1,740	
5	Lê Văn Năm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,020	-	-	-	-	-	0,600	
6	Lê Đức Lợi	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
7	Phan Thị Minh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,600	
8	Nguyễn Thị Khuyên	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
9	Ngô Văn Luyn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,010	-	-	-	0,560	
10	Ngô Văn Lân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,020	-	-	-	1,120	
11	Nguyễn Văn Hải	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,253	-	-	-	-	-	-	-	1,264	
12	Nguyễn Văn Thảo	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,015	-	-	-	1,090	
13	Phạm Văn Diếu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,169	-	-	-	0,040	-	-	-	1,086	
14	Đặng Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
15	Nguyễn Tiến Đức	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,197	-	-	-	0,060	-	-	-	1,343	
16	Nguyễn Văn Hồng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,035	-	-	-	0,010	-	-	-	0,235	
17	Lê Khánh Khương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
18	Ngô Văn Nam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,010	-	-	-	1,060	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
19	Nguyễn Văn Thuấn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,050	-	-	-	1,299	
20	Lê Văn Tám	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,988	-	-	-	-	-	-	-	4,940	
21	Nguyễn Thị Quế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
22	Lê Thị Liêm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
23	Ngô Bá Quyền	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,326	-	-	-	0,050	-	-	-	1,932	
24	Lê Văn Khuyến	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,050	-	-	-	1,300	
25	Trần Mạnh Hùng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
26	Phạm Lành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,030	-	-	-	1,680	
27	Trần Tiết	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,050	-	-	-	0,800	
28	Trần Văn Phương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
29	Nguyễn Thị Nga	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,277	-	-	-	-	-	-	-	1,385	
30	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
31	Đặng Thị Uân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
32	Trần Xuân Hiệp	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,025	-	-	-	0,650	
33	Nguyễn Văn Hữu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,244	-	-	-	-	-	-	-	6,220	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
34	Phạm Trung Hiếu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
35	Trần Công Mân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	0,020	-	-	-	2,620	
36	Trần Thị Hiến	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,175	-	-	-	-	-	-	-	0,875	
37	Phan Thị Lan	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,030	-	-	-	0,680	
38	Phan Thị Quý	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
39	Phạm Vũ Lượng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,230	-	-	-	-	-	-	-	1,150	
40	Lê Đức Dương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
41	Ngô Xuân Hành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
42	Trần Văn Thịnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,050	-	-	-	1,800	
43	Ngô Văn Phương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
44	Trần Quý Hành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,189	-	0,020	-	-	-	-	-	1,046	
45	Ngô Hữu Thọ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,229	-	-	-	-	-	-	-	1,146	
46	Lê Quốc Dũng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650	
47	Trần Văn Lộc	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,275	-	-	-	-	-	-	-	1,375	
48	Phạm Định	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	0,010	-	-	-	0,710	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
49	Nguyễn Hồng Nga	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,187	-	0,030	-	-	-	-	-	1,087	
50	Phạm Vũ Nhì	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,238	-	0,050	-	-	-	-	-	1,439	
51	Lê Thị Thanh Huê	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,022	-	-	-	0,382	
52	Trần Tân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	0,010	-	-	-	1,310	
53	Nguyễn Văn Băng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
54	Phan Thị Uy	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,056	-	-	-	-	-	-	-	0,280	
55	Trần Văn An	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,020	-	-	-	0,620	
56	Trần Văn Đạt	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,040	-	-	-	1,240	
57	Nguyễn Thông	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,951	
58	Nguyễn Văn Cảnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,015	-	-	-	0,840	
59	Nguyễn Tiến Nam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
60	Nguyễn Văn Chế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
61	Nguyễn Tiến Thành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
62	Phạm Vũ Tuấn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,050	-	-	-	1,050	
63	Trần Quý Tịnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,020	-	-	-	0,620	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
64	Nguyễn Tiến Vững	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
65	Trần Thị Thuấn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
66	Nguyễn Thị Lý	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,020	-	-	-	1,120	
67	Nguyễn Thị Năm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
68	Lê Văn Phúc	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,650	-	-	-	0,025	-	-	-	3,400	
69	Trần Tuân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,015	-	-	-	0,590	
70	Trần Đình Tứ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,169	-	0,048	-	-	-	-	-	1,086	
71	Trần Đình Phương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
72	Nguyễn Thị Nhung	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
73	Nguyễn Tiến Nhị	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,015	-	-	-	0,840	
74	Nguyễn Thị Thuận	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
75	Trần Thị Mai	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
76	Nguyễn Văn Tích	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	0,020	-	-	-	2,120	
77	Trần Quang Trung	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,020	-	-	-	0,870	
78	Trần Văn Tuế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
80	Nguyễn Thị Thìn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,030	-	-	-	0,680	
81	Nguyễn Văn Thành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,075	-	-	-	1,950	
82	Phạm Đa Thể	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
83	Nguyễn Thị Liệu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,040	-	-	-	0,740	
84	Nguyễn Văn Sanh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,012	-	-	-	0,822	
85	Lê Xuân Toàn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,010	-	-	-	0,810	
86	Trần Thị Yến	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
87	Nguyễn Thị Châu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
88	Trần Đại Nghĩa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,010	-	-	-	0,560	
89	Phạm Công Thắng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,282	-	-	-	0,012	-	-	-	1,483	
90	Nguyễn Quốc Khánh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
91	Ngô Văn Thuận	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
92	Phùng Thị Huân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,020	-	-	-	0,620	
93	Dương Thị Viết	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
94	Lê Văn Thái	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,005	-	-	-	0,780	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
95	Phạm Vũ Tiến	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,197	-	-	-	-	-	-	-	0,985	
96	Nguyễn Xuân Tý	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,013	-	-	-	1,578	
97	Lê Văn Trạch	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,040	-	-	-	0,740	
98	Ngô Thị Linh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
99	Ngô Thanh Tân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
100	Nguyễn Văn Hiệp	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,084	-	-	-	1,254	
101	Lê Hồng Lương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,002	-	-	-	0,762	
102	Hoàng Thị Xinh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,850	
103	Ngô Xuân Hữu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,050	-	-	-	1,050	
104	Ngô Văn Thụ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
105	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,005	-	-	-	0,030	
106	Phạm Vũ Tài	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	0,120	
107	Trần Văn Anh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	0,120	
108	Bùi Thị Quế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,300	
109	Trần Thị Thắm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	0,010	-	-	-	0,260	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
110	Đặng Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	0,060	
111	Phạm Vũ Hường	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,035	-	-	-	0,210	
112	Nguyễn Văn Hạ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,300	
114	Nguyễn Thị Mai	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	0,020	-	-	-	0,270	
131	Trần Công Duẩn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
			Nam Mỹ Lợi Total	-	0,050	-	-	-	0,140	-	-	-	20,035	-	0,238	-	1,492	-	-	-	112,501	
1	Đặng Văn Chiến	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
2	Hoàng Trọng Hợi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	0,100	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,000	
3	Hoàng Đình Nghị	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	2,250	
4	Hoàng Văn Sơn	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	2,250	
5	Lê Minh Huệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,480	-	-	0,100	-	-	4,150	
6	Lê Văn Dụng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
7	Nguyễn Hồng Quế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	5,500	
8	Nguyễn Huy Hồng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	7,000	
9	Nguyễn Khắc Kính	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	0,015	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,680	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
10	Nguyễn Tiến Đông	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
11	Nguyễn Tiến Lĩnh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
12	Nguyễn Tiến Nghệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
13	Nguyễn Thị Bính	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
14	Nguyễn Thị Chung	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	2,100	
15	Nguyễn Thị Loan	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
16	Nguyễn Thị Nuôi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,100	-	-	-	-	-	1,000	
17	Nguyễn Thị Thảo	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
18	Nguyễn Văn Hải	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	5,550	
19	Nguyễn Văn Hiệp	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
20	Nguyễn Văn Liên	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	11,125	
21	Nguyễn Văn Loanh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	0,600	-	-	-	0,200	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	9,350	
22	Nguyễn Văn Sơn	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,100	-	-	1,500	
23	Nguyễn Văn Tiến	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
24	Nguyễn Văn Thọ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
25	Phạm Thị Hằng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
26	Phan Thị Lương	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
27	Trần Thị Thúy	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
28	Trương Văn Bình	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
29	Lê Trọng Hải	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	0,500	-	-	6,250	
30	Nguyễn Tiến Huề	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
31	Nguyễn Thị Loài	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
32	Nguyễn Văn Chí	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,650	-	-	-	-	0,010	-	2,400	
33	Nguyễn Viết Phùng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	
34	Nguyễn Thị Hợp	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
35	Hoàng Đình Chế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
36	Võ Thị Hòa	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	2,000	
47	Nguyễn Văn Ngà (Nhung)	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	6,250	
49	Phan thị Thảo	Đất Đỏ	Bắc Sơn	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
			Bắc Sơn Total	-	1,450	0,600	0,200	0,100	0,415	1,250	0,210	-	5,700	0,850	1,230	0,250	-	0,850	0,010	-	105,605	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
1	Phan Anh Sơn	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	0,250	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	
2	Đặng Đình Ninh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	0,200	-	-	-	-	-	2,250	
3	Nguyễn Văn Thành	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
4	Cao Văn Huân	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	0,140	-	0,100	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,400	
5	Lê Đăng Đạo	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	0,250	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,500	
6	Sử Văn Quân	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700	-	-	-	-	10,250	
7	Lê Thị Vĩnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
8	Nguyễn Trọng Giáp	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
9	Nguyễn Trọng Mậu	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,200	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,000	
10	Nguyễn Văn Quý	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
11	Nguyễn Trọng Huệ	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
12	Lê Văn Trường	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	4,500	
13	Lê Văn Cương	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
14	Lê Văn Công	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
15	Hoàng Văn Quyền	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,200	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
16	Lê Quang Trung	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,200	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,000	
17	Lê Xuân Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
18	Nguyễn Thị Thích	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
19	Nguyễn Văn Quỳnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
20	Sử Văn Chức	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
21	Trần Thị Thắm	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
22	Nguyễn Văn Khân	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
23	Võ Thị Liêm	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
24	Trần Văn Điện	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,000	
25	Đặng Đình Mạnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,000	
26	Nguyễn Lương Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,000	
27	Nguyễn Văn Ý	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
28	Lê Xuân Hiếu	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
29	Nguyễn Văn Lâm	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,000	
30	Võ Xuân Quý	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	29
31	Lê Thị Cúc	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30,000	
32	Nguyễn Tiến Thành	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
33	Đặng Thế Hoàng	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
34	Đặng Quốc Quyền	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,050	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,500	
35	Nguyễn Văn Tuyến	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
36	Trần Thị Văn	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
37	Trương Thị Tình	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	
38	Nguyễn Thị Thu Thanh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13,500	
39	Thái Văn Dũng	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
40	Nguyễn Quang Đạt	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
41	Lê Đăng Nhân	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,040	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,400	
42	Nguyễn Xuân Linh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
43	Trần Công Quý	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	0,260	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,800	
44	Võ Viết Xuân	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,160	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,800	
45	Phạm Thị Hồng Thìn	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
46	Nguyễn Văn Dũng	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
47	Trần Quốc Việt	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,000	
48	Nguyễn Văn Toán	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	3,500	
49	Lê Viết Trường	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,750	
50	Lê Xuân Tiến	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,750	
51	Nguyễn Quý Thịnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
52	Nguyễn Thị Ơn	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
53	Lê Mạnh Hà	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	1,750	
54	Nguyễn Thị Tuyết	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
56	Nguyễn Quý Huấn	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,200	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,000	
57	Nguyễn Đình Phượng	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,930	-	13,950	
58	Nguyễn Đình Khoa	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
59	Hoàng Xuân Huyền	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
60	Nguyễn Đình Thân	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	
61	Nguyễn Văn Cường	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
63	Nguyễn Thị Tuy	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,093	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,790	
64	Nguyễn Quý Chự	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
65	Lê Văn Thức	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
66	Lê Xuân Minh	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
67	Nguyễn Văn Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,500	
68	Nguyễn Văn Hòa	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	4,200	
69	Nguyễn Thị Nguyên	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,375	
102	Phan Hồng Phong	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	3,000	
119	Nguyễn Thế Soa	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
122	Nguyễn Quý Ngai	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
123	Bùi Thị Phương	Xuân Sơn	Nam Sơn	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
			Nam Sơn Total	-	1,140	0,250	2,440	0,100	-	0,250	8,613	-	0,550	-	0,400	0,750	-	-	1,580	-	336,265	
1	Nguyễn Thị Xoan	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,205	-	-	-	-	-	0,082	-	2,263	
2	Nguyễn Thị Lan	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,005	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	
3	Lê Thị Bá	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,320	-	-	-	-	0,020	-	-	1,798	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác														Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
4	Trần Thị Phong	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
5	Lê Văn Mân	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
6	Nguyễn Thị Lan	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,270	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,700	
7	Trần Văn Quang	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,950	
8	Trần Xuân Tuyên	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,380	-	-	-	-	-	-	-	1,900	
9	Trần Công Hà	Văn Thanh	Sa Xá	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
10	Lê Văn Hòa	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,340	-	0,010	-	-	-	-	-	1,750	
11	Lê Văn Sáu	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
12	Nguyễn Thị Yên	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,115	-	-	-	-	-	-	-	0,574	
13	Nguyễn Văn Phúc	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,385	-	-	-	-	-	-	-	1,926	
14	Trần Thị Điều	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,150	-	-	-	-	0,200	-	-	3,750	
15	Lê Đức Quý	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
16	Lê Văn Bảy	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,370	-	-	-	-	-	-	-	1,850	
17	Lê Văn Thủy	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	-	-	-	-	0,100	-	-	4,750	
18	Trần Văn Văn	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,233	-	-	-	-	-	-	-	1,165	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác														Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
19	Trương Xuân Thọ	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,278	-	-	-	-	-	-	-	1,390	
20	Lê Văn Cúc	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,050	-	-	1,500	
21	Nguyễn Văn Minh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,332	-	-	-	-	-	-	-	1,660	
22	Lê Đức Định	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,440	-	-	-	-	-	-	-	3,200	
23	Nguyễn Sóng Hồng	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,050	-	1,250	
24	Ngô Thị Thanh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650	
25	Lê Thị Thuận	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
26	Lê Văn Sau	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	
27	Nguyễn Thị Tuyết	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	0,020	-	-	-	-	1,650	
28	Phùng Thị Lành	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
29	Lê Văn ĐỊnh	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,228	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,277	
30	Lê Thị Phú	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,183	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,830	
31	Lê Thị Duyên	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
32	Hà Huy Ngân	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
33	Trần Luân Lưu	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,084	-	-	-	-	-	-	-	0,720	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
34	Lê Thị Hoa	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
35	Võ Tá Cần	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	0,050	-	-	-	-	-	3,250	
36	Phạm Văn Ngoán	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
37	Nguyễn Văn Hoa	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	0,010	-	-	-	-	1,575	
38	Lê Văn Sáu	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
39	Nguyễn Đức Huy	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	0,015		0,261	-	-	-	-	-	-	-	1,756	
40	Lê Văn Thể	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,330	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
41	Trần Thị Vân	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,201	-	-	-	-	-	-	-	1,004	
42	Lê Văn Trinh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
43	Lê Văn Phương	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	0,150	-	-	-	-	-	-	2,950	
44	Nguyễn Văn Tiết	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	2,750	
45	Sử Thị Thi	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
46	Lê Văn Long	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
47	Nguyễn Thị Thuấn	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
48	Nguyễn Văn Xuân	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
49	Phạm Thị Xuyên	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
50	Đào Thị Vinh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,950	
51	Lê Thị Tân Thiện	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,087	-	-	-	-	-	-	-	0,435	
52	Lê Quang An	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
53	Bùi Thị Duyên	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
54	Nguyễn Văn Hiến	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
55	Nguyễn Thị Lộc	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
56	Lê Thị Khánh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,950	
57	Vũ Thị Thu	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,242	-	-	-	-	-	-	-	1,210	
58	Bùi Thị Huê	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,800	
59	Võ Thị Niềm	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
60	Nguyễn Tiến Hải	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,330	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
61	Nguyễn Thị Tâm	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	3,250	
62	Trần Thị Viện	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
63	Nguyễn Thị Tâm	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
64	Thông Minh Tuệ	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
66	Đặng Thị Vĩnh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
67	Nguyễn Thị Tình	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
68	Lê Hải Đằng	Văn Thanh	Sa Xá	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	1,950	
69	Lê Văn Ngân	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
70	Nguyễn Văn Thái	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,050	-	-	-	1,050	
71	Lê văn Công	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	0,015	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,225	
72	Đặng Thị Thủy	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,156	-	-	-	-	-	-	-	0,780	
73	Hoàng Thị Oanh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
74	Nguyễn Văn Thiện	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,097	-	-	-	-	-	-	-	0,485	
75	Phạm Hữu Đặng	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,073	-	-	-	-	-	-	-	0,365	
76	Phùng Văn Bốn	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350	
77	Lê Thị Liên	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,129	-	-	-	-	-	-	-	0,645	
78	Nguyễn Thị Thủy	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,330	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
79	Nguyễn Đình Chân	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
80	Lê Văn Ký	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	0,050	0,100	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	4,375	
81	Nguyễn Viết Hừng	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
82	Nguyễn Thị Hoa	Văn Thanh	Sa Xá	0,100	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
84	Nguyễn Thị Anh	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,220	-	-	-	-	-	1,100	
85	Lê Văn Thọ	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,129	-	-	-	-	0,968	
86	Nguyễn Thị Hường	Văn Thanh	Sa Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	0,100	
			Sa Xá Total	0,200	1,531	0,100	0,070	0,015	-	0,150	0,165	-	15,318	0,150	0,300	0,209	0,050	0,370	0,132	-	110,875	
1	Võ Văn Nhi	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
2	Nguyễn Công Đương	Nam Xuân	Nam Xuân	-	0,020	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
3	Đặng Thị Lưu	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
4	Phạm Văn Thiên	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,600	
5	Phạm Hữu Mỹ	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
6	Nguyễn Văn Hiệu	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
7	Hồ Văn Thủy	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
8	Ông Văn Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích										
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
9	Đặng Thị Mận	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
10	Hồ Văn Toàn	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
11	Dương Kim Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
12	Kiều Tiến Dũng	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
13	Hồ Văn Thái	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
14	Lưu Văn Nhiên	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
15	Trần Văn Hùng	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,800	
16	Lê Hồng Kỳ	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	1,900	
17	Võ Chân Thành	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
18	Nguyễn Bá Đông	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
19	Hồ Thanh Hải	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
20	Trần Văn Thông	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300	
21	Võ Văn Bằng	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,100	
22	Hồ Văn Nhương	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
23	Đặng Đình Trị	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
24	Nguyễn Thị Trúc	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
25	Nguyễn Xuân Dục	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
26	Phạm Hữu Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
27	Hồ Thị Phượng	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
28	Nguyễn Thị Lịch	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,100	
29	Hồ Văn Cường	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
30	Hồ Thị Lợi	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
31	Nguyễn Thị Hải	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
32	Hồ Xuân Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
33	Đào Thị Hòa	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
34	Nguyễn Hồng Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
35	Đặng Đình Phụ	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	
36	Hồ Văn Trình	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
37	Nguyễn Trung Hậu	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
38	Hồ Văn Đức	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
39	Nguyễn Thị Duyên	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
40	Kiều Nhật Quảng	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
41	Nguyễn Thị Tuyết	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
42	Nguyễn Văn Viềm	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
43	Hồ Văn Định	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
44	Hồ Văn Tình	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
45	Dương Kim Điền	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
46	Nguyễn Văn Viết	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
47	Nguyễn Bá Thọa	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
48	Phạm Thị Vân	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
49	Kiều Thị Lan	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
50	Ngô Xuân Lịch	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
51	Nguyễn Văn Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
52	Nguyễn Quang Vịnh	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
53	Vũ Ngọc Hưng	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
54	Kiều Nhật Toản	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
55	Võ Văn Minh	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	0,150	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,250	
56	Nguyễn Thị Hường	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
148	Nguyễn Thị Liệu	Nam Xuân	Nam Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300	
			Nam Xuân Total	-	0,020	-	-	0,150	-	1,243	-	-	0,800	-	0,100	-	-	0,080	-	-	32,610	
1	Nguyễn Văn Sính	Tây Xuân	Tây Xuân	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
2	Trần Đình Thịnh	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
3	Nguyễn Văn Cương	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
4	Hoàng Văn Biên	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
5	Lê Thị Hương	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
6	Nguyễn Tiến Thành	Hồng Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
7	Võ Minh Luân	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	0,100	-	-	-	-	-	-	0,800	
8	Lê Ngọc Nông	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	4,300	
9	Nguyễn Đình Thợi	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,050	-	-	-	-	-	0,750	
10	Nguyễn Văn Quyền	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	0,050	-	-	-	-	-	-	0,650	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
11	Nguyễn Văn Duyệt	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	0,050	-	-	-	-	-	-	0,900	
12	Hoàng Thị Cúc	Tây Xuân	Tây Xuân	-	0,142	-	0,196	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,373	
13	Nguyễn Tiến Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,048	-	-	-	1,035	
14	Nguyễn Thị Bích Diệp	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,050	-	-	-	0,020	-	0,800	
15	Hà Văn Thi	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
16	Dương Ngọc Tính	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
17	Nguyễn Văn Siu	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	2,500	
19	Nguyễn Văn Đồng	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,020	-	-	0,575	
22	Nông Thị Huyền	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	
23	Nguyễn Văn Nhí	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,250	
24	Trần Khánh Tùng	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	0,450	
25	Nguyễn Văn Ngạn	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
26	Trần Văn Hùng	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	0,005	-	-	-	-	-	-	0,007	-	-	-	-	-	0,110	
27	Trần Thị Huyền	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	4,000	
28	Nguyễn Văn Long	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
29	Nguyễn Văn Nam	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
30	Trần Đình Hạnh	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	5,000	
31	Trần Thị Lý	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
32	Nguyễn Văn Nghiêu	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,250	
33	Nguyễn Thị Yến	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,375	
34	Trần Thị Hồng	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
35	Nguyễn Thị Nghiệm	0	Tây Xuân	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
36	Nguyễn Văn Lài	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
66	Trần Văn Trang	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
73	Nguyễn Đình Du	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	1,500	
124	Hồ Văn Hợp	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
141	Nguyễn Văn Kỳ	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
165	Nguyễn Văn Dị	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,235	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,037	
178	Nguyễn Thị Lĩnh	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
179	Trần Xuân Tiến	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
181	Trần Văn Kiên	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	3,000	
182	Dương Văn Kính	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	2,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60,000	
183	Trần Đình Thứ	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,560	
184	Nguyễn Văn Vượng	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,440	-	-	-	-	3,300	
185	Hà Văn Thuận	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
216	Tạ Hồng Kỳ	Tây Xuân	Tây Xuân	-	-	-	-	-	-	1,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30,000	
			Tây Xuân Total	-	0,442	0,500	1,146	0,355	0,130	1,500	2,235	-	2,100	0,350	1,657	0,540	0,048	0,420	0,020	-	151,465	
1	Nguyễn Thành Nhơn	Xuân Sơn	Đông Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,175	-	-	-	-	-	-	-	0,875	
			Đông Xuân Total	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,175	-	-	-	-	-	-	-	0,875	
2	Đặng Văn Nam	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
3	Cao Xuân Trị	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,056	-	-	-	-	-	-	-	0,025	-	-	-	-	-	-	-	0,685	
4	Nguyễn Đức Ngân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
5	Cao Xuân Năm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	0,100	
6	Võ Thị Phương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
7	Nguyễn Thị Mai	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
8	Trần Tương Lai	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,050	-	0,090	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
9	Trần Văn Thái	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,050	-	-	0,050	-	0,010	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	1,700	
10	Cao Xuân Cơ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,050	-	0,050	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
11	Nguyễn Đình Tạo	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,090	-	-	0,010	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,400	
12	Nguyễn Xuân Trịnh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
13	Nguyễn Ngọc Khang	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	4,500	
14	Trần Đình Hải	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,100	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
15	Hoàng Công Thanh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
16	Nguyễn Thị Tuyết	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,100	-	-	-	1,100	
17	Nguyễn Trung Tuyến	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	1,800	
18	Nguyễn Văn Siêm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
19	Nguyễn Viết Kỳ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,280	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,400	
20	Hồ Thị Huyền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,050	-	1,350	
21	Nguyễn Văn Tính	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
22	Trần Đình Thiên	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	0,050	0,100	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,300	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
23	Nguyễn Văn Trường	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	0,100	-	-	0,290		-	-	-	-	-	-	-	-	10,200	
24	Trần Lê Phúc	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	10,750	
25	Nguyễn Mạnh Cầm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,230	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,900	
26	Võ Văn Nam	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	0,058	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,980	
27	Trần Đình Vỹ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
28	Trần Trung Hậu	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,300	
29	Trần Đình Thi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,390	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,900	
30	Nguyễn Văn Lành	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
31	Trần Văn Trung	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
32	Nguyễn Văn Chuyến	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000	
33	Nguyễn Thị Hảo	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
34	Nguyễn Thanh Quang	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
35	Hồ Văn Ven	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	0,200	-	-	-	-	-	1,300	
36	Nguyễn Văn Minh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	0,470	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,820	
37	Phạm Thị Tứ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
38	Trần Khắc Thắng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
39	Nguyễn Tiến Ý	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,490	-	-	-	-	-	2,450	
40	Phan Công Phụng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
41	Võ Văn Thân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
42	Nguyễn Đình Tứ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
43	Trần Tân Hợi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,250	
			Hồng Xuân Total	-	0,504	0,870	2,100	0,150	-	0,850	1,010	-	0,485	0,300	0,840	0,100	0,550	-	0,050	-	93,135	
1	Nguyễn Viết Nam	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
2	Lê Ngọc Quang	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
3	Cao Xuân Đức	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
4	Nguyễn Tiến Hải	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,100	-	-	-	-	-	1,250	
5	Nguyễn Tiến Hòa	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
6	Nguyễn Thị Hợi	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
7	Nguyễn Đình Tùng	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
8	Nguyễn Ánh Công	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
9	Nguyễn Đình Định	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,230	-	-	-	-	-	-	-	1,350	
10	Nguyễn Đình Lân	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
11	Lê Văn Hoa	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
12	Bạch Thị Hương	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
13	Lê Văn Du	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
14	Hồ Công Chúng	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	1,000	
15	Đặng Văn Ngọc	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
16	Nguyễn Văn Hiu	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
17	Nguyễn Đức Hoài	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
18	Lê Văn Cửu	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,237	-	-	3,318	
19	Nguyễn Thị Liên	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650	
20	Nguyễn Tiến Minh	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
21	Nguyễn Đình Din	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,134	-	-	-	-	-	-	-	0,670	
22	Lê Văn Tình	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,455	-	-	-	-	-	-	-	2,275	
23	Lê văn Thắng	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
24	Đặng Thị Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	0,050	-	-	-	-	-	1,250	
25	Nguyễn Văn Thái	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,100	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	
26	Phan Văn Khâng	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
27	Nguyễn Đình Viêm	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
28	Nguyễn Văn Cúc	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
29	Nguyễn Đình Phong	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
30	Nguyễn Thị Trung	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
31	Nguyễn Ánh Dương	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
32	Nguyễn Đình Lan	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
33	Lương Văn Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
34	Đặng Quốc Tuyện	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,050	-	-	-	0,800	
35	Nguyễn Xuân Hiệu	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
36	Nguyễn Thị Duyên	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350	
37	Lương Sỹ Kiên	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,150	
38	Nguyễn Hồng Đại	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
39	Nguyễn Văn Hoạt	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
40	Lê Thị Nguyệt	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
41	Lê Thị Lợi	Trường Xuân	Trung Xuân	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	2,125	
42	Nguyễn Văn Quyền	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
43	Hồ Thị Lượng	Trường Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
44	Nguyễn Đình Chi	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	0,050	
45	Nguyễn Thị Thuận	Trường Xuân	Trung Xuân	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
46	Phan Thị Hường	Trường Xuân	Trung Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
47	Phan Công Bằng	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
48	Nguyễn Đình Nghiêu	Trường Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
49	Trần Văn Hàng	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,020	-	-	-	-	-	0,850	
50	Lê Thị Hương	Trường Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
51	Nguyễn Tiến Rường	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,100	-	3,250	
52	Võ văn Hưng	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
53	Phan Công Châu	Trung Xuân	Trung Xuân	-	0,100	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,200	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
54	Phan Đình Công	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
55	Nguyễn Văn Khanh	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
56	lê Văn Hòa	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,100	-	-	0,010	-	-	1,100	
57	Lê Văn Nghiên	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,300	-	6,550	
58	Nguyễn Văn Liên	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	0,050	-	-	-	-	-	1,500	
59	Nguyễn thị Hảo	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
60	Đặng Quốc Luân	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
61	Nguyễn Thế Anh	Trường Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
62	Nguyễn Ngọc Điệp	Trường Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	
63	Nguyễn Văn Mé	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	0,100	-	2,000	
64	Nguyễn Thị Nghị	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
65	Nguyễn Ngọc Tân	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,360	
66	Nguyễn Trường Thư	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	0,050	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
67	Nguyễn Thị Giáp	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
68	Phan Công Long	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
69	Nguyễn Xuân Kiếm	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	2,850	
70	Phan văn Nghi	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,050		-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
71	Trần Viết Toàn	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	0,060	
72	Nguyễn Tiến Tiệp	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
73	Lê Văn Nguyệt	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	
74	Phạm Văn Tiệp	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	
75	Nguyễn Ánh Tuyết	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,375	
76	Lê Thị Xoanh	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	0,300	
77	Nguyễn Quang Minh	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	1,500	
78	Nguyễn Thị Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	0,600	
			Trung Xuân Total	-	1,330	-	0,680	0,100	0,050	0,050	0,100	-	5,989	0,300	0,720	0,200	0,060	0,397	0,690	-	76,823	
1	Nguyễn Văn Ngọ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,450	-	-	-	0,003	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,300	-	9,411	
2	Nguyễn Văn Anh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,249	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	4,365	
3	Nguyễn Xuân Cúc	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,200	
4	Nguyễn Hồng Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,006	-	-	0,060	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
5	Phan Thị Diễn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,150	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
6	Nguyễn Văn Đằng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,375	
7	Nguyễn Thị Loan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
8	Lương Thị Sỹ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,030	0,030	-	-	0,290	-	-	-	-	-	-	-	2,410	
10	Nguyễn Văn Sửu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
11	Trần Thị Hồng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,050	0,050	-	-	0,289	-	-	0,050	-	-	-	-	3,420	
13	Nguyễn Hải Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,124	-	-	-	-	-	-	-	0,142	-	-	-	-	-	-	-	1,950	
14	Nguyễn Tiến Hùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
16	Lê Thị Như(Nguyễn Tiến Phương)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,223	-	-	-	-	-	-	-	1,615	
17	Phan Văn Lành	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,227	0,250	0,050	-	-	-	-	-	2,135	
18	Chu Thị Mai	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,200	
20	Chu Văn Minh (Chu Thị Tuấn)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,347	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,970	
21	Võ Xuân Liêu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,220	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,200	
22	Nguyễn Văn Hòa	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,056	-	-	-	-	-	-	-	0,280	
23	Phạm Thị Dương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
24	Nguyễn Hải Đăng(Nguyễn Thắng)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
25	Nguyễn Tiến Hải(Ng. Ủy-Tr. Lưu)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	0,545	-	-	-	-	-	-	-	3,325	
26	Nguyễn Thị Toàn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,010	-	-	-	-	-	0,800	
27	Nguyễn Văn Sau	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
28	Nguyễn Thị Mùi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
29	Nguyễn Văn Sáu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,392	-	-	-	-	-	-	-	1,960	
31	Nguyễn Thị Lộc	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,225	-	-	-	-	0,050	-	-	2,125	
32	Trần Xuân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,164	-	-	-	-	-	-	-	1,320	
33	Nguyễn Trung Kiên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,100	-	-	-	0,024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,288	
34	Lê Thị Thanh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,250	-	-	-	0,002	0,002	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,551	
35	Nguyễn Văn Thụ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
36	Trần Công Thụ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,200	-	-	-	0,003	0,003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,102	
37	Nguyễn Tiến Hằng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,350	-	-	-	0,032	-	0,032	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,844	
38	Nguyễn Văn bắc	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
39	Nguyễn Hữu Khánh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	2,550	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
40	Lê Thị Tình	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,200	
41	Võ Hùng Phi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,196	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,960	
42	Nguyễn văn Phương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,950	
43	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,280	-	0,033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,130	
44	Trần Thái Lan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,041	-	0,041	-	0,041	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	3,632	
45	Hà Văn Tú	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,001	-	0,001		0,164	-	0,003	-	-	-	-	-	0,874	
46	Võ Công Hạnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,550	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,500	
47	Nguyễn Văn Dành	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,520	-	0,045	-	0,016	0,016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,162	
48	Trần Thị Nông	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,500	
49	Võ Xuân Hòe	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	0,340	-	-	-	-	-	0,004	-	1,960	
50	Nguyễn Hữu Đặng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,340	-	-	-	0,020	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,240	
51	Lê Hồng Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	0,290	-	-	-	-	0,006	-	-	1,810	
52	Lê Thanh Chương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,011	-	0,008	-	0,290	-	-	-	-	-	-	-	1,824	
53	Lê Văn Cảnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	-	0,012	-	-	0,820	
54	Võ Văn Quế	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,280	-	-	-	-	-	-	-	1,400	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
55	Võ Văn Tý	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	0,010	-	-	-	-	-	1,300	
56	Đặng Thị Liên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,030	-	0,030		0,350	-	-	-	-	-	-	-	3,010	
57	Phạm Thị bá	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,002	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,279	
58	Lê Văn Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,005	-	0,005		0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,210	
59	Võ Đình Tứ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,042	-	0,042		0,450	-	-	-	-	-	-	-	4,014	
60	Trần Thị Đương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,008	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,830	
61	Trần Xuân Luy	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,050	0,050	-	-	0,300	-	0,100	-	-	-	-	-	3,600	
62	Lê Văn Thịnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,024	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,240	
63	Nguyễn Thị Tư	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,008	0,008	-	-	0,270	-	-	-	-	-	-	-	1,606	
64	Nguyễn Thị Quỳnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,153	-	-	-	0,001	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,544	
65	Nguyễn Văn Linh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
66	Lê Hồng Anh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,110	0,110	-	-	0,340	-	-	-	-	0,016	-	-	5,380	
67	Trần Thanh Huy	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
68	Nguyễn Văn Kiêm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,005	-	0,005		0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,810	
69	Trần Đình Chiến	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,153	-	-	-	-	0,015	-	-	0,915	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
70	Trần Văn Thợi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,500	
71	Nguyễn Tiến Dũng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,028	-	0,028		0,270	-	0,100	-	-	-	-	-	3,026	
72	Võ Xuân Mận	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,500	-	-	-	0,048	0,040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,376	
73	Đào Thị Hương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650	
74	Võ Thị Minh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,500	
75	Dương Thị Chất	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,015	0,015	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	1,030	
76	Võ Thị Toán	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,300	
77	Nguyễn Tiến Tùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,057	-	-	-	0,002	-	0,002	-	-	-	0,005	-	-	-	-	-	0,679	
78	Nguyễn Văn Lượng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,159	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,590	
79	Lê Thị Tuấn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,113	-	-	-	-	-	-	-	0,565	
80	Lê Công Thiềng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,405	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,650	
81	Trần Văn Cảnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
82	Nguyễn Văn Long	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,420	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	6,700	
83	Nguyễn Văn Giai	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,364	-	-	-	0,149	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,426	
84	Dương Thị Liệu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,055	-	-	-	-	-	1,025	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
85	Nguyễn Trung Dũng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,256	-	0,090	-	-	-	-	-	1,730	
86	Nguyễn Văn Thế	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,119	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,190	
87	Phan Văn Phu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,260	-	-	-	-	-	-	-	2,800	
88	Chu Thị Lĩnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,270	-	-	-	0,600	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	11,700	
89	Lê NGọc Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,196	-	-	-	-	-	0,151		3,745	
90	Nguyễn Văn Hoàn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,400	
91	Võ Xuân Đào	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,150	-	0,600	-	0,500		0,350	-	-	-	-	-	-	-	25,450	
92	Nguyễn Văn quế	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
93	Nguyễn thanh Bình	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
94	Nguyễn Văn Quân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,219	-	-	-	-	-	-	-	1,095	
95	Trần Cong Hữu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
96	Nguyễn Hữu Cần	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
97	Nguyễn Đức Trạch	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,173	-	-	-	-	-	-	-	0,865	
98	Trần Đình Thê	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
99	Phan Văn Vinh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,032		3,480	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
100	Trần Thị Lệ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	4,700	
101	Phạm Thị Liên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,268	-	0,002	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,700	
102	Đặng Thị Xuân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	2,750	
103	Nguyễn Tất Thành	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,012	0,012	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	0,484	
104	Nguyễn Tiến Tâm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
105	Võ Xuân Dương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	0,700	
106	Nguyễn Thị Nhung	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,024	0,024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,768	
107	Nguyễn Hồng Đường	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,004	-	-	0,040	
108	Chu Văn Thường	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
109	Dương Thị Tịnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,600	
110	Dặng Văn Huyền	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,105	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,260	
111	Phạm Thị Vân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,004	-	0,060	
112	Nguyễn thị Đèo	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,022	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	3,264	
113	Trần Công Dợi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	1,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14,400	
114	Nguyễn Duy Phương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	1,800	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
115	Nguyễn Thị Hòa	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,004		0,060	
116	Phạm Thị Hoài	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,005	-	-	-	-	-	-	-	0,003	-	-	-	0,078	
117	Nguyễn Đình Hương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,001	-	-	-	0,008	
118	Trần Thị Loan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,420	-	6,300	
119	Nguyễn thị Hồng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,900	
120	Võ Hoài Nam	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,005	-	-	0,150	-	-	1,525	
121	Lê Văn Hùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	0,015	-	-	-	-	-	-	-	0,008	-	-	-	0,230	
122	Phan Văn Sương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,196	-	-	0,050	-	-	-	-	1,355	
123	Nguyễn Văn Thanh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	0,300	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,100	
124	Nguyễn Hải Lân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
125	Phan Công Hiền	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,338	-	-	-	-	-	-	-	2,190	
126	Nguyễn Đức Lục	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,006	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	
127	Nguyễn Văn Dư	Văn Mỹ	Hoà Hợp	-	-	-	0,003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	
			Hoà Hợp Total	-	11,465	-	1,538	-	3,361	0,360	0,714	-	12,771	0,250	0,458	0,450	1,263	0,309	1,115	-	296,641	
1	Phạm Văn Hoàng	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
2	Nguyễn Văn Chương	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	-	0,500	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13,500	
3	Lê Thị Nhung	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,800	-	-	-	-	6,000	
4	Phan Thị Hiệu	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000	
5	Nguyễn Anh Sáng	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000	
64	Võ Văn Xuân	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
65	Phạm Văn Tiu	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
66	Ngô Thị Nga	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	
68	Ngô Văn Vinh	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
78	Dương Ngọc Linh	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
82	Nguyễn Đức Cảnh	Tây Xuân	Bắc Xuân	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	3,000	
			Bắc Xuân Total	-	0,600	-	1,400	1,500	-	-	0,200	-	-	-	0,300	0,800	-	-	-	-	56,000	
1	Trương Công Nam	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350	
2	Nguyễn Văn Thể	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	0,050	-	-	0,050	-	-	0,100		-	-	-	-	-	-	-	-	4,250	
3	Hoàng Chức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
4	Phan Huy Thành	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,100	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
5	Nguyễn Hoài Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	3,500	
6	Dương Đình Tuệ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	0,100	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	5,000	
7	Trương Thị Bé	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300	
8	Bùi Đức Công	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	0,100	-	0,050	0,050	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	4,375	
9	Trần Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	2,375	
10	Đặng Thế Cường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	
11	Thái Thị Tịnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
12	Trương Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	3,250	
13	Nguyễn Như Lâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
14	Hoàng Đình Dương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,055	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
15	Nguyễn Xuân Luyn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	0,100	-	-	1,350	
16	Lê Đình Khang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050		0,750	
17	Hoàng Trọng Lưu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
18	Lê Thị Hiên	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
19	Nguyễn Thị Lâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
20	Trương Thị Xuân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	
21	Lê Thị Thân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	
22	Đoàn Trọng Thành	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,380	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,400	
23	Trần Thị Cầu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
24	Trần Văn Bắc	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	5,000	
25	Nguyễn Văn Tịnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
26	Nguyễn Thị Tâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	0,050	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	4,750	
27	Trần Thị Minh Châu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
28	Đinh Vũ Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	0,100	-	-	1,375	
29	Trần Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	0,080	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,200	
30	Võ Tiến Cường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	3,250	
31	Bùi Cao Thắng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,500	
32	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
33	Nguyễn Quang Trung	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	0,050	-	-	1,250	
34	Lê Thị Quý	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,100	0,100	-	0,200	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	7,325	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
35	Nguyễn Thị Thuỳ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
36	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,100	-	-	1,150	
37	Hoàng Văn Hồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,100	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
38	Phạm Thị Quý	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
39	Phạm Hải Yến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	
40	Đặng Văn Dũng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	1,950	
41	Bùi Đức Kỳ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,150	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
42	Nguyễn Trung Dũng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600	
43	Phạm Thị Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
44	Ngô Xuân Nhật	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,200	
45	Nguyễn Thị Vân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	0,030	-	-	0,800	
46	Võ Công Sơn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	-	-	10,000	
47	Đặng Văn Hạnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,040	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,400	
48	Thiều Lâm Minh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,012	0,400	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	12,990	
49	Đinh Quang Niệm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,100		-	-	-	-	-	0,050	-	-	3,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
50	Đặng Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	0,200	-	3,240	
51	Phạm Anh Tuấn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
52	Nguyễn Thị Kim Ánh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	0,100	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600	
53	Đặng Văn Hiếu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	1,350	
54	Nguyễn Thị Dung	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	0,400	
55	Trần Viết Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500	
56	Trần Thị Yến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	0,040	-	-	1,150	
57	Nguyễn Hoài Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
58	Nguyễn Như Hường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,000	
59	Nguyễn Kim Hải	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300	
60	Nguyễn Văn Huân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,240	
61	Đoàn Trọng Công	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	1,200	
62	Đinh Quang Hùng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	3,375	
63	Phan Thị Oanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	1,500	
64	Bùi Đình Hợi	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,500	0,310	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	19,600	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
65	Chu Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,250	0,150	-	0,200	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,650	
66	Nguyễn Văn Đống	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000	
67	Đinh Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,050	-	-	1,625	
68	Nguyễn Tiến Vinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	0,030	-	-	0,390	
69	Nguyễn Viết Kinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	3,750	
70	Hoàng Nhỏ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,107	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,140	
71	Hà Văn Phen	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,050	-	-	-	0,200	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	7,250	
72	Hồ Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	0,070	-	-	1,450	
73	Nguyễn Thị Thu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	1,500	
74	Trần Thị Tuyết	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
75	Nguyễn Đình Sinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	6,750	
76	Trần Đức Nghị	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
77	Bùi Văn Ân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	1,500	
78	Hoàng Văn Nỷ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
79	Nguyễn Văn Long	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
80	Nguyễn Thị Lam	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
81	Võ Thành Đồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,750	
82	Lê Thị Xuyến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
83	Nguyễn Thái Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
84	Mai Quang Trường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,250	
85	Đoàn Thị Hiền	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
86	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,150	
87	Nguyễn Thị Huệ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,250	
110	Hoàng Văn Triển	Đất Đỏ	Đất Đỏ	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	2,500	
			Đất Đỏ Total	-	0,400	-	1,940	0,730	0,220	3,849	2,955	-	0,230	0,210	1,565	0,810	-	3,360	0,420	-	258,200	
1	Lê Quý Hạnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	0,060	-	-	-	-	0,090	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,400	
2	Lê Văn Giáo	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	0,100	-	0,231	-	-	-	0,069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,364	
3	Nguyễn Thị Mỹ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	0,030	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
4	Nguyễn Mậu Thất	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,268	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	5,710	
5	Nguyễn Xuân Hiền	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
6	Đặng Văn Quân	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
7	Hoàng Xuân Cường	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
8	Lê Xuân Ngụ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,100	-	0,030	-	-	-	-	-	1,650	
9	Võ Xuân Lâm	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,050		1,000	
10	Võ Văn Thọ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
11	Nguyễn Văn Tuý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,030	-	-	0,020	-	-	0,600	
12	Nguyễn Nông	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	1,120	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	11,700	
13	Hoàng Văn Vân	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	0,283	-	-	-	0,100	-	0,067	-	-	-	-	-	-	-	6,164	
14	Hoàng Thế Nhân	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
15	Nguyễn Văn Khánh	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	3,500	
16	Lê văn Sửu	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,100	-	2,500	
17	Trần Quốc Lập	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	2,000	-	-	-	-	-	0,150	-	0,300	-	-	0,200	1,000		39,250	
18	Nguyễn Nuôi	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	0,100	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	0,500	-	-	-	0,150		11,750	
19	Nguyễn Văn Hà	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
21	Phạm Văn Hiếu	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
22	: Nguyễn Văn Tiến	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
23	Nguyễn Văn Sy	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	0,100	-	0,402	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	6,825	
24	Nguyễn Thị Tơ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	0,100	-	-	1,200	1,000		28,500	
25	Võ Đình Cẩn	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
26	Nguyễn Thế Cường	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	0,300	-	-	-	0,300	-	7,000	
28	Nguyễn Văn Tài	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	0,020	-	-	0,425	
29	Trần Văn Ba	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	1,125	
30	Nguyễn Thế Tuyến	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,200	-	0,100	-	-	8,500	
31	Bùi Văn Thảo	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	0,100	0,100	-	3,500	
33	Lê Xuân Tăng	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
35	Đặng Văn Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	0,143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,287	
38	Nguyễn Văn Giảng	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,078	-	-	0,782	
42	Chu Văn Thắng	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	1,750	
43	Phạm Văn Quý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
44	Nguyễn Thị Tâm	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	2,000	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	61,000	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
45	Hoàng Thị Thiết	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
47	Trần Ngọc Minh	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,160	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,200	
51	Nguyễn Văn Hữu	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,100	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000	
52	Dương Thanh Nghệ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,066	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,983	
55	Phạm Hồng Ly	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	
56	Đặng Hoà Hiệp	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	2,000	
57	Nguyễn Thị Thảo	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,227	-	3,404	
62	Võ Xuân Bình	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,250	
65	Nguyễn Đình Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	0,100	-	-	1,300	
66	Hoàng Xuân Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
70	Nguyễn Đình Tứ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	1,800	
71	Hoàng Văn Quý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	4,500	
73	Nguyễn Thị Sỹ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
75	Võ Văn Thịnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
76	Phan Đức Thuận	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,246	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
78	Nguyễn Hùng Quang	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
79	Nguyễn Hà Tuyên	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,000	
81	Nguyễn Thế Thu	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,008	-	0,008	-	-	-	0,089	
91	Nguyễn Văn Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,750	
92	Lê Trọng Mạnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	0,100	-	2,200	
93	Nguyễn Văn Linh	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,100	-	2,500	
94	Nguyễn Thị Thái	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,015	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,825	
95	Phan Thị Tứ	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	1,000	1,000	-	-	-	1,000	-	-	0,200	0,500	-	64,500	
96	Hoàng Thị Thùy	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,750	
101	Lê Quang Trung	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
107	Nguyễn Văn Dương	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
109	Đặng Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000	
111	Nguyễn Thế Xuân	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	-	-	-	-	-	10,000	
114	Lê Quang Hợp	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,750	
116	Nguyễn Đình Quý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,049	-	-	0,488	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
118	Trương Công Toàn	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
119	Trần Thị Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
120	Nguyễn Thị Mai	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
121	Đặng Thị Thanh Tâm	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
122	Đoàn Trong Đức	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
124	Trần Hữu Trí	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
125	Nguyễn Hùng Quang	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,000	
126	Lê Thị Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	-	-	-	-	-	-	0,076	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,526	
			Trung Sơn Total	-	0,590	-	4,133	0,380	0,402	2,394	5,011	-	2,387	-	5,158	0,530	0,108	2,767	3,827	-	383,393	
1	Ngô Xuân Hồng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	0,026	-	-	-	-	1,192	
2	Nguyễn Văn Mạnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
3	Nguyễn Tiến Đức	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,098	-	-	-	-	-	-	-	0,490	
4	Ngô Thị Lý	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
5	Đặng Thị Tuýt	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,030	-	1,200	
6	Nguyễn Quốc Huy	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,292	-	-	-	-	-	-	-	1,458	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
7	Dương Thị Tâm	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
8	Đặng Thị Hiến	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
9	Lê Xuân Hà	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
10	Nguyễn Thị Tuyết Mùi	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,640	-	-	-	-	-	-	-	8,200	
11	Đặng Thị Vinh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
12	Dương Văn Viêng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,096	-	-	-	-	-	0,979	
13	Đặng Hoạch	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,911	-	-	-	-	-	-	-	4,553	
14	Ngô Thị Hoài	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
15	Phan Văn Hường	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
16	Nguyễn Thị Thi	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
17	Trần Mậu Thành	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
18	Trần Xuân Cảnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,283	-	0,087	-	-	-	-	-	1,851	
19	Nguyễn Văn Bảo	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
20	Nguyễn Thị Hiền	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
22	Dương Thị Tình	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,356	-	-	-	-	-	-	-	1,780	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
23	Nguyễn Xuân Thạo	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,305	-	-	-	-	-	-	-	1,525	
24	Nguyễn Văn Thanh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	0,125	-	0,075	-	-	0,510	-	-	6,101	
25	Nguyễn Hồng Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
26	Lê Mậu Tình	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	0,410	-	-	0,074	-	-	-	-	0,625	-	-	-	-	-	-	-	8,341	
27	Lê Hồng Cẩn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
28	Nguyễn Văn Thuận	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,398	-	-	-	-	-	0,100	-	3,492	
29	Ngô Hồng Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
30	Đặng Đình Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
31	Lê Quang Trung	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	0,010	-	1,900	
32	Ngô Quang Minh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
33	Nguyễn Văn Thi	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
34	Nguyễn Thị Tam	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,240	-	-	-	-	-	-	-	1,200	
35	Lê Anh Tuấn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,085	-	-	-	-	-	-	-	0,425	
36	Nguyễn Tiến Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	-	-	-	-	-	-	-	3,750	
37	Đặng Thị Liên	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,480	-	-	-	-	-	-	-	2,400	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
38	Nguyễn Văn Khánh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	0,050	-	-	0,010	-	-	2,850	
39	Nguyễn Hồng Thái	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
40	Nguyễn Văn Nghĩa	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
41	Phan Thị Hà	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	0,100	
42	Trần Thị Quế	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
43	Đặng Văn Khánh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,122	-	-	-	-	-	-	-	0,611	
44	Nguyễn Thị Thủy	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,800	
45	Lê Thị Vinh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,015	-	-	1,150	
46	Nguyễn Thị Thắng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
47	Đặng Đình Nuôi	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,515	-	-	-	-	-	-	-	2,575	
48	Trần Công Hải	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	6,500	
49	Đặng Thị Viêng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
50	Ngô Thị Nhiễm	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,260	-	-	-	-	-	-	-	1,300	
51	Dương Thị Thư	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,210	-	-	-	-	-	-	-	1,050	
52	Phan Văn Hương	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
53	Lê An Vỹ	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
54	Nguyễn Thị Châu	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
55	Lê Văn Thành	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,145	-	-	-	-	-	-	-	0,725	
56	Lê Văn Thông	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
57	Lê Văn Đường	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
58	Nguyễn Tiến Chung	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,550	
59	Nguyễn Văn Thái	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
60	Ngô Toàn Thắng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	0,200	-	-	-	-	2,500	
61	Nguyễn Thị Diên	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	0,166	-	-	-	-	0,380	-	-	-	-	-	-	-	4,392	
62	Dương Đình Thám	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
63	Nguyễn Xuân Quý	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,217	-	-	-	-	-	-	-	1,086	
64	Nguyễn Anh Tuấn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
65	Ngô Văn Minh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
66	Trần Công Phương	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,109	-	-	-	-	-	-	-	0,545	
67	Trần Đình Quý	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
68	Nguyễn Mạnh Tiến	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,225	-	-	-	-	0,060	-	-	1,725	
69	Trần Hồng Quảng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,473	-	0,020	-	-	-	-	-	2,464	
71	Ngô Nam Định	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,330	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
72	Trần Đức Cường	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,192	-	-	-	-	-	-	-	5,961	
73	Ngô Hữu Quyết	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	2,250	
74	Đặng Đình Hồng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
75	Đặng Chí Dũng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
76	Đặng Quang Trung	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
77	Đặng ĐÌnh Lục	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
78	Đặng Văn Hường	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
79	Ngô Văn Bảy	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,317	-	-	-	-	-	-	-	1,585	
80	Ngô Văn Tá	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	2,250	
81	Trần Sang	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
82	Trần Thế Hữu	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
83	Phan Văn Hương	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
84	Võ Thị Thủy	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
85	Nguyễn Văn Lợi	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
86	Trần Đức Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
87	Đặng Văn Hiệp	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
88	Trương Đức Vỹ	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
89	Nguyễn Thị Thanh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
90	Nguyễn Tiến Cường	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
91	Trương Hùng	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
92	Trần Hải Lực	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
93	Nguyễn Văn Nghĩa	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	0,050	-	-	-	-	-	2,750	
94	Nguyễn Văn Thuyên	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,306	-	-	-	-	-	-	-	1,530	
95	Trần Đình hIệp	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
96	Đặng Văn Tơ	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
97	Trần Xuân Canh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
98	Nguyễn Trọng Hòa	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
99	Nguyễn Tiến Thìn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,335	-	-	-	-	-	-	-	1,675	
100	Nguyễn Tiến Mạnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,320	-	-	-	-	-	-	-	1,600	
101	Nguyễn Văn Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
102	Nguyễn Văn Hoan	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
103	Nguyễn Văn Nhân	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,256	-	-	-	-	-	-	-	1,280	
104	Nguyễn Quyết Định	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
105	Nguyễn Xuân Thanh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
106	Lê Đức Hộ	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
107	Trương Hồng Tú	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
110	Ngô Văn Tiến	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
112	Ngô Văn Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,064	-	-	-	-	0,482	
116	Trần Thanh Tịnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,111	-	-	-	-	0,835	
127	Lê Đức Thọ	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	0,037	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,422	
128	Lê Bính Thìn	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	0,020	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,800	
129	Đặng Văn Mậu	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
137	Lê Thế Kỷ	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	0,082	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,449	
138	Nguyễn Văn Tuyết	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	0,025	-	-	-	-	-	-	0,976	
139	Lê Văn Lý	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	0,053	-	0,053	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,155	
140	Lê Thị Lai	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	0,069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,370	
141	Trần Vũ Điệp	Văn Sơn	Mỹ Liên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	0,300	
			Mỹ Liên Total	0,350	0,410	0,037	0,253	0,321	0,053	0,319	0,272	-	30,269	0,025	0,478	0,401	-	0,595	0,160	-	191,978	
1	Nguyễn Tiến Dực	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,050	-	-	-	-	-	1,500	
2	Nguyễn Xuân Tránh	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,090	-	-	-	-	-	-	-	0,450	
3	Nguyễn Hữu Quyền	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
4	Đặng Thị Quảng	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,066	-	-	-	-	-	-	-	1,330	
5	Đặng Đình Tần	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
6	Nguyễn Tiến Lan	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
7	Phạm Văn Hùng	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
8	Nguyễn Văn Đức	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,550	
9	Đặng Đình Thưởng	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
10	Cao Xuân Bắc	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
11	Nguyễn Tiến Vinh	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
12	Nguyễn Trọng Điểm	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
13	Hồ Thị Liên	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,200	
14	Nguyễn Văn Khánh	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
15	Nguyễn Tiến Đương	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
16	Nguyễn Tiến Trương	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
17	Nguyễn Đức Phệ	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
19	Nguyễn Văn Phúc	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
20	Đặng Đình Điện	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
21	Nguyễn Thị Dị	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
22	Phạm Văn Hiền	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
23	Nguyễn Văn Sau	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,800	
24	Nguyễn Thị Nghiêm	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
25	Nguyễn Tiến Cường	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,400	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
26	Đặng Đình Đằng	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
27	Nguyễn Tiến Đựng	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,150	
28	Nguyễn Văn Oánh.	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	0,850	
29	Đặng Thanh Quế	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,200	-	-	-	-	-	1,500	
30	Đặng Xuân Thúc	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
31	Nguyễn Viết Trung	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
32	Lê Ngọc Vĩnh	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350	
33	Nguyễn Công Vị	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,360	-	-	-	-	-	-	-	1,800	
34	Đặng Quốc Luật	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,090	-	-	-	-	-	-	-	0,450	
35	Nguyễn Đức Phê	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
36	Nguyễn Tiến Viễn,	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	0,375	
37	Nguyễn Thị Khuyến	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
38	Đinh Thị Minh	Trường Xuân	Trường Xuân	-	0,720	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,200	
39	Nguyễn Thị Hán	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	0,200	
40	Nguyễn Văn Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
41	Nguyễn Văn Nhị	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
42	Nguyễn Văn Duê	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	1,200	
43	Đặng Đình Hiếu	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
44	Trần Thị Phơn	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
45	Lê Ngọc Vọ	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,800	-	-	-	-	6,000	
46	Đặng Xuân	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
47	Trần Hữu Phúc	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500	
48	Nguyễn Tiến Kích	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
49	Nguyễn Lương Huy	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,150	
50	Nguyễn Thị Nông	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	2,200	
110	Nguyễn Bá Thọ	Trường Xuân	Trường Xuân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
			Trường Xuân Total	-	1,960	-	0,440	-	-	0,030	0,050	-	3,601	0,050	0,650	0,800	-	0,030	-	-	53,805	
1	Dương Văn Phức	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
2	Dương Văn Lãm	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,448	-	-	-	-	-	-	-	2,240	
3	Lương Văn Tam	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
5	Dương Văn Dục	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,135	-	-	-	-	-	-	-	0,675	
6	Nguyễn Mậu Khất	Văn Lạc	Văn Lạc	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
7	Hoàng Văn Được	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,253	-	-	-	-	-	-	-	1,265	
8	Đặng Văn Tạo	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,170	-	-	-	-	0,009	-	-	0,940	
9	Lê Văn Dinh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,298	-	-	-	-	-	-	-	1,490	
10	Phan Công Thường	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,150	
12	Nguyễn Thị Huyền.	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
13	Nguyễn Thị Lành	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
14	Dương Thị Hà	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,298	-	-	-	-	-	-	-	1,490	
15	Hoàng Hậu	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,153	-	-	-	-	-	-	-	0,765	
16	Nguyễn Văn Hùng	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
17	Lê Văn Hiền	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,777	-	-	-	-	-	-	-	3,885	
18	Phan Công Thắm	Văn Sơn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,160	-	-	-	-	-	-	-	0,800	
19	Lương Văn Liệu	Văn Lạc	Văn Lạc	-	0,296	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,360	
20	Lê Thị Thủy	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,149	-	-	-	-	-	-	-	0,745	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
21	Nguyễn Mậu Tân	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
22	Dương Công Hoàn	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	0,030	-	-	-	-	-	1,150	
23	Phan Văn Xìn	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
24	Lương Thị Hồng	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
25	Tưởng Đức Thiện	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,069	-	-	-	-	-	-	-	0,345	
26	Đinh Văn Trinh	Văn Sơn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,160	-	-	-	-	-	-	-	0,800	
27	Lê Văn Bình	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
28	Lương Văn Sỹ	Văn Sơn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	0,850	
29	Đặng Đình Long	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,086	-	-	-	-	-	-	-	0,430	
30	Đinh Văn Lãnh	Văn Sơn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
31	Nguyễn Anh Nhật.	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350	
32	Lê Thị Thạnh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	0,850	
33	Lương Văn Kỳ	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,240	-	-	-	-	-	-	-	1,200	
34	Nguyễn Văn Mến	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,230	-	0,043	-	-	-	-	-	1,365	
35	Đào Thị Anh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác														Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
36	Dương Văn Chiểu	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	0,375	
37	Hoàng Xuân Tú	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
38	Nguyễn Đình Lương	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,950	
39	Dương Văn Ngụ	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
40	Nguyễn Mậu Phúc	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
42	Lê Quốc Hương	Văn Lạc	Văn Lạc	0,250	-	-	-	-	-	0,013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,260	
43	Nguyễn Ngọc Dũng	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
45	Dương Văn Gia	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
46	Dương Thanh Tân	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	0,020	-	-	-	-	1,150	
47	Lê văn Bốn	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,340	-	-	-	-	-	-	-	1,700	
48	Lê Anh Ngọ	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
49	Nguyễn Mậu Ích	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,465	0,050	-	-	-	-	0,016	-	2,715	
51	Nguyễn Mậu Hào	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	0,240	-	0,072	-	-	-	-	-	3,560	
52	Nguyễn Văn Tình	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,114	-	-	-	-	-	-	-	0,570	
53	Lê Thị Công	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	0,030	-	1,450	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác														Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích								
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
54	Dương Văn Phận	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,090	-	-	-	-	-	-	-	0,450	
55	Nguyễn Văn Hiệu	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,050	-	-	-	0,050	-	1,750	
56	Dương Ngọc Toàn	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,220	-	-	-	-	-	-	-	1,100	
57	Nguyễn Mậu Hồng	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
58	Phan Thị Khuê	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
59	Hoàng Thị Hà	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,171	-	-	-	-	-	-	-	0,855	
60	Nguyễn Văn Hoạch	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	-	0,625	
61	Nguyễn Văn Lạc	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
62	Nguyễn Mậu Phàng	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
63	Nguyễn Thị Lũy	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
64	Lê Xuân Phú	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
65	Hà Văn Anh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	0,900	
66	Dương Tấn Tài	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,307	-	-	-	-	-	-	-	1,535	
67	Dương Tuỳn	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
68	Hà Văn Cử	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
69	Lê Văn Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	0,200	-	-	-	-	-	2,250	
72	Lê Văn Mong	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
73	Nguyễn Mậu Gia	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
74	Nguyễn Mậu Liên	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
75	Nguyễn Tiến Din	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	2,300	
76	Lê Văn Cư	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	0,100		-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,100	
77	Nguyễn Văn Phúc	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
78	Nguyễn Thị Lành	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
79	Nguyễn Tiến Đạt	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
80	Nguyễn Mậu Tình	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
81	Nguyễn Mậu Sau	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500	
82	Lương Sỹ Ngọ	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	0,600	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	6,100	
83	Dương Nhật Hà	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
84	Tưởng Văn Ký	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	2,400	
85	Trần Xuân Út	Văn Lạc	Văn Lạc	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
86	Dương Xuân Cảnh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000	
87	Hoàng Xuân Sơn	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
88	Hoàng Hoành	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
89	Trần Xuân Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,235	-	-	-	-	-	-	-	1,175	
90	Nguyễn Thị Vinh	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,230	-	-	-	-	-	-	-	1,150	
91	Lê Văn Kiên	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650	
92	Dương Văn Thực	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
93	Dương Văn Nhân	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
94	Tưởng Thị Thuật	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,020	-	-	1,200	
95	Dương Ngọc Nông	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
96	Dương Minh Trung	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
97	Phan Thanh Hải	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,406	-	-	-	-	-	-	-	2,032	
98	Hoàng Văn Nguần	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
99	Nguyễn Văn Ước	Văn Sơn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	-	0,625	
100	Nguyễn Mậu Trí	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,286	-	-	-	-	-	-	-	1,428	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
101	Nguyễn Mậu Sáng	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
103	Nguyễn Trung Thành	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,134	-	-	-	-	-	-	-	0,671	
104	Lương Văn Trường	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
105	Nguyễn Trung Thành	Đồng Văn	Văn Lạc	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,400	
106	Lương Xuân Bang	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
107	Dương Văn Tình	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,309	-	-	-	-	-	-	-	1,547	
108	Dương Văn Thành	Đồng Văn	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,550	-	-	-	-	-	-	-	2,750	
109	Bùi Thị Hồng	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,052	-	-	-	-	-	-	-	0,260	
110	Đinh Thanh Tân	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,046	0,040	0,010	-	-	-	-	0,413	
111	Nguyễn Văn Lợi	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	0,100	
113	Dương Văn Nam	Văn Lạc	Văn Lạc	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
			Văn Lạc Total	0,350	0,886	0,700	0,200	0,230	-	0,033	-	-	19,360	0,096	0,455	0,030	-	0,029	0,096	-	120,488	
1	Phùng Tiến Dục	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
2	Dương Ngọc Sửu	Đồng Văn	Đại Đồng	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
3	Dương Ngọc Hoa	Đồng Văn	Đại Đồng	0,120	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,500	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
4	Phạm Thị Điền	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
5	Lê Văn Sáng	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
6	Phùng Văn Sau	Đồng Văn	Đại Đồng	0,199	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
7	Lương Văn Quân	Đồng Văn	Đại Đồng	0,300	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	2,250	
8	Lương Đình Tăng	Đồng Văn	Đại Đồng	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
10	Phan Xuân Nam	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
13	Nguyễn Thị Nhuần	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
14	Lương Thị Liệu	Đồng Văn	Đại Đồng	0,280	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
15	Lê Văn Thạnh	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
17	Dương Đình Phúc	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
19	Nguyễn Thị Tiếp	Đồng Văn	Đại Đồng	0,140	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	2,000	
20	Hoàng Quốc Việt	Đồng Văn	Đại Đồng	0,270	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	1,350	
21	Hà Văn Lâm	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	0,053	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,786	
23	Nguyễn Văn Nam	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	2,750	
26	Lương Thị Ly	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,050	-	-	-	0,800	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
27	Lương Thị Lý	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
28	Dương Thị Hiệp	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
29	Dương Ngọc Chúc	Đồng Văn	Đại Đồng	0,224	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
31	Dương Văn Nghì	Đồng Văn	Đại Đồng	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	1,250	
35	Dương Văn Thọ	Đồng Văn	Đại Đồng	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
39	Dương Văn Thong	Đồng Văn	Đại Đồng	0,400	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
41	Nguyễn Đình Nuôi	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350	
43	Dương Văn Xem	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,650	
44	Nguyễn Thị Châu	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
46	Ngô Văn Sáu	Đồng Văn	Đại Đồng	0,100	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
47	Dương Văn Quý	Đồng Văn	Đại Đồng	0,238	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600	
50	Nguyễn Đình Vẻ	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,095	-	-	-	-	-	-	-	0,475	
51	Dương Xuân Trung	Đồng Văn	Đại Đồng	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
52	Dương Xuân Thảo	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
54	Lê Văn Tân	Đồng Văn	Đại Đồng	0,160	0,060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
55	Nguyễn Văn Tình	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	
56	Nguyễn Đức Hùng	Đồng Văn	Đại Đồng	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
57	Dương Xuân Cứ	Đồng Văn	Đại Đồng	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	0,050	-	-	4,750	
58	Lê Thị Thủy	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,040	-	-	1,400	
59	Dương Văn Bình	Đồng Văn	Đại Đồng	0,100	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700	
62	Trần Thị Vân	Đồng Văn	Đại Đồng	0,050	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
63	Dương Ngọc Đượm	Đồng Văn	Đại Đồng	0,110	0,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,900	
66	Đậu Thị Lý	Đồng Văn	Đại Đồng	0,053	0,060	-	-	-	0,050	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,600	
67	Nguyễn Thị Sương	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
69	Hoàng Hoa Thám	Đồng Văn	Đại Đồng	0,300	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	
71	Hoàng Xuân Trung	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,058	-	-	-	-	0,025	-	-	0,539	
72	Nguyễn Thị Hoa	Đồng Văn	Đại Đồng	0,190	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
74	Hà Huy Cường	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
75	Phạm Văn Xảo	Đồng Văn	Đại Đồng	0,100	0,069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,690	
76	Nguyễn Mậu Trạch	Đồng Văn	Đại Đồng	0,150	-	-	-	-	-	0,070	-	-	0,100	-	-	0,200	-	-	-	-	3,400	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
77	Lê Văn Thuật	Đồng Văn	Đại Đồng	0,255	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,089	-	-	-	-	-	0,445	
78	Lương Xuân Hòe	Đồng Văn	Đại Đồng	0,071	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,020	-	-	0,700	
80	Dương Văn Huấn	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
81	Đặng Xuân Bảo	Đồng Văn	Đại Đồng	0,924	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
83	Nguyễn Thị Liên	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
86	Nguyễn Văn Thanh	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
87	Lê Văn Tầng	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	0,057	-	-	-	-	-	-	0,200	0,138	-	-	-	-	-	-	1,756	
88	Nguyễn Quang Chủng	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	0,340	-	-	-	-	-	-	-	2,450	
90	Dương Văn Bản	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	0,048	-	-	-	-	-	1,490	
92	Dương Xuân Thủy	Đồng Văn	Đại Đồng	0,400	-	-	0,025	-	-	-	0,030	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,650	
93	Nguyễn Văn Kỷ	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	2,100	
94	Nguyễn Văn Quang	Đồng Văn	Đại Đồng	0,180	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
95	Nguyễn Đình Viện	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
96	Nguyễn Văn Tính	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
98	Dương Văn Thơm	Đồng Văn	Đại Đồng	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+2 1*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
99	Dương Văn Lương	Đồng Văn	Đại Đồng	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	2,200	
100	Lê Hữu Minh	Đồng Văn	Đại Đồng	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	0,150	-	-	-	-	-	-	0,950	
102	Hoàng Thị Vinh	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
103	Dương Văn Căn	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,038	-	-	-	0,229	
104	Nguyễn Thị Hường	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
107	Phùng Văn Cừ	Đồng Văn	Đại Đồng	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
108	Dương Thường	Đồng Văn	Đại Đồng	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
110	Lương Ngọc Sơn	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,040	-	-	1,400	
111	Dương Thị Hạnh	Đồng Văn	Đại Đồng	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	1,050	
112	Nguyễn Văn Tuê	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
113	Nguyễn Ngọc Thành	Đồng Văn	Đại Đồng	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
114	Dương Văn Định	Đồng Văn	Đại Đồng	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	0,620	-	-	-	-	-	-	2,860	
115	Nguyễn Tiến Kỳ	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,042	-	-	-	-	-	-	2,126	
116	Nguyễn Tiệp	Đồng Văn	Đại Đồng	0,170	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
117	Dương Văn Hương	Đồng Văn	Đại Đồng	0,172	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác															Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích							Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
118	Dương Văn Hiệu	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,085	-	-	-	-	0,045	-	-	0,875	
119	Nguyễn Văn Vinh	Đồng Văn	Đại Đồng	-	0,093	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	1,280	
122	Nguyễn Thị Bích	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
125	Hà Văn Thành	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300	
136	Dương Văn Nguyền	Đồng Văn	Đại Đồng	0,125	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
137	Nguyễn Văn Cảnh	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500	
138	Nguyễn Tiến Hùng	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
139	Lương Hữu Cần	Đồng Văn	Đại Đồng	0,120	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750	
140	Lê Công Định	Đồng Văn	Đại Đồng	0,170	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
141	Hoàng Văn Điền	Đồng Văn	Đại Đồng	0,320	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
142	Ngô Văn Thành	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000	
143	Dương Văn Thân	Đồng Văn	Đại Đồng	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	0,078	-	-	-	-	-	-	-	0,390	
144	Lương Ngọc Thanh	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,150	-	-	-	-	0,010	-	-	1,050	
145	Nguyễn Văn Tý	Đồng Văn	Đại Đồng	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500	
147	Nguyễn Văn Ty	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	0,047	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,438	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra) (ha)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng) (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết (ha)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống (ha)	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng (ha)	28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+ 23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+17*20 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*30tr.đ	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
148	Lương Văn Huấn	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250	
149	Nguyễn Trung Kiên	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	0,299	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	7,480	
150	Dương Xuân Hòa	Đồng Văn	Đại Đồng	0,246	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,200	
151	Dương Xuân Tịnh	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,550	-	-	-	-	-	-	-	2,750	
152	Dương Xuân Bắc	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,287	-	-	-	-	-	-	-	1,435	
153	Dương Văn Cứ	Đồng Văn	Đại Đồng	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,550	
154	Dương Xuân Vĩnh	Đồng Văn	Đại Đồng	0,200	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
155	Võ Thị Đảm	Đồng Văn	Đại Đồng	0,152	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000	
156	Dương Văn Gia	Đồng Văn	Đại Đồng	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,060	-	-	0,850	
157	Trần văn Huân	Đồng Văn	Đại Đồng	0,075	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,600	
161	Dương Trung Triều	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	0,009	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180	
162	Dương Xuân Được	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600	
163	Nguyễn Thị Tâm	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	
164	Dương Hoành	Đồng Văn	Đại Đồng	-	-	-	-	-	-	0,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16,000	
			Đại Đồng Total	14,934	1,752	0,232	0,235	0,050	0,303	1,935	0,030	-	10,613	1,100	0,287	0,200	0,088	0,370	-	-	128,773	

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Thiệt hại các loại cây trồng khác																Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
					Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									
				Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)					
					Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng		
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
			Grand Total	**15,834**	**24,901**	**3,289**	**17,715**	**5,321**	**5,090**	**14,984**	**22,629**	**-**	**171,655**	**3,681**	**14,917**	**6,796**	**3,984**	**10,017**	**8,784**	**-**	**2.816,029**	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)											Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)					Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	
							Diện tích cây					Diện tích cây			
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đặng Xuân Mưu	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0,8894	0	0	0	0	0	0	0	0	13,341	
4	Nguyễn Văn Quyền	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
6	Nguyễn Mậu Lực	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,906	0	0	0	0	0	0	0	0	13,590	
7	Đặng Văn Bản	Văn Lạc	Liên Sơn	0,24	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,920	
12	Nguyễn Văn Tý	Văn Sơn	Liên Sơn	0	1,43133	0	0	0	0	0	0	0	0	21,470	
13	Lê Văn Phiến	Văn Lạc	Liên Sơn	3,4	3,9	0	0	0	0	0	0	0	0	85,700	
20	Nguyễn Văn Quyền	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	21,000	
21	Nguyễn Thị Hồng	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0,3207	0	0	0	0	0	0	0	0	4,811	
23	Nguyễn Văn Lưu	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,05	0	0	0	0	0	0	0	0	0,750	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
24	Đặng Thị Thảo	Văn Lạc	Liên Sơn	0,15	0,65	0	0	0	0	0	0	0	0	10,950	
25	Nguyễn Mậu Lành	Văn Lạc	Liên Sơn	2	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	16,750	
26	Lê Hồng Cẩm	Văn Lạc	Liên Sơn	0,24	0,4036	0	0	0	0	0	0	0	0	7,974	
27	Dương Thị Vượng	Văn Lạc	Liên Sơn	0,35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,800	
28	Đặng Đình Lộc	Văn Lạc	Liên Sơn	1	3,6049	0	0	0	0	0	0	0	0	62,074	
29	Đặng Đình Đèo	Văn Lạc	Liên Sơn	0	4,27568	0	0	0	0	0	0	0	0	64,135	
30	Nguyễn Mậu Cương	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,04	0	0	0	0	0	0	0	0	0,600	
31	Nguyễn Văn Thỉ	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,3321	0	0	0	0	0	0	0	0	19,982	
33	Lê Thế Vinh	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,9468	0	0	0	0	0	0	0	0	14,202	
34	Nguyễn Cần Thơ	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,4663	0	0	0	0	0	0	0	0	6,995	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
37	Hoàng Văn Đán	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	3,750	
39	Nguyễn Khắc Ứng	Văn Lạc	Liên Sơn	2	3,2	0	0	0	0	0	0	0	0	64,000	
40	Nguyễn Văn Quang	Văn Lạc	Liên Sơn	0,6848	2,7294	0	0	0	0	0	0	0	0	46,419	
42	Nguyễn Văn Quý	Văn Lạc	Liên Sơn	0	7,7222	0	0	0	0	0	0	0	0	115,833	
44	Nguyễn Văn Ký	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
49	Nguyễn Hữu Hà	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,14	0	0	0	0	0	0	0	0	2,100	
50	Nguyễn Thị Tâm	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0,22903	0	0	0	0	0	0	0	0	3,435	
52	Đặng Đình Phúc	Văn Lạc	Liên Sơn	2,4065	2,6808	0	0	0	0	0	0	0	0	59,464	
53	Nguyễn Thị Toản	Văn Lạc	Liên Sơn	0	2,8816	0	0	0	0	0	0	0	0	43,224	
54	Phạm Thị Nhiện	Văn Sơn	Liên Sơn	0	1,0264	0	0	0	0	0	0	0	0	15,396	
58	Nguyễn Thị Thủy	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,9569	0	0	0	0	0	0	0	0	14,354	
64	Lê Thị Bích Liên	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,8642	0	0	0	0	0	0	0	0	12,963	
66	Lê Thị Tiệp	Văn Lạc	Liên Sơn	0	3,6197	0	0	0	0	0	0	0	0	54,296	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
68	Đặng Văn Hùng	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
72	Nguyễn Văn Dy	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,1298	0	0	0	0	0	0	0	0	16,947	
75	Nguyễn Thị Lan	Văn Sơn	Liên Sơn	0	5,4512	0	0	0	0	0	0	0	0	81,768	
76	Nguyễn Văn Bé	Văn Lạc	Liên Sơn	0	3,6318	0	0	0	0	0	0	0	0	54,477	
77	NguyễN Thị Gái	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0,22813	0	0	0	0,5723	0	0	0	0	5,711	
78	Nguyễn Văn Lê	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,6538	0	0	0	0	0	0	0	0	24,807	
79	Võ Tá Ba	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0,8862	0	0	0	0	0	0	0	0	13,293	
81	Đặng Đình Tâm	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	11,250	
83	Lương Thị Thư	Văn Sơn	Liên Sơn	0	2,2422	0	0	0	0	0	0	0	0	33,633	
86	Nguyễn Văn Thắng	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
92	Phan Thị Luyến	Văn Sơn	Liên Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
95	Dương Thừa Đọt	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0	0	0	0	0	0,4409	0	0	0	3,307	
96	Nguyễn Mậu Hiến	Xuân Sơn	Liên Sơn	0	2	0	0	0	1,5	1,8	0	0	0	49,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
100	Nguyễn Văn Duyên	Văn Lạc	Liên Sơn	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
101	Nguyễn Mậu Sau	Văn Lạc	Liên Sơn	0	6	0	0	0	0	5	0	0	0	127,500	
103	Đặng Thị Biền	Văn Lạc	Liên Sơn	1	2,1647	0	0	0	0	0	0	0	0	40,471	
104	Lê Minh Hải	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
105	Nguyễn Trọng Anh	Xuân Sơn	Liên Sơn	0	1,1942	0	0	0	0	0	0	0	0	17,913	
118	Nguyễn Văn Tuấn	Văn Sơn	Liên Sơn	0	1,5215	0	0	0	0	0	0	0	0	22,823	
120	Dương Thị Điểm	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	3,750	
124	Hồ Đức Hiển	Văn Sơn	Liên Sơn	5	3	0	0	0	0	0	0	0	0	85,000	
129	Nguyễn Văn Duẩn	Văn Lạc	Liên Sơn	0	3,9991	0	0	0	0	0	0	0	0	59,987	
138	Nguyễn Trọng Việt	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
141	Lê Lân	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,6691	0	0	0	0	0	0	0	0	25,037	
142	Lê Văn Dy	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,5	0	0	0	1,7588	0	0	0	0	29,535	
143	Lê Văn Dũng	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
146	Phan Văn Quyền	Văn Sơn	Liên Sơn	0	4,8053	0	0	0	0	0	0	0	0	72,080	
150	Nguyễn Tiến Dự	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,4756	0	0	0	0	0	0	0	0	22,134	
151	Dương Thị Thơ	Văn Sơn	Liên Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
152	Lê Văn Lan	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
154	Nguyễn Văn Duy	Văn Lạc	Liên Sơn	1,6	0,35	0	0	0	0	0	0	0	0	18,050	
155	Đặng Thức	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
156	Võ Tá Sửu	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0,4693	0	0	0	0	0	0	0	0	7,040	
158	Võ Tá Vinh	Văn Sơn	Liên Sơn	0	1,5656	0	0	0	0	0	0	0	0	23,484	
162	Đặng Văn Nam	Văn Lạc	Liên Sơn	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
163	Nguyễn Trọng Dung	Xuân Sơn	Liên Sơn	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
164	Phan Công Dũng	Văn Lạc	Liên Sơn	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
165	Nguyễn Thị Lượng	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0,5338	0	0	0	0	0	0	0	0	8,007	
166	Nguyễn Trọng Quý	Xuân Sơn	Liên Sơn	0,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	19,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
170	Phan Công Mạnh	Văn Sơn	Liên Sơn	0	5,5118	0	0	0	0	0	0	0	0	82,677	
171	Nguyễn Đình Tú	Văn Lạc	Liên Sơn	0	1,9122	0	0	0	0	0	0	0	0	28,683	
173	Dương Văn Nông	Văn Sơn	Liên Sơn	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
174	Lê Thị Liên	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
175	Trần Thị Hạnh	Văn Sơn	Liên Sơn	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
			Liên Sơn Total	23,5713	122,362	0	0	0	5,8311	9,8409	0	0	0	2.121,137	
103	Trần Văn Đại	Văn Thanh	Thanh Sơn	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,600	
			Thanh Sơn Total	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,600	
1	Trần Đức Kiên	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,6084	0	0	0	0	2,434	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Nguyễn Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0,4617	0	0	0	0	0	0	0	0	6,926	
3	Ngô Văn Hiển	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,3	0	0	0	0	5,200	
4	Trần Nhật Tú	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,7	0	0	0	0	2,800	
5	Lê Văn Năm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,1673	0	0	0	0	0,669	
7	Phan Thị Minh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	2,908	0	0	0	0	0	0	0	0	0	23,264	
8	Nguyễn Thị Khuyên	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
11	Nguyễn Văn Hải	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	0	0,600	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
12	Nguyễn Văn Thảo	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,5722	0	0	0	0	2,289	
13	Phạm Văn Diếu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	0	1,200	
14	Đặng Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,4037	0	0	0	0	1,615	
18	Ngô Văn Nam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	11,250	
19	Nguyễn Văn Thuấn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,0433	0	0	0	0	4,173	
20	Lê Văn Tám	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,3901	0	0	0	0	1,560	
23	Ngô Bá Quyền	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	3,9104	0	0	0	0	15,642	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
25	Trần Mạnh Hùng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,5458	0	0	0	0	2,183	
27	Trần Tiết	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	1,4942	0	0	0	11,207	
29	Nguyễn Thị Nga	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,3328	0	0	0	0	1,331	
30	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	3,0734	0	0	0	0	12,294	
34	Phạm Trung Hiếu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,4	0	0	0	0	1,600	
35	Trần Công Mân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
37	Phan Thị Lan	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
39	Phạm Vũ Lượng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	2,9499	0	0	0	0	11,800	
40	Lê Đức Dương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,4082	0	0	0	0	5,633	
43	Ngô Văn Phương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
44	Trần Quý Hành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,5474	0	0	0	0	2,190	
45	Ngô Hữu Thọ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0,8572	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,858	
46	Lê Quốc Dũng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	2,9249	0	0	0	0	11,700	
47	Trần Văn Lộc	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0	0,400	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
48	Phạm Định	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,7713	0	0	0	0	3,085	
51	Lê Thị Thanh Huê	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0,346	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,768	
53	Nguyễn Văn Băng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,400	
55	Trần Văn An	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	1,0239	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,191	
57	Nguyễn Thông	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,85	0	0	0	0	3,400	
58	Nguyễn Văn Cảnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	
59	Nguyễn Tiến Nam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	1,6315	0	0	0	12,236	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
60	Nguyễn Văn Chế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	2,5232	0	0	0	18,924	
63	Trần Quý Tịnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0,9663	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,730	
64	Nguyễn Tiến Vững	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	1,8665	0	0	0	0	0	0	0	0	27,998	
68	Lê Văn Phúc	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,23	0	0	0	0	0,920	
69	Trần Tuân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,7	0	0	0	0	2,800	
71	Trần Đình Phương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
73	Nguyễn Tiến Nhị	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
74	Nguyễn Thị Thuận	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0,3	0	0	0	0	0,2318	0	0	0	0	3,327	
75	Trần Thị Mai	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,704	0	0	0	0	6,816	
76	Nguyễn Văn Tích	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,400	
77	Trần Quang Trung	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	4,4548	0	0	0	0	17,819	
78	Trần Văn Tuế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	2,5315	0	0	0	0	10,126	
80	Nguyễn Thị Thìn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,000	
81	Nguyễn Văn Thành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	0	1,200	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
82	Phạm Đa Thể	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
84	Nguyễn Văn Sanh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0,6964	0	0	0	0,26	0	0	0	0	11,486	
85	Lê Xuân Toàn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	1,8	0	0	0	0	1,8	0	0	0	40,500	
88	Trần Đại Nghĩa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,65	0	0	0	0	2,600	
89	Phạm Công Thắng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,1963	0	0	0	0	0,785	
99	Ngô Thanh Tân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	2	0	0	0	0	1	0	0	0	37,500	
102	Hoàng Thị Xinh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
104	Ngô Văn Thụ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
106	Phạm Vũ Tài	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	2,0868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,694	
108	Bùi Thị Quế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,077	0	0	0	0	4,308	
109	Trần Thị Thắm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
110	Đặng Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	1,0522	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,418	
114	Nguyễn Thị Mai	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	3	0	0	0	0,7	0	0	0	0	47,800	
115	Trần Hữu Lực	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	9,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
116	Trần Đức Thuần	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	18,000	
117	Trần Văn Tâm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	
118	Trần Công Biên	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	45,0647	0	0	0	0	0	0	0	0	675,971	
119	Nguyễn Văn Hòa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	2,4214	0	0	0	0	0	0	0	0	36,321	
120	Nguyễn Thị Hào	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,243	0	0	0	0	0,972	
121	Phạm Trung Mạnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
122	Trần Công Duẩn	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0		0,15	0	0	0	1,125	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
123	Trần Quốc Sang	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
124	Trần Công Chiến	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	2,5	0	0	0	0	0,922	0	0	0	44,415	
125	Trần Đức Dinh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0,35	0	0	0	0	1,400	
126	Nguyễn Văn Thắng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,8	0	0	0	0	7,200	
128	Nguyễn Thị Mùi	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	0	0,2728	0	0	0	2,046	
129	Nguyễn Văn Hữu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0	0	0	1,0002	0	0	0	0	4,001	
130	Ngô Văn Lam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0,422	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,376	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)											Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)					Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
			Nam Mỹ Lợi Total	16,8124	67,3607	0	0	0	43,3777	13,794	0	0	0	1.421,873	
1	Đặng Văn Chiến	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1	2,5	0	0	0	1	0	0	0	0	49,500	
2	Hoàng Trọng Hợi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1,16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,280	
3	Hoàng Đình Nghị	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	9	0	0	0	0	0	0	0	0	135,000	
4	Hoàng Văn Sơn	Đất Đỏ	Bắc Sơn	22,2975	3	0	0	0	0	6,9587	0	0	0	275,570	
5	Lê Minh Huệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0,446	2,0834	0	0	0	1	0	0	0	0	38,819	
6	Lê Văn Dụng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	4,39	0	0	0	0	0	0	0	0	65,850	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
7	Nguyễn Hồng Quế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	4,31	0	0	0	0	0,85	0	0	0	71,025	
8	Nguyễn Huy Hồng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	15	18,27	0	0	0	0	0	0	0	0	394,050	
9	Nguyễn Khắc Kính	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	2	0	0	0	0,7	0	0	0	0	32,800	
10	Nguyễn Tiến Đông	Đất Đỏ	Bắc Sơn	3,8289	2	0	0	0	0	0	0	0	0	60,631	
11	Nguyễn Tiến Lĩnh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	3,34	1,76	0	0	0	0	1,2	0	0	0	62,120	
12	Nguyễn Tiến Nghệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0,97	0	0	0	0	0	0	0	0	14,550	
13	Nguyễn Thị Bính	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	1	0	0	0	0,1	0	0	0	0	15,400	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
14	Nguyễn Thị Chung	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
15	Nguyễn Thị Loan	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	0,52	0	0	0	0	2,080	
16	Nguyễn Thị Nuôi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1,86	0,57	0	0	0	0	0	0	0	0	23,430	
17	Nguyễn Thị Thảo	Đất Đỏ	Bắc Sơn	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
18	Nguyễn Văn Hải	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	7	0	0	0	0	3,5	0	0	0	131,250	
19	Nguyễn Văn Hiệp	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0,66	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,280	
20	Nguyễn Văn Liên	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	1	0	0	0	3,247	0	0	0	0	27,988	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
21	Nguyễn Văn Loanh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	2,4	10,029	0	0	0	0,9	0	0	0	0	173,235	
22	Nguyễn Văn Sơn	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	1,03	0	0	0	0	4,120	
23	Nguyễn Văn Tiến	Đất Đỏ	Bắc Sơn	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
24	Nguyễn Văn Thọ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
25	Phạm Thị Hằng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1,48	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,840	
27	Trần Thị Thúy	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	4,56	0	0	0	0	0	0	0	0	68,400	
28	Trương Văn Bình	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	2,5555	0	0	0	0	0	0	0	0	38,333	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
29	Lê Trọng Hải	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0,2	4,99	0	0	0	0	0	0	0	0	76,450	
30	Nguyễn Tiến Huề	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0,75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
31	Nguyễn Thị Loài	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
32	Nguyễn Văn Chí	Đất Đỏ	Bắc Sơn	2,8943	5,709	0	0	0	0	0	0	0	0	108,789	
33	Nguyễn Viết Phùng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	1,72	0	0	0	2,08	0	0	0	0	34,120	
34	Nguyễn Thị Hợp	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	0,74	2	0	0	0	17,960	
35	Hoàng Đình Chế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0,73	0,84	0	0	0	0	0	0	0	0	18,440	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
														*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
36	Võ Thị Hòa	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	19,500	
37	Bùi Thị Phú	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	3	0	0	0	5,83	0	0	0	0	68,320	
38	Bùi Thị Thường	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1,22	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,760	
39	Hoàng Đình Quân	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1	0	0	0	0	0,52	0	0	0	0	10,080	
40	Hoàng Đình Tuyên	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15,200	
41	Hoàng Thị Mận	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	1,6531	0	0	0	0	0	0	0	0	24,797	
42	Hoàng Văn Thái	Đất Đỏ	Bắc Sơn	16,5262	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	154,710	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
														*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
43	Nguyễn Quang Phê	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	4,7235	0	0	0	3,087	1,94	0	0	0	97,751	
44	Nguyễn Tiến Đức	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	1,24	0	0	0	0	0	0	0	0	18,600	
45	Nguyễn Thị Hòa	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	0,13	0	0	0	0	0,520	
46	Nguyễn Văn Khả	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0,25	0	0	0	0	0,25	0	0	0	0	3,000	
47	Nguyễn Văn Ngà (Nhung)	Đất Đỏ	Bắc Sơn	4,3	7,3	0	0	0	0	0	0	0	0	143,900	
48	Nguyễn Văn Nhâm	Đất Đỏ	Bắc Sơn	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
50	Trần Danh Linh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	2,66	0	0	0	0	0	0	0	0	0	21,280	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
51	Nguyễn Thị Huế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0,87	0	0	0	0	0	0	0	0	13,050	
52	Hoàng Thị Nga	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	2,06	0	0	0	0	8,240	
53	Nguyễn Thị Hằng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	0	0,800	
54	Nguyễn Thị Minh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0	0	0	0,6	3,8	0	0	0	30,900	
			Bắc Sơn Total	91,9029	116,844	0	0	0	24,994	20,249	0	0	0	2.739,717	
1	Phan Anh Sơn	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,25	2,02	0	0	0	0	0	0	0	0	32,300	
2	Đặng Đình Ninh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,48	0	0	0	0	0	0	0	0	22,200	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Nguyễn Văn Thành	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
4	Cao Văn Huân	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,58	0	0	0	0	0	0	0	0	23,700	
6	Sử Văn Quân	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,3	2,78	0	0	0	0	0	0	0	0	44,100	
8	Nguyễn Trọng Giáp	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,800	
10	Nguyễn Văn Quý	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	
12	Lê Văn Trường	Xuân Sơn	Nam Sơn	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
14	Lê Văn Công	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
15	Hoàng Văn Quyền	Xuân Sơn	Nam Sơn	2,21	1,87	0	0	0	0	0	0	0	0	45,730	
16	Lê Quang Trung	Xuân Sơn	Nam Sơn	1	3,22	0	0	0	0	0	0	0	0	56,300	
17	Lê Xuân Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,09	0	0	0	0	0	0	0	0	16,350	
18	Nguyễn Thị Thích	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,98	0	0	0	0	0	0	0	0	29,700	
19	Nguyễn Văn Quỳnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	4,11	0	0	0	0	0	0	0	0	61,650	
20	Sử Văn Chức	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	53,800	
21	Trần Thị Thắm	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,93	0	0	0	0	0	0	0	0	28,950	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
22	Nguyễn Văn Khân	Xuân Sơn	Nam Sơn	2,21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17,680	
23	Võ Thị Liêm	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,1	3,23	0	0	0	0	0	0	0	0	49,250	
24	Trần Văn Điện	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,97	4,88	0	0	0	0	0	0	0	0	80,960	
25	Đặng Đình Mạnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	2,25	0	0	0	0	0	0	0	0	33,750	
26	Nguyễn Lương Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	3,68	0	0	0	0	0	0	0	0	55,200	
27	Nguyễn Văn Ý	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,6	3,87	0	0	0	0	0	0	0	0	62,850	
28	Lê Xuân Hiếu	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,62	0	0	0	0	0	0	0	0	9,300	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
29	Nguyễn Văn Lâm	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	3,84	0	0	0	0	0	0	0	0	57,600	
30	Võ Xuân Quý	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
31	Lê Thị Cúc	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,500	
32	Nguyễn Tiến Thành	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
33	Đặng Thế Hoàng	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	6,17	0	0	0	0	0	0	0	0	92,550	
35	Nguyễn Văn Tuyến	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	5,15	0	0	0	0	0	0	0	0	77,250	
36	Trần Thị Văn	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,97	3	0	0	0	0	0	0	0	0	52,760	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
37	Trương Thị Tình	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,82	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,560	
39	Thái Văn Dũng	Xuân Sơn	Nam Sơn	9,79	14,07	0	0	0	0	0	0	0	0	289,370	
40	Nguyễn Quang Đạt	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	5,887	0	0	0	0	0	0	0	0	88,305	
42	Nguyễn Xuân Linh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,35	0	0	0	0	0	0	0	0	20,250	
43	Trần Công Quý	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	6,99	0	0	0	0	0	0	0	0	104,850	
46	Nguyễn Văn Dũng	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	3,1	0	0	0	0	0	0	0	0	46,500	
47	Trần Quốc Việt	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	26,200	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
48	Nguyễn Văn Toán	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	5,3	0	0	0	0	0	0	0	0	79,500	
49	Lê Viết Trường	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,4	1,4		0	0	0	0	0	0	0	24,200	
50	Lê Xuân Tiến	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,26	0	0	0	0	0	0	0	0	18,900	
51	Nguyễn Quý Thịnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	3,42	0	0	0	0	0	0	0	0	51,300	
53	Lê Mạnh Hà	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,94	0	0	0	0	0	0	0	0	14,100	
54	Nguyễn Thị Tuyết	Xuân Sơn	Nam Sơn	2,98	2	0	0	0	0	0	0	0	0	53,840	
56	Nguyễn Quý Huấn	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	2,002	0	0	0	0	0	0	0	0	30,030	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
57	Nguyễn Đình Phượng	Xuân Sơn	Nam Sơn	3,2	2,3	0	0	0	0	0	0	0	0	60,100	
58	Nguyễn Đình Khoa	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	9,79	0	0	0	0	0	0	0	0	146,850	
59	Hoàng Xuân Huyền	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	3,47	0	0	0	0	0	0	0	0	52,050	
60	Nguyễn Đình Thân	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	10,72	0	0	0	0	0	0	0	0	160,800	
61	Nguyễn Văn Cường	Xuân Sơn	Nam Sơn	2,14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17,120	
64	Nguyễn Quý Chự	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,99	0	0	0	0	0	0	0	0	14,850	
66	Lê Xuân Minh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,68	2,4	0	0	0	0	0	0	0	0	41,440	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
67	Nguyễn Văn Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,82	4,6	0	0	0	0	0	0	0	0	75,560	
68	Nguyễn Văn Hòa	Xuân Sơn	Nam Sơn	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
69	Nguyễn Thị Nguyên	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,400	
70	Nguyễn Đình Thiện	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,9	1,34	0	0	0	0	0	0	0	0	27,300	
71	Lê Xuân Năm	Xuân Sơn	Nam Sơn	3,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	31,200	
72	Nguyễn Đình Lành	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,95	0	0	0	0	0	0	0	0	29,250	
75	Nguyễn Trọng Niên	Xuân Sơn	Nam Sơn	5	3	0	0	0	0	0	0	0	0	85,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
77	Lê Xuân Tịnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,85	0	0	0	0	0	0	0	0	27,750	
78	Đồng Phúc Hải	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
79	Nguyễn Văn Cứ	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	
80	Nguyễn Văn Cần	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,18	0	0	0	0	0	0	0	0	17,700	
81	Nguyễn Đình Trung	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
83	Nguyễn Đình Phong	Xuân Sơn	Nam Sơn	2	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	40,000	
84	Nguyễn Thị Mỹ Loan	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,63	0	0	0	0	0	0	0	0	9,450	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
85	Nguyễn Quý Sự	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
87	Lê Xuân Nam	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	2,1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,500	
88	Nguyễn Văn Quang	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
89	Đặng Đình Lưu	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,86	0	0	0	0	0	0	0	0	12,900	
90	Nguyễn Hữu Thăng	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,94	0	0	0,08	0	0	0	0	0	0	10,720	
91	Trần Thị Ánh	Xuân Sơn	Nam Sơn	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
92	Nguyễn Thị Thư	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,400	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
93	Nguyễn Xuân Trường	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,86	0	0	0	0	0	0	0	0	12,900	
95	Nguyễn Công Dũng	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
96	Đậu Xuân Thi	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,600	
97	Thiều Mạnh Tường	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,62	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,960	
100	Nguyễn Thành Long	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,62	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,960	
101	Nguyễn Thị Lân	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
102	Phan Hồng Phong	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,5	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	41,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
104	Thiều Lâm Hải	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,15	3,98	0	0	0	0	0	0	0	0	60,900	
105	Thiều Lâm Sơn	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	5,94	0	0	0	0	0	0	0	0	89,100	
106	Nguyễn Quốc Cảnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,48	0	0	0	0	0	0	0	0	7,200	
107	Nguyễn Văn Thành	Xuân Sơn	Nam Sơn	1	2,29	0	0	0	0	0	0	0	0	42,350	
108	Nguyễn Văn Phiếm	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,67	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,360	
109	Đồng Phúc Ty	Xuân Sơn	Nam Sơn	1,82	2,8	0	0	0	0	0	0	0	0	56,560	
110	Nguyễn Văn Trung	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1,86	0	0	0	0	0	0	0	0	27,900	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
111	Phạm Thị Hạnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
112	Lê Xuân Hòa	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,63	0	0	0	0	0	0	0	0	9,450	
113	Nguyễn Chí Công	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,58	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,640	
114	Lê Văn Linh	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	4,1	0	0	0	0	0	0	0	0	61,500	
115	Nguyễn Đình Học	Xuân Sơn	Nam Sơn	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32,000	
116	Nguyễn Quý Sâm	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	3,37	0	0	0	0	0	0	0	0	50,550	
117	Nguyễn Quý Hoàn	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,54	1	0	0	0	0	0	0	0	0	19,320	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
118	Lê Công Hòa	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	6,27	0	0	0	0	0	0	0	0	94,050	
1	Nguyễn Thế Soa	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0,7	0	0		0	0	0	0	0	10,500	
120	Trần Quốc Quân	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,600	
121	Hoàng Đình Hưng	Xuân Sơn	Nam Sơn	0,17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,360	
			Nam Sơn Total	69,2	215,229	0	0,08	0	0	0	0	0	0	3.785,235	
1	Võ Văn Nhi	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
2	Nguyễn Công Đương	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	3,8513	0	0	0	0	15,405	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Đặng Thị Lưu	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,65	0	0	0	0	0	0	0	0	24,750	
4	Phạm Văn Thiên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4,1235	0	0	0	0	0	0	0	0	61,853	
5	Phạm Hữu Mỹ	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,9782	0	0	0	0	0	0	0	0	14,673	
6	Nguyễn Văn Hiệu	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1	0	0	0	0,6	0	0	0	0	17,400	
7	Hồ Văn Thủy	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,5712	0	0	0	0	0	0	0	0	38,568	
8	Ông Văn Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,1011	0	0	0	0	0	0	0	0	46,517	
9	Đặng Thị Mận	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2	0	0	0	0	0,5	0	0	0	33,750	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
10	Hồ Văn Toàn	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,8629	0	0	0	0	1,5	0	0	0	54,194	
11	Dương Kim Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,7062	0	0	0	0	0	0	0	0	40,593	
12	Kiều Tiến Dũng	Nam Xuân	Nam Xuân	1	0,9623	0	0	0	0	0	0	0	0	22,435	
13	Hồ Văn Thái	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,7332	0	0	0	0	0,443	0	0	0	29,321	
14	Lưu Văn Nhiên	Nam Xuân	Nam Xuân	4,3	2,8056	0	0	0	0	0	0	0	0	76,484	
15	Trần Văn Hùng	Nam Xuân	Nam Xuân	2	1,5937	0	0	0	0	0	0	0	0	39,906	
16	Lê Hồng Kỳ	Nam Xuân	Nam Xuân	2,367	0	0	0	0	0	1,08	0	0	0	27,036	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
17	Võ Chân Thành	Nam Xuân	Nam Xuân	0,9782	1,61	0	0	0	0	0	0	0	0	31,976	
18	Nguyễn Bá Đông	Nam Xuân	Nam Xuân	2,9992	2,9971	0	0	0	0	0	0	0	0	68,950	
19	Hồ Thanh Hải	Nam Xuân	Nam Xuân	2	2,7583	0	0	0	0	0	0	0	0	57,375	
20	Trần Văn Thông	Nam Xuân	Nam Xuân	4,5649	7	0	0	0	0,8939	0	0	0	0	145,095	
21	Võ Văn Bằng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,1225	0	0	0	0	0	0	0	0	31,838	
22	Hồ Văn Nhương	Nam Xuân	Nam Xuân	1,916	2,502	0	0	0	0	0	0	0	0	52,858	
23	Đặng Đình Trị	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,3717	0	0	0	0	0	0	0	0	35,576	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
24	Nguyễn Thị Trúc	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,4499	0	0	0	0	0	0	0	0	6,749	
25	Nguyễn Xuân Dục	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,36	0	0	0	0	0	0	0	0	5,400	
27	Hồ Thị Phượng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,3579	0	0	0	0	0	0	0	0	5,369	
30	Hồ Thị Lợi	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	0	0,800	
31	Nguyễn Thị Hải	Nam Xuân	Nam Xuân	1	3	0	0	0	1,5	0,6121	0	0	0	63,591	
32	Hồ Xuân Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,421	0	0	0	0	0	0	0	0	21,315	
33	Đào Thị Hòa	Nam Xuân	Nam Xuân	2,6417	1	0	0	0	0,3	0	0	0	0	37,334	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
34	Nguyễn Hồng Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,47	0	0	0	0	0	0	0	0	7,050	
35	Đặng Đình Phụ	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,9273	0	0	0	0,3	1,8439	0	0	0	58,939	
37	Nguyễn Trung Hậu	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0,6631	0	0	0	27,473	
38	Hồ Văn Đức	Nam Xuân	Nam Xuân	2	3,1245	0	0	0	0	0	0	0	0	62,868	
39	Nguyễn Thị Duyên	Nam Xuân	Nam Xuân	2,5835	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,668	
40	Kiều Nhật Quảng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,7089	0	0	0	0	0	0	0	0	55,634	
41	Nguyễn Thị Tuyết	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,8418	0	0	0	0	0	0	0	0	27,627	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
42	Nguyễn Văn Viềm	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1	0	0	0	0,6947	2	0	0	0	32,779	
43	Hồ Văn Định	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,3	0	0	0	0	0,191	0	0	0	20,933	
44	Hồ Văn Tình	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,2758	0	0	0	0,25	0	0	0	0	20,137	
46	Nguyễn Văn Viết	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,5632	0	0	0	0,4368	0	0	0	0	10,195	
48	Phạm Thị Vân	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,9563	0	0	0	0,8418	0	0	0	0	17,712	
49	Kiều Thị Lan	Nam Xuân	Nam Xuân	2,6	1,3682	0	0	0	0	0	0	0	0	41,323	
50	Ngô Xuân Lịch	Nam Xuân	Nam Xuân	1,1	3,0991	0	0	0	0	0	0	0	0	55,287	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
51	Nguyễn Văn Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,4597	0	0	0	0	0	0	0	0	36,896	
52	Nguyễn Quang Vịnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,4772	0	0	0	0	0	0	0	0	52,158	
53	Vũ Ngọc Hưng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,7271	0	0	0	0	0	0	0	0	25,907	
54	Kiều Nhật Toản	Nam Xuân	Nam Xuân	2,7	2,3428	0	0	0	0	0	0	0	0	56,742	
55	Võ Văn Minh	Nam Xuân	Nam Xuân	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,400	
56	Nguyễn Thị Hường	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,8223	0	0	0	0	0	0	0	0	42,335	
57	Nguyễn Văn Hào	Nam Xuân	Nam Xuân	0,23	1,5429	0	0	0	0	1,4	0	0	0	35,484	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
58	Phạm Hữu Hồng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,9	0	0	0	0	0	0	0	0	43,500	
59	Nguyễn Bá Thìn	Nam Xuân	Nam Xuân	0	5,3143	0	0	0	0	0	0	0	0	79,715	
60	Phạm Hữu Vũ	Nam Xuân	Nam Xuân	3,8376	2	0	0	0	0	0	0	0	0	60,701	
61	Phạm Hữu Chính	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,5836	0	0	0	0	0	0	0	0	53,754	
62	Lê Văn Toản	Nam Xuân	Nam Xuân	0,8118	1,9905	0	0	0	0	0	0	0	0	36,352	
63	Phạm Hữu Ngần	Nam Xuân	Nam Xuân	2,832	1	0	0	0	0	0	0	0	0	37,656	
64	Lê Ngọc Ánh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
65	Phạm Thị Niêm	Nam Xuân	Nam Xuân	3	1	0	0	0	0	1,5794	0	0	0	50,846	
66	Nguyễn Văn Tiệp	Nam Xuân	Nam Xuân	0,6779	1,1324	0	0	0	0	0	0	0	0	22,409	
67	Nguyễn Văn Lịch	Nam Xuân	Nam Xuân	1,4624	0,8295	0	0	0	0	0	0	0	0	24,142	
68	Dương Thị Hồng	Nam Xuân	Nam Xuân	1,9314	2	0	0	0	0	0	0	0	0	45,451	
69	Lê Văn Đệ	Nam Xuân	Nam Xuân	0,3783	1	0	0	0	0,6	0	0	0	0	20,426	
70	Lê Văn Sáng	Nam Xuân	Nam Xuân	1	1,6228	0	0	0	0	0	0	0	0	32,342	
71	Nguyễn Văn Cường	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,2462	0	0	0	0	0	0	0	0	18,693	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
72	Lê Ngọc Quân	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4,7248	0	0	0	0	1,16	0	0	0	79,572	
73	Nguyễn Trung Kiên	Nam Xuân	Nam Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
74	Nguyễn Thị Nhạn	Nam Xuân	Nam Xuân	1,9964	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15,971	
75	Nguyễn Văn Hiềng	Nam Xuân	Nam Xuân	0,865	2	0	0	0	0	0	0	0	0	36,920	
76	Lê Văn Hùng	Nam Xuân	Nam Xuân	0,7245	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,796	
77	Nguyễn Hồng Quân	Nam Xuân	Nam Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
78	Nguyễn Trọng Việt	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4,2935	0	0	0	0	0	0	0	0	64,403	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
79	Nguyễn Văn Tình	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,3185	0	0	0	0	0	0	0	0	34,778	
80	Nguyễn Văn Giáp	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,5196	0	0	0	0	0	0	0	0	7,794	
81	Nguyễn Đình Nguyên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,3861	0	0	0	0	0	0	0	0	5,792	
82	Nguyễn Văn Sang	Nam Xuân	Nam Xuân	0,2	0,4599	0	0	0	0	0	0	0	0	8,499	
83	Hồ Văn Dân	Nam Xuân	Nam Xuân	1,5	1,6144	0	0	0	0	0	0	0	0	36,216	
84	Lê Ngọc Thế	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,9	0	0	0	0	0	0	0	0	43,500	
85	Trần Nhật Lệ	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,3987	0	0	0	0	0	0	0	0	35,981	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
86	Nguyễn Thị Liên	Nam Xuân	Nam Xuân	0,5423	0	0	0	0	0	2,0708	0	0	0	19,869	
87	Kiều Thị Ngân	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,9395	0	0	0	0	0	0	0	0	29,093	
88	Nguyễn Văn Uyết	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,9186	0	0	0	0	0	0	0	0	43,779	
89	Hồ Văn Thể	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,46	0	0	0	0	0	0	0	0	6,900	
90	Nguyễn Văn Nam	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
91	Đặng Đình Hoán	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,153	0	0	0	0	0	0	0	0	32,295	
92	Nguyễn Quốc Văn	Nam Xuân	Nam Xuân	0,1	0,9705	0	0	0	0	0	0	0	0	15,358	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
93	Đặng Đình Huấn	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,4051	0	0	0	0,65	0	0	0	0	38,677	
94	Trần Nhật Bộ	Nam Xuân	Nam Xuân	0,4	1,0685	0	0	0	0	0	0	0	0	19,228	
95	Hồ Xuân Tạo	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	45,000	
96	Hồ Văn Hải	Nam Xuân	Nam Xuân	1,8382	2,3884	0	0	0	0	0	0	0	0	50,532	
97	Ngô Văn Kiên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,1008	0	0	0	0	0	0	0	0	31,512	
98	Hồ Văn Quế	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,4051	0	0	0	0	0,65	0	0	0	25,952	
99	Hồ Văn Chương	Nam Xuân	Nam Xuân	1	5	0	0	0	0	0	0	0	0	83,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
100	Nguyễn Hồng Thán	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
101	Hồ Văn Hà	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,65	0	0	0	0	0	0	0	0	24,750	
102	Phạm Thị Nồng	Nam Xuân	Nam Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
103	Bùi Thị Kim Phượng	Nam Xuân	Nam Xuân	2	1,1158	0	0	0	0	0	0	0	0	32,737	
105	Hồ Văn Hồng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,3844	0	0	0	0	0	0	0	0	20,766	
106	Dương Văn Khánh	Nam Xuân	Nam Xuân	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,800	
107	Kiều Nhật Diệm	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
109	Hồ Văn Phương	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	38,000	
110	Nguyễn Anh Đức	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,06	0	0	0	0	1,1	0	0	0	24,150	
111	Trần Văn Đức	Nam Xuân	Nam Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
112	Ngô Xuân Lý	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,001	0	0	0	0	0	0	0	0	45,015	
113	Nguyễn Văn Mậu	Nam Xuân	Nam Xuân	0	5,7744	0	0	0	0	0	0	0	0	86,616	
114	Võ Thị Mận	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,9256	0	0	0	0	0	0	0	0	13,884	
115	Hồ Văn Nguyên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,3257	0	0	0	0	0,86	0	0	0	11,336	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
116	Nguyễn Văn Trọng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	5,0028	0	0	0	0	0	0	0	0	75,042	
117	Nguyễn Bá Viên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4,943	0	0	0	0	2	0	0	0	89,145	
118	Nguyễn Bá Dũng	Nam Xuân	Nam Xuân	0,6441	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,153	
119	Nguyễn Văn Phúc	Nam Xuân	Nam Xuân	0,7	0,2073	0	0	0	0	0	0	0	0	8,710	
120	Võ Xuân Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	1	4,9	0	0	0	3,4	0	0	0	0	95,100	
121	Hồ Văn Hoan	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,6	0	0	0	0	0,6	0	0	0	13,500	
122	Võ Thị Thuần	Nam Xuân	Nam Xuân	0,97	2	0	0	0	0	1,6	0	0	0	49,760	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
123	Hồ Văn Quân	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,8	0	0	0	0	0	0	0	0	57,000	
124	Nguyễn Văn Mai	Nam Xuân	Nam Xuân	2	0	0	0	0	2,16	0	0	0	0	24,640	
125	Nguyễn Văn Lan	Nam Xuân	Nam Xuân	0,9811	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,849	
126	Nguyễn Văn Mỹ	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
127	Nguyễn Văn Hùng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,6621	0	0	0	0	0	0	0	0	24,932	
128	Nguyễn Văn Niên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,777	0	0	0	2,1	0	0	0	0	50,055	
129	Hồ Xuân Tường	Nam Xuân	Nam Xuân	5	2,5631	0	0	0	0	0	0	0	0	78,447	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
130	Hồ Văn Tân	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,1839	0	0	0	0	0	0	0	0	17,759	
131	Lê Văn Vấn	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,9512	0	0	0	0	0	0	0	0	59,268	
132	Hồ Văn Quân	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4,2553	0	0	0	0	0	0	0	0	63,830	
133	Nguyễn Quốc Viễn	Nam Xuân	Nam Xuân	0,9126	3,1235	0	0	0	0	0	0	0	0	54,153	
134	Nguyễn Văn Triêm	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4,7425	0	0	0	0	0	0	0	0	71,138	
135	Ngô Quang Trung	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2	0	0	0	1,2051	0,7694	0	0	0	40,591	
136	Nguyễn Bá Đại	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,6393	0	0	0	2	0	0	0	0	17,590	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
137	Nguyễn Văn Nam	Nam Xuân	Nam Xuân	1,9	3,8007	0	0	0	0	0	0	0	0	72,211	
138	Nguyễn Quốc Vinh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,7319	0	0	0	0	0	0	0	0	25,979	
139	Võ Văn Tịnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4	0	0	0	0,9668	0	0	0	0	63,867	
140	Nguyễn Văn Thế	Nam Xuân	Nam Xuân	0,9473	2,6389	0	0	0	0	0	0	0	0	47,162	
141	Hồ Văn Trinh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2	0	0	0	0,8915	0	0	0	0	33,566	
142	Nguyễn Văn Sỹ	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,2627	0	0	0	0	0	0	0	0	3,941	
143	Võ Văn Công	Nam Xuân	Nam Xuân	0	5,2198	0	0	0	0	0	0	0	0	78,297	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
144	Nguyễn Thị Thiện	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,4538	0	0	0	0	0	0	0	0	6,807	
145	Nguyễn Danh Phúc	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,7917	0	0	0	0	0	0	0	0	26,876	
146	Hồ Văn Huy	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,9156	0	0	0	0	0	0	0	0	58,734	
147	Võ Văn Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2	0	0	0	0	1,3956	0	0	0	40,467	
148	Nguyễn Thị Liệu	Nam Xuân	Nam Xuân	0,4272	1,4197	0	0	0	0	0	0	0	0	24,713	
149	Nguyễn Văn Lương	Nam Xuân	Nam Xuân	2,284	0	0	0	0	0	0,22	0	0	0	19,922	
150	Nguyễn Đình Sử	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,8163	0	0	0	0	0	0	0	0	27,245	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
151	Nguyễn Bá Trường	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,2438	0	0	0	0	0	0	0	0	48,657	
152	Phạm Hữu Diễu	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3,6077	0	0	0	0	0	0	0	0	54,116	
153	Nguyễn Viết Nghệ	Nam Xuân	Nam Xuân	0,4323	1	0	0	0	0	0	0	0	0	18,458	
154	Trần Thị Quế	Nam Xuân	Nam Xuân	0	3	0	0	0	1,039	0	0	0	0	49,156	
155	Lê Hồng Cương	Nam Xuân	Nam Xuân	0	4,9079	0	0	0	0,5	5,1793	0	0	0	114,463	
156	Hồ Văn Liệu	Nam Xuân	Nam Xuân	1,2988	3,3086	0	0	0	0,7949	0	0	0	0	63,199	
157	Lê Văn Bôn	Nam Xuân	Nam Xuân	4,15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	33,200	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
158	Nguyễn Văn Uya	Nam Xuân	Nam Xuân	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,400	
159	Hồ Văn Hạnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
160	Nguyễn Văn Dũng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,36	0	0	0	0	0	0	0	0	20,400	
161	Nguyễn Thị Ly	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
163	Kiều Thị Duyên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,84	0	0	0	0	0	0	0	0	12,600	
165	Hồ Văn Quyết	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,258	0	0	0	0	0	0	0	0	3,870	
166	Đặng Đình Mạnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,32	0	0	0	0	0	0	0	0	4,800	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
167	Nguyễn Văn Anh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,9	0	0	0	0	0	0	0	0	13,500	
168	Trần Văn Mạnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,65	0	0	0	0	0	0	0	0	24,750	
170	Nguyễn Quốc Phối	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,4	0	0	0	0,2	0	0	0	0	6,800	
171	Lê Thị Lệ	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,82	0	0	0	0	0	0	0	0	27,300	
173	Nguyễn Văn Đôn	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,59	0	0	0	0,82	0	0	0	0	27,130	
174	Nguyễn Thị Hán	Nam Xuân	Nam Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
177	Nguyễn Thị Tiến	Nam Xuân	Nam Xuân	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,400	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
178	Hồ Văn Nghệ	Nam Xuân	Nam Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
180	Nguyễn Thị Tình	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,9	0	0	0	0	0	0	0	0	13,500	
181	Ngô Thị Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,24	0	0	0	0	0	0	0	0	3,600	
182	Hồ Văn Long	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
183	Nguyễn Bá Trường	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,0602	0	0	0	0	0	0	0	0	30,903	
184	Hồ Văn Minh	Nam Xuân	Nam Xuân	0,9842	0,8461	0	0	0	0	0	0	0	0	20,565	
185	Lưu Văn Ký	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
186	Nguyễn Cao Cường	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	9,000	
187	Nguyễn Văn Chung	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,1491	0	0	0	0	0	0	0	0	32,237	
188	Hồ Văn Hà	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2,1994	0	0	0	0	0	0	0	0	32,991	
189	Nguyễn Văn Phi	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
191	Phạm Hữu Ngợi	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
192	Đặng Đình Viên	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,88	0	0	0	0	0	0	0	0	13,200	
193	Phạm Thị Hoa	Nam Xuân	Nam Xuân	1,5	2,9462	0	0	0	0	2,6278	0	0	0	75,902	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
194	Nguyễn Thị Cúc	Nam Xuân	Nam Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
195	Lưu Văn Đồng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
196	Bạch Đình Tường	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	0	1,200	
197	Nguyễn Văn Tiệm	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
199	Nguyễn Thị Khanh	Nam Xuân	Nam Xuân	1,00045	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,004	
200	Kiều Nhật Quế	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,7447	0	0	0	0	0	0	0	0	26,171	
201	Hồ Thành Đồng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	1,6517	0	0	0	0	0	0	0	0	24,776	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
202	Nguyễn Văn Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	0	2	0	0	0	1,0669	0	0	0	0	34,268	
203	Đặng Thị Mai	Nam Xuân	Nam Xuân	0	9,2	0	0	0	0	0	0	0	0	138,000	
204	Hồ Văn Lý	Nam Xuân	Nam Xuân	2,5	0	0	0	0	1,3447	0	0	0	0	25,379	
205	Phan Tiến Dũng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,9816	0	0	0	0	0	0	0	0	14,724	
206	Nguyễn Văn Dương	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0,9002	0	0	0	0	0	0	0	0	13,503	
207	'Nguyễn Văn Vy	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0,5144	0	0	0	0	2,058	
208	Lê Ngọc Quỳnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0,4	0	0	0	0	1,600	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
209	Nguyễn Thị Châu	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	0,4598	0	0	0	3,449	
210	Hồ Văn Quỳnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	4,2256	0	0	0	31,692	
211	Lưu Văn Tăng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	2,6281	0	0	0	0	10,512	
212	Nguyễn Văn Lộc	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	1,3	0	0	0	9,750	
213	Lưu Văn Tài	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	1,4141	0	0	0	0	5,656	
214	Nguyễn Văn Huệ	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	5	0	0	0	37,500	
215	Nguyễn Văn Bình	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	12,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
216	Trần Đăng Tương	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	3,51	0	0	0	26,325	
217	Hồ Văn Luân	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	0,65	0	0	0	4,875	
218	Hồ Văn Phúc	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0,1	2	0	0	0	15,400	
219	Nguyễn Văn Lục	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0,9	0	0	0	0	3,600	
220	Lê Viết Đoàn	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0,7709	0	0	0	0	3,084	
221	Phạm Thị Tý	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
223	Lê Văn Tuấn	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
224	Nguyễn Văn Tam	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	2,054	0	0	0	15,405	
225	Nguyễn Văn Mạnh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	1,5571	0	0	0	11,678	
226	Nguyễn Văn Đồng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	0	0	0	0	0	1,1635	0	0	0	8,726	
			Nam Xuân Total	103,71035	330,234	0	0	0	43,6349	56,965	0	0	0	6.384,971	
1	Nguyễn Văn Sính	Tây Xuân	Tây Xuân	0	10,86	0	0	0	2	0	0	0	0	170,900	
2	Trần Đình Thịnh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,9	0	0	0	0	0	0	0	0	13,500	
3	Nguyễn Văn Cương	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,7779	0	0	0	0	0	0	0	0	26,669	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
4	Hoàng Văn Biên	Tây Xuân	Tây Xuân	2	0	0	0	0	3,1778	1	0	0	0	36,211	
5	Lê Thị Hương	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0,6	0	0	0	0	17,400	
6	Nguyễn Tiến Thành	Hồng Xuân	Tây Xuân	0	0,07	0	0	0	0	0	0	0	0	1,050	
7	Võ Minh Luân	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
8	Lê Ngọc Nông	Tây Xuân	Tây Xuân	0	4,5068	0	0	0	0	0	0	0	0	67,602	
9	Nguyễn Đình Thợi	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,6	0	0	0	0,8	0	0	0	0	27,200	
10	Nguyễn Văn Quyền	Tây Xuân	Tây Xuân	0	7,5744	0	0	0	4,0416	0	0	0	0	129,782	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
11	Nguyễn Văn Duyệt	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,6505	0	0	0	0	0	0	0	0	24,758	
12	Hoàng Thị Cúc	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	22,500	
13	Nguyễn Tiến Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	4,3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	49,400	
14	Nguyễn Thị Bích Diệp	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	34,000	
16	Dương Ngọc Tính	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
17	Nguyễn Văn Siu	Tây Xuân	Tây Xuân	0	4	0	0	0	2	0	0	0	0	68,000	
18	Trần Đình Đoài	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	2,3919	0	0	0	17,939	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
19	Nguyễn Văn Đồng	Tây Xuân	Tây Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
21	Nguyễn Thành Niên	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
22	Nông Thị Huyền	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,04	0	0	0	0	0	0	0	0	15,600	
23	Nguyễn Văn Nhí	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	21,000	
24	Trần Khánh Tùng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,4364	0	0	0	0	0	0	0	0	6,546	
25	Nguyễn Văn Ngạn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
26	Trần Văn Hùng	Tây Xuân	Tây Xuân	2,15	3	0	0	0	0	5,5	0	0	0	103,450	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
27	Trần Thị Huyền	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
28	Nguyễn Văn Long	Tây Xuân	Tây Xuân	0,67	2	0	0	0	0	0	0	0	0	35,360	
29	Nguyễn Văn Nam	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
30	Trần Đình Hạnh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3,6	0	0	0	0	8	0	0	0	114,000	
31	Trần Thị Lý	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
32	Nguyễn Văn Nghiêu	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
34	Trần Thị Hồng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
35	Nguyễn Thị Nghiệm	0	Tây Xuân	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	27,000	
36	Nguyễn Văn Lài	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	23,000	
37	Nguyễn Xuân Khương	Tây Xuân	Tây Xuân	0,8933	2	0	0	0	0	0	0	0	0	37,146	
39	Phan Văn Sáu	Tây Xuân	Tây Xuân	0,5869	0	0	0	0	1,9131	0	0	0	0	12,348	
40	Nguyễn Thị Minh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3,8	0	0	0	0	0	0	0	0	57,000	
43	Dương Công Tửu	Tây Xuân	Tây Xuân	2	0	0	0	0	0,9704	0	0	0	0	19,882	
44	Trần Thị Mai	Tây Xuân	Tây Xuân	0,6849	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,479	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
45	Nguyễn Tiến Vương	Tây Xuân	Tây Xuân	2	0	0	0	0	0	3	0	0	0	38,500	
46	Dương Văn Lân	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,8299	0	0	0	0	0	0	0	0	27,449	
47	Nguyễn Văn Trọng	Tây Xuân	Tây Xuân	1,5	3	0	0	0	1	0	0	0	0	61,000	
49	Nguyễn Hoài Nam	Tây Xuân	Tây Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
50	Nguyễn Thị Biềm	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2,8907	0	0	0	1	0	0	0	0	47,361	
51	Hoàng Văn Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	19,500	
52	Phạm Văn Thạo	Tây Xuân	Tây Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
53	Phạm Thị Đoàn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
54	Phạm Thị Lý	Tây Xuân	Tây Xuân	0	5,5554	0	0	0	0	0	0	0	0	83,331	
55	Nguyễn Thị Nga	Tây Xuân	Tây Xuân	2,4712	0	0	0	0	0	0	0	0	0	19,770	
56	Nguyễn Thị Nga	Tây Xuân	Tây Xuân	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,600	
57	Trần Thị Diến	Tây Xuân	Tây Xuân	0,38	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,040	
58	Nguyễn Thanh Sỹ	Tây Xuân	Tây Xuân	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,800	
59	Nguyễn Văn Dương	Tây Xuân	Tây Xuân	1,7391	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	37,913	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
62	Hoằng Thị Cúc	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,7	0	0	0	0	0	0	0	0	25,500	
63	Nguyễn Hữu Đoàn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
65	Nguyễn Văn Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,000	
66	Trần Văn Trang	Tây Xuân	Tây Xuân	0	5,2	0	0	0	0	0	0	0	0	78,000	
68	Nguyễn Văn Ngọ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	1,16	0	0	0	0	19,640	
70	Nguyễn Văn Cường	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,4085	0	0	0	0	0	0	0	0	21,128	
72	Hoàng Thị Minh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	19,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
73	Nguyễn Đình Du	Tây Xuân	Tây Xuân	1,4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	26,200	
74	Phạm Văn Thuyên	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
75	Nguyễn Văn Tâm	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
76	Nguyễn Văn Đình	Tây Xuân	Tây Xuân	0	6,6952	0	0	0	0	0	0	0	0	100,428	
78	Hồ Thị Linh	Tây Xuân	Tây Xuân	0,6	1	0	0	0	0	0	0	0	0	19,800	
79	Lê Ngọc Vũ	Tây Xuân	Tây Xuân	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,000	
80	Nguyễn Văn Hậu	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
81	Nguyễn Thị Lan	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
82	Nguyễn Thị Chiến	Tây Xuân	Tây Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
83	Nguyễn Văn Phùng	Tây Xuân	Tây Xuân	3,2	6	0	0	0	0	0	0	0	0	115,600	
84	Nguyễn Văn Quyết	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
85	Trần Thị Nhật Lệ	Tây Xuân	Tây Xuân	3,5	3	0	0	0	1,8789	0	0	0	0	80,516	
86	Nguyễn Văn Đảng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
87	Nguyễn Thị Hoài Khiêm	Tây Xuân	Tây Xuân	2	0,538	0	0	0	0	0	0	0	0	24,070	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
88	Nguyễn Văn Thế	Tây Xuân	Tây Xuân	5	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	44,500	
90	Võ Văn Xuyên	Tây Xuân	Tây Xuân	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,600	
91	Trần Đình Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
92	Trần Văn Huỳnh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
93	Trần Đình Vượng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
94	Trần Đình Thế	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	
95	Trần Anh Lý	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	19,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
96	Nguyễn Văn Mạnh	Tây Xuân	Tây Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
97	Lê Thái Vương	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3,9473	0	0	0	0,7	0	0	0	0	62,010	
99	Hồ Văn Tiến	Tây Xuân	Tây Xuân	0	6,6	0	0	0	0	0	0	0	0	99,000	
100	Hồ Anh Dũng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	150,000	
101	Hồ Văn Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	150,000	
102	Nguyễn Văn Tích	Tây Xuân	Tây Xuân	0,5825	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	42,160	
104	Nguyễn Thị Thúy	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
105	Nguyễn Hữu Chăm	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
106	Nguyễn Văn Đoàn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
107	Nguyễn Văn Tú	Tây Xuân	Tây Xuân	0,16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,280	
108	Nguyễn Thạch Khiệm	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
111	Nguyễn Tiến Sanh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
112	Đặng Thị Lĩnh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0,5	0	0	0	0	47,000	
113	Võ Văn Khàng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	1,125	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
115	Phan Thanh Tuân	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	2,6416	0	0	0	0	55,566	
116	Trần Mạnh Thắng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
117	Nguyễn Tiến Văn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
118	Đặng Văn Quyền	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
120	Võ Thị Tình	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
121	Nguyễn Thị Lẹ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
122	Dương văn Lương	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
123	Lê Thị Hiền	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0,6	0	0	0	49,500	
125	Trịnh Thị Hương	Tây Xuân	Tây Xuân	0	6,7	0	0	0	0	0	0	0	0	100,500	
127	Đặng Quốc Nhỏ	Tây Xuân	Tây Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
129	Nguyễn Tiến Long	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,9	0	0	0	0	0	0	0	0	28,500	
130	Nguyễn văn Thân	Tây Xuân	Tây Xuân	2	4	0	0	0	0	0	0	0	0	76,000	
131	Nguyễn Văn Lam	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,731	0	0	0	0	1	0	0	0	33,465	
133	Hoàng Thị Bân	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
134	Lê Thái Công	Tây Xuân	Tây Xuân	0,7	4	0	0	0	0	0	0	0	0	65,600	
136	Nguyễn Văn Côi	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,6	0	0	0	1	0	0	0	0	13,000	
137	Nguyễn Đức Thuận	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	3	0	0	0	0	42,000	
138	Nguyễn Ngọc Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	3	0	0	0	0	0,6	0	0	0	0	26,400	
139	Nguyễn Thị Nghịa	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
140	Nguyễn Văn Thưởng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,3	0	0	0	0,1	0	0	0	0	19,900	
142	Nguyễn Thị Kỳ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
143	Võ Kim Phương	Tây Xuân	Tây Xuân	0,8	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	9,400	
144	Hoàng Thị Cần	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
145	Nguyễn Thị Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2,8833	0	0	0	0	0	0	0	0	43,250	
146	Nguyễn Thị Thích	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
147	Võ Văn Đạt	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
148	Nguyễn Thị Dũng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
149	Trần Văn Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
150	Dương Văn Đỉnh	Tây Xuân	Tây Xuân	3,5	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	37,000	
151	Nguyễn Thị Tri	Tây Xuân	Tây Xuân	0	6	0	0	0	1	0	0	0	0	94,000	
152	Võ Thị Vin	Tây Xuân	Tây Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
153	Hồ Bảo An (Con đẻ của Hồ Văn Liên)	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
154	Võ Văn Nghĩa	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3,17	0	0	0	0	0	0	0	0	47,550	
155	Lương Thị Thía	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0,8	0,3	0	0	0	5,450	
156	Nguyễn Tiến Dũng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
158	Nguyễn Tiến Đức	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0,6	0	0	0	49,500	
159	Võ Văn Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	8	0	0	0	0	32,000	
160	Nguyễn Văn Tĩnh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3,6952	0	0	0	0	0,37	0	0	0	58,203	
161	Trần Đình Liến	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	1,1083	0	0	0	8,312	
162	Nguyễn Thị Đương	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0,8	0	0	0	0	3,200	
163	Nguyễn Văn Kiên	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	7,8101	0	0	0	0	31,240	
165	Nguyễn Văn Dị	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3,8758	0	0	0	0,2	0	0	0	0	58,937	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
166	Hồ Văn Thúc	Hồng Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
168	Nguyễn Văn Trực	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	5	0	0	0	37,500	
169	Nguyễn Văn Căn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	0	0,800	
170	Nguyễn Đình Thi	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0,6	1,1	0	0	0	10,650	
171	Trần Thị Kim Liên	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0,8	0	0	0	0	3,200	
172	Nguyễn Tiến Đốc	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
173	Nguyễn Văn Quang	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	19,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
174	Nguyễn Hữu Thành	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
175	Hà Thị Tuyết	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
176	Nguyễn Quốc Việt	Tây Xuân	Tây Xuân	1	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	45,500	
177	Nguyễn Thị Hoa	Tây Xuân	Tây Xuân	4,0213	4	0	0	0	1,9	0	0	0	0	99,770	
178	Nguyễn Thị Lĩnh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0,4	0	0	0	0	1,600	
179	Trần Xuân Tiến	Tây Xuân	Tây Xuân	0,07	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,560	
180	Võ Văn Thược	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1,88	0	0	0	0	0	0	0	0	28,200	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
181	Trần Văn Kiên	Tây Xuân	Tây Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
182	Dương Văn Kính	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
183	Trần Đình Thứ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
186	Phạm Văn Dũng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1		0	0	0	0	0	0	0	15,000	
187	Dương Kim Tuấn	Tây Xuân	Tây Xuân	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,000	
188	Võ Văn Thi	Tây Xuân	Tây Xuân	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,000	
189	Phạm Văn Thái	Tây Xuân	Tây Xuân	3	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	46,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
190	Dương Xuân Nhật	Tây Xuân	Tây Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
191	Nguyễn Lương Mạch	Tây Xuân	Tây Xuân	5,5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	119,000	
192	Lê Thị Vỹ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
193	Nguyễn Văn Học	Tây Xuân	Tây Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
195	Nguyễn Văn Vinh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
196	Nguyễn Thị Hương Giang	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	9	0	0	0	112,500	
197	Nguyễn Văn Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0		4,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
198	Phan Văn Nhật	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
199	Nguyễn Thế Hữu	Tây Xuân	Tây Xuân	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32,000	
200	Hoàng Thị Thứ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	14	0	0	0	0	0	0	0	0	210,000	
201	Hồ Văn Công	Tây Xuân	Tây Xuân	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32,000	
202	Nguyễn Văn Sáng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
203	Nguyễn Văn Đức	Tây Xuân	Tây Xuân	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	92,000	
204	Nguyễn Hồng Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
205	Hoàng Thị Quế	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
206	Nguyễn Văn Lai	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
207	Nguyễn Văn Chính	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
208	Nguyễn Văn Tài	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
209	Chu Thị Ngọc	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
210	Nguyễn Viết Dụy	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
211	Nguyễn Thị Thảo	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
212	Nguyễn Tiến Thìn	Tây Xuân	Tây Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
213	Lê Hoàng Phúc	Tây Xuân	Tây Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
214	Dương Văn Cử	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
215	Hoàng Văn Luân	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
216	Tạ Hồng Kỳ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0,982	0	0	0	1	0	0	0	0	18,730	
			Tây Xuân Total	98,4092	326,998	0	0	0	68,0935	51,62	0	0	0	6.351,774	
1	Nguyễn Thành Nhơn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4	0	0	0	0	2	0	0	0	75,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Nguyễn Xuân Hồng	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	42,000	
3	Võ Xuân Thương	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0,7	0	0	0	1,2	0	0	0	0	23,300	
4	Trần Đăng Khoa	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
5	Nguyễn Văn Huy	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	22,500	
6	Lê Văn Hoành	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	
7	Nguyễn Thị Định	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	53,000	
8	Trần Văn Thế	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
9	Nguyễn Thị Trúc	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	34,500	
10	Nguyễn Quốc Toản	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	5,9	0	0	0	0	0	0	0	0	88,500	
11	Nguyễn Văn Nhật	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
12	Nguyễn Văn Phong	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4,3	0	0	0	0	0	0	0	0	64,500	
13	Đinh Thị Nhâm	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	15,500	
14	Trần Văn Chính	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
15	Trần Văn Nam	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	0	1,2	0	0	0	17,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
16	Trần Văn Tài	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	45,500	
17	Phan Việt Trâm	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
18	Nguyễn Kiều Sang	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	60,500	
19	Dương Thị Xiềng	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
20	Nguyễn Bá Thuận	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
21	Trần Đình Vũ	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	24,000	
22	Phạm Văn Dũng	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
23	Võ Xuân Bính	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
24	Nguyễn Hữu Toán	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
25	Phạm Văn Nam	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
26	Nguyễn Văn Điều	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,64	0	0	0	1,4	0	0	0	0	30,200	
27	Nguyễn Thị Hường	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	39,000	
28	Phạm Văn Kiểu	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	5,2	0	0	0	0	0	0	0	0	90,000	
29	Võ Xuân Hoàn	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1,5	0	0	0	1	1	0	0	0	42,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
30	Nguyễn Thị Hương	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
31	Nguyễn Văn Hoà	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
32	Phan Đình Thảo	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3,1	0	0	0	0	0	0	0	0	46,500	
33	Phan Đình Thúc	Xuân Sơn	Đông Xuân	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	62,000	
34	Trần Văn Tân	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,9	0	0	0	1,5	0	0	0	0	49,500	
35	Nguyễn Văn Sau	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	67,500	
36	Nguyễn Thị Thiệp	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	2	2	0	0	0	68,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
37	Nguyễn Thị Đào	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
38	Nguyễn Xuân Việt	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	3	0	0	0	1	0	0	0	0	65,000	
39	Võ Xuân Thìn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	1,5	0	0	0	56,250	
40	Đinh Văn Điền	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,5	0	0	0	1,5	0	0	0	0	43,500	
41	Lê Văn Quang	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
42	Đinh Anh	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	23,500	
43	Nguyễn Văn Tình	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	27,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
44	Nguyễn Thị Phượng	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	0	0,8	0	0	0	6,000	
45	Nguyễn Văn Hiền	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	0,5	0	0	0	2	0	0	0	0	39,500	
46	Nguyễn Phương Nam	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
47	Dương Công Trí	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	10,000	
48	Võ Thị Lạc	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
49	Nguyễn Văn Bổn	Xuân Sơn	Đông Xuân	4,3	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	35,900	
50	Nguyễn Văn Thành	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	6,1	0	0	0	0	0	0	0	0	107,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
51	Nguyễn Thị Tam	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	12,000	
52	Phạm Văn Thanh	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,400	
53	Nguyễn Thị Hoà	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
54	Nguyễn Đình Dương	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
55	Phan Thị Thương	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
56	Nguyễn Quốc Vũ	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
57	Nguyễn Văn Lân	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
58	Nguyễn Văn Cư	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4	0	0	0	1,8	1	0	0	0	74,700	
59	Nguyễn Văn Thường	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	2	0	0	0	2	0	0	0	0	62,000	
60	Nguyễn Thanh Tâm	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	5	0	0	0	2	3	0	0	0	105,500	
61	Phan Văn Cường	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,9	0	0	0	0	1	0	0	0	36,000	
62	Võ Thị Bình	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
63	Nguyễn Văn Dị	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	23,000	
64	Đinh Xuân Hoàn	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	2	0	0	0	0	2	0	0	0	61,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
65	Nguyễn Thị Thơm	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4,3	0	0	0	0	0	0	0	0	64,500	
66	Kiều Nhật Lự	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
67	Phan Văn Thư	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,7	0	0	0	1	0	0	0	0	29,500	
68	Võ Xuân Hợi	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,93	0	0	0	0	1	0	0	0	36,450	
69	Hà Văn Hoan	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	1,5	1,5	0	0	0	17,250	
70	Nguyễn Văn Sơn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,2	0	0	0	0	0,8	0	0	0	24,000	
71	Nguyễn Văn Diệu	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
72	Nguyễn Thị Tuyến	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
73	Trần Văn Việt	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	12	0	0	0	0	93,000	
74	Võ Thị Liêm	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,4	0	0	0	1,5	0	0	0	0	27,000	
75	Nguyễn Văn Duẩn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
76	Nguyễn Tiến Quyền	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	39,000	
77	Đinh Tiến Cường	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	52,500	
78	Võ Đình Khoa	Xuân Sơn	Đông Xuân	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
79	Nguyễn Thị Thanh	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	22,500	
80	Nguyễn Thị Công	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
81	Võ Đình Đề	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,5	0	0	0	2,5	0	0	0	0	32,500	
82	Đinh Thị Thanh Trúc	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	69,000	
83	Đinh Xuân Dương	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0	120,000	
84	Đặng Thị Hồng Trâm	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
85	Trần Văn Thiện	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
86	Nguyễn Thị Nam	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
87	Võ Thị Thương	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,5	0	0	0	2	0	0	0	0	45,500	
88	Trần Thị Hồng	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	0	5,1	0	0	0	38,250	
89	Trần Vân	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,9	0	0	0	0	0	0	0	0	28,500	
90	Nguyễn Văn Lân	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	7	0	0	0	0	1,5	0	0	0	116,250	
91	Trần Văn Toàn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
92	Nguyễn Văn Tiền	Xuân Sơn	Đông Xuân	7,2	9	0	0	0	0	0	0	0	0	192,600	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
93	Trần Văn Lảnh	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
94	Nguyễn Thị Nga	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
95	Nguyễn Thị Quý	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	49,000	
96	Sử Thị Cảnh	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	3	0	0	0	0	1	0	0	0	60,500	
97	Nguyễn Văn Công	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
98	Trần Văn Thắng	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	6	5	0	0	0	61,500	
99	Nguyễn Văn Cương	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	16,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
100	Nguyễn Văn Trường	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	16,000	
101	Nguyễn Văn Hoá	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	4	2	0	0	0	31,000	
102	Nguyễn Phú Đồng	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
103	Lê Thị Hường	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
104	Nguyễn Thị Nga	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	12,000	
105	Trần Quốc Cương	Xuân Sơn	Đông Xuân	8,7	10,9	0	0	0	0	0	0	0	0	233,100	
106	Phạm Thị Tình	Xuân Sơn	Đông Xuân	0,5	1	0	0	0	0	2	0	0	0	34,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
107	Bùi Văn Đại	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	12,000	
108	Võ Văn Bắc	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	12,000	
109	Đinh Thị Nguyên	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,5	0	0	0	0	1,5	0	0	0	33,750	
110	Nguyễn Văn Nam	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
111	Nguyễn Văn Duyên	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	3	0	0	0	0	3	0	0	0	75,500	
112	Nguyễn Tiến Định	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
113	Võ Thị Hiền	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	1,5	0	0	0	0	51,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
114	Hà Văn Nhàn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
115	Nguyễn Văn Tuyến	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
116	Bùi Văn Thắng	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
117	Nguyễn Thị Phúc	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
118	Nguyễn Đình Lợi	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
119	Nguyễn Đức Điều	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	24,000	
120	Võ Văn Nhâm	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	3	0	0	0	0	2	0	0	0	76,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
121	Nguyễn Hồng Sinh	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	3	0	0	0	0	1	0	0	0	64,500	
122	Nguyễn Văn Hiền	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
123	Nguyễn Văn Tân	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	0	0	0	0	1	0	0	0	0	20,000	
124	Đinh Vũ Quỳnh	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1,5	0	0	0	0,5	0	0	0	0	32,500	
125	Đinh Quang Nhân	Xuân Sơn	Đông Xuân	4,5	2,2	0	0	0	0	0	0	0	0	69,000	
126	Nguyễn Thị Hồng Diên	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	13,9	0	0	0	0	0	0	0	0	208,500	
127	Nguyễn Thị Hợi	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	3	0	0	0	3	0	0	0	0	73,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
128	Nguyễn Văn Tú	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	24,500	
129	Lê Văn Cường	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
130	Võ Xuân Hải	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3,2	0	0	0	0	0	0	0	0	48,000	
131	Lê Thị Kiển	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
132	Nguyễn Văn Tuấn	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,2	5	0	0	0	0	0	0	0	0	84,600	
133	Dương Thị Hoài	Xuân Sơn	Đông Xuân	0,5	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	28,000	
134	Trần Văn Giáp	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	5	0	0	0	2	0	0	0	0	83,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
135	Võ Xuân Lam	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	38,000	
136	Nguyễn Công Thành	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
137	Nguyễn Tiến Bình	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2,6	0	0	0	0	0	0	0	0	47,000	
138	Nguyễn Phi Giáp	Xuân Sơn	Đông Xuân	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	115,000	
139	Lê Anh Dũng	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	69,000	
140	Trần Thị Lý	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
141	Trần Thị Hồng Kỳ	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
142	Trần Thị Lý	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	1	0,8	0	0	0	10,000	
143	Nguyễn Văn Vinh	Xuân Sơn	Đông Xuân	6	4	0	0	0	0	0	0	0	0	108,000	
144	Nguyễn Thị Chiến	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	5	1	0	0	0	57,500	
145	Nguyễn Văn Quyền	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	38,000	
146	Đặng Thị Hiền	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	
147	Nguyễn Thị Anh	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	54,000	
148	Nguyễn Thị Cúc	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
149	Phan Thị Biền	Xuân Sơn	Đông Xuân	3,7	2	0	0	0	0	0	0	0	0	59,600	
150	Nguyễn Thị Mận	Xuân Sơn	Đông Xuân	0,5	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	41,500	
151	Phan Thị Hiên	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,5	0	0	0	1,5	0	0	0	0	28,500	
152	Nguyễn Văn Dũng	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	4,1	0	0	0	0	0	0	0	0	85,500	
153	Võ Đình Linh	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
154	Lê Thị Tơ	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
155	Tăng Văn Nga	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0,5	0	0	0	0	32,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
156	Nguyễn Thị Thanh Lệ	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	4	0	0	0	1	0	0	0	0	76,000	
157	Đinh Văn Hậu	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
158	Tăng Trung Thành	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,5	0	0	0	2	0	0	0	0	30,500	
159	Nguyễn Thị Nguyệt	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
160	Lê Văn Hoành	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
161	Nguyễn Văn Nhuệ	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	105,000	
162	Nguyễn Văn Quảng	Xuân Sơn	Đông Xuân	5	7	0	0	0	0	0	0	0	0	145,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
163	Dương Thị Doan	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
164	Phan Mậu Nguyên	Xuân Sơn	Đông Xuân	0,5	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	26,500	
165	Nguyễn Ký	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	19,000	
166	Võ Đình Pháp	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,7	1	0	0	0	0	0	0	0	0	28,600	
167	Nguyễn Văn Diện	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	3,3	0	0	0	0	0	0	0	0	73,500	
168	Đinh Văn Minh	Xuân Sơn	Đông Xuân	4	2	0	0	0	1	0	0	0	0	66,000	
169	Nguyễn Thị Hoa	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	2,250	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
170	Phan Văn Thuần	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
175	Nguyễn Thị Thủy	Xuân Sơn	Đông Xuân	0,7	0,9	0	0	0	0	1,4	0	0	0	29,600	
176	Dương Văn Toàn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	5	4,4	0	0	0	53,000	
177	Võ Thị Uyên	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
178	Phạm Ngọc Thuấn	Xuân Sơn	Đông Xuân	4	1,8	0	0	0	1,5	0	0	0	0	65,000	
179	Đặng Thị Phương	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	19,000	
180	Trần Văn Trường	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
181	Nguyễn Đình Quyền	Xuân Sơn	Đông Xuân	2,76	3,29	0	0	0	1,3	0	0	0	0	76,630	
182	Lê Công Đoàn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0,5	0	0	0	0	47,000	
183	Nguyễn Thái Tượng	Xuân Sơn	Đông Xuân	3,5	0	0	0	0	0	6	0	0	0	73,000	
184	Nguyễn Quang Xà	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	2	0	0	0	30,000	
185	Phạm Văn Khự	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	0	0	0	0	2,5	0	0	0	0	34,000	
186	Võ Thị Thanh	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0	23,000	
187	Nguyễn Thị Thanh	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
188	Nguyễn Tiến Đèo	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2,7	0	0	0	0,5	0	0	0	0	50,500	
189	Trần Văn Tiến	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4	0	0	0	0,5	0	0	0	0	62,000	
190	Đặng Thị Thủy	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	4	0	0	0	2	0	0	0	0	84,000	
191	Hà Văn Hân	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
192	Nguyễn Văn Sâm	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
193	Nguyễn Bảo Quốc	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
194	Nguyễn Thị Thúy	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	0	0	0	0	1	1,2	0	0	0	13,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
195	Nguyễn Văn Trường	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0,5	0	0	0	0	40,000	
196	Võ Đình Hà	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	3	0	0	0	0	2	0	0	0	60,000	
197	Nguyễn Thị Lành	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,5	0	0	0	2	1,5	0	0	0	56,750	
198	Đinh Văn Thành	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
199	Phạm Văn Phong	Xuân Sơn	Đông Xuân	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32,000	
200	Nguyễn Văn Thân	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
201	Nguyễn Đình Cư	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	2,2	0	0	0	0	0	0	0	0	57,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
202	Trần Văn Sơn	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
203	Nguyễn Đình Thỏa	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	69,000	
204	Nguyễn Văn Trung	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,3	0	0	0	0	0	0	0	0	34,500	
205	Nguyễn Tiến Nuôi	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	49,500	
206	Đặng Thị Thương	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
207	Lê Minh Quý	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,000	
208	Nguyễn Thị Hoa Huệ	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
209	Trần Quốc Phương	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	4,2	0	0	0	0	0	0	0	0	63,000	
210	Nguyễn Văn Minh	Xuân Sơn	Đông Xuân	2,5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	50,000	
211	Nguyễn Thị Minh	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	90,000	
212	Nguyễn Thị Tân	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
213	Nguyễn Văn Duy	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
214	Nguyễn Thị Phượng	Xuân Sơn	Đông Xuân	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
215	Phan Công Phượng	Xuân Sơn	Đông Xuân	0,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	19,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
216	Lê Văn Công	Xuân Sơn	Đông Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
217	Đinh Văn Lệ	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
218	Trần Văn Phúc	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
219	Nguyễn Tiến Cẩn	Xuân Sơn	Đông Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
220	Phan Đình Thê	Xuân Sơn	Đông Xuân	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,800	
221	Nguyễn Văn Đức	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
222	Lê Văn Hoàn	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
223	Đặng Văn Thắng	Xuân Sơn	Đông Xuân	0,8	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	24,400	
224	Đinh Văn Vinh	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
225	Võ Đình Điền	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
226	Nguyễn Văn Đại	Xuân Sơn	Đông Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
227	Phan Thị Quế	Xuân Sơn	Đông Xuân	2,5	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	27,500	
			Đông Xuân Total	205,96	449,66	0	0	0	140,2	77,7	0	0	0	9.536,130	
2	Đặng Văn Nam	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Cao Xuân Trị	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	4,74	0	0	0	0	0	0	0	0	71,100	
4	Nguyễn Đức Ngân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	4,5	0	0	0	0	0	0	0	0	67,500	
5	Cao Xuân Năm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
7	Nguyễn Thị Mai	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
9	Trần Văn Thái	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
10	Cao Xuân Cơ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
11	Nguyễn Đình Tạo	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0,825	0	0	0	0	0	0	0	0	12,375	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
12	Nguyễn Xuân Trịnh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
13	Nguyễn Ngọc Khang	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
14	Trần Đình Hải	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
15	Hoàng Công Thanh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
16	Nguyễn Thị Tuyết	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	40,400	
17	Nguyễn Trung Tuyến	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,9	1,99	0	0	0	0	0	0	0	0	37,050	
18	Nguyễn Văn Siềm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
19	Nguyễn Viết Kỳ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	10	0	0	0	2,6	0	0	0	0	160,400	
20	Hồ Thị Huyền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,9	2	0	0	0	0	0	0	0	0	37,200	
21	Nguyễn Văn Tính	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	39,600	
23	Nguyễn Văn Trường	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	9,379	0	0	0	2	0	0	0	0	148,685	
24	Trần Lê Phúc	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,200	
26	Võ Văn Nam	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,600	
27	Trần Đình Vỹ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,15	0	0	0	0	0,25	0	0	0	0	10,200	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
28	Trần Trung Hậu	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	53,000	
29	Trần Đình Thi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	0,17	0	0	0	0	0,680	
30	Nguyễn Văn Lành	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	6	0	0	0	0	2	0	0	0	105,000	
31	Trần Văn Trung	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	17,400	
32	Nguyễn Văn Chuyến	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
33	Nguyễn Thị Hảo	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
34	Nguyễn Thanh Quang	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15,200	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
35	Hồ Văn Ven	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
36	Nguyễn Văn Minh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
37	Phạm Thị Tứ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
38	Trần Khắc Thắng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	18,200	
40	Phan Công Phụng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
42	Nguyễn Đình Tứ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0,4	0	0,1	0	2	0	0	0	0	18,000	
43	Trần Tân Hợi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,25	1	0	0	0	0	0	0	0	0	17,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
44	Nguyễn Đình Định	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	9,89	0	0	0	0	0	0	0	0	148,350	
45	Đỗ Văn Tuấn	Hồng Xuân	Hồng Xuân	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	69,000	
46	Nguyễn Thị Tâm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	90,000	
47	Nguyễn Văn Minh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	7	0	0	0	0	0	0	0	0	121,000	
48	Trần Quốc Mỹ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
49	Hoàng Văn Hòa	Hồng Xuân	Hồng Xuân	5,5	1	0	0	0	2	0	0	0	0	67,000	
50	Phạm Đức Hoàn	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1	0	0	0	0,5	0	0	0	0	17,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
51	Nguyễn Tiến Kỳ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
52	Dương Văn Trường	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
53	Nguyễn Văn Nông	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0,5	0	0	0	0	32,000	
54	Nguyễn Văn Trung	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	8,9	0	0	0	2	0	0	0	0	141,500	
55	Cao Xuân Văn	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
56	Võ Xuân Hiển	Hồng Xuân	Hồng Xuân	4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	77,000	
57	Võ Văn Tuyền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
58	Nguyễn Đức Toàn	Hồng Xuân	Hồng Xuân	3,0019	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	31,515	
59	Hoàng Văn Yên	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
60	Hoàng Văn Chương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
61	Nguyễn Văn Khiếu	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,7	1	0	0	0	0	0	0	0	0	20,600	
62	Trần Lê Thoan	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
63	Trần Văn Thể	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,5	4	0	0	0	0	0	0	0	0	72,000	
64	Hoàng Đình Lợi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
65	Hoàng Công Thức	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
66	Hoàng Văn Hồ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
67	Võ Văn Dân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
68	Trần Văn Hải	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
69	Phan Xuân Dũng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
70	Nguyễn Thị Thanh Cảnh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	5,35	0	0	0	0	0	0	0	0	80,250	
71	Đặng Văn Thiên	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
72	Nguyễn Văn Dương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
73	Nguyễn Thị Xuân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2,5	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	30,500	
74	Trần Thị Chất	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,92	1	0	0	0	0	0	0	0	0	22,360	
75	Phan Xuân Nhuần	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1,9	0	0	0	0	1,7	0	0	0	41,250	
76	Cao Xuân Tường	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0,5	0	0	0	0	32,000	
77	Phan Tiến Mỹ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
78	Nguyễn Viết Bun	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
79	Cao Xuân Sơn	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
80	Nguyễn Tiến Hùng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
81	Nguyễn Thị Dực	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0,9	0	0	0	0	0	0	0	0	13,500	
82	Hồ Nam Cao	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,2	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	4,600	
83	Nguyễn Văn Tịnh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
84	Đinh Văn Hiền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
85	Nguyễn Hữu Mỹ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
86	Nguyễn Văn Mĩ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
87	Nguyễn Thị Vinh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
88	Nguyễn Văn Lực	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
89	Nguyễn Thị Nga	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	11,750	
90	Hoàng Văn Nhật	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	46,600	
91	Nguyễn Viết Phi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	3	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	46,500	
92	Hoàng Công Anh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	4	0	0	0	0	2	0	0	0	75,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
93	Nguyễn Thị Thuật	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,2	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	2,725	
94	Phan Công Sáng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,000	
95	Nguyễn Văn Xuân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
96	Nguyễn Phi Hùng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
97	Dương Xuân Thọ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
98	Võ Văn Bắc	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
99	Phan Xuân Nhạn	Hồng Xuân	Hồng Xuân	5	4	0	0	0	0	0	0	0	0	100,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
100	Hoàng Đình Lượng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
101	Nguyễn Tiến Thành	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
102	Nguyễn Bá Thiết	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
103	Nguyễn Thị Minh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
104	Tăng Thị Mận	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
105	Nguyễn Ngọc Tường	Hồng Xuân	Hồng Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
106	Nguyễn Văn Ngần	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
107	Trần Thị Nhung	Hồng Xuân	Hồng Xuân	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
108	Võ Văn Lệnh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	17	0	0	0	0	0	0	0	0	255,000	
109	Cao Xuân Phiên	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2,897	0	0	0	0	0	0	0	0	43,455	
110	Hoàng Công Hòa	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0,7	1,67	0	0	0	3,3	0	0	0	0	43,850	
111	Võ Văn Quyền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32,000	
112	Phan Phi Long	Hồng Xuân	Hồng Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
113	Nguyễn Văn Thành	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	38,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
114	Hoàng Văn Thắng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	1,3	0	0	0	0,7	0	0	0	0	22,300	
115	Nguyễn Thị Hiền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	4	6	0	0	0	0	0	0	0	0	122,000	
117	Nguyễn Văn Đức	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	30,000	
119	Đinh Công Hùng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
120	Hoàng Thị Sỹ	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
121	Võ Văn Liên	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
122	Trần Đình Phi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
123	Nguyễn Lương Trí	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	2,3	0	0	0	0	9,200	
124	Hoàng Văn Nông	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	0	0,6	0	0	0	4,500	
125	Đặng Thị Thu Hương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
126	Nguyễn Tiến Khương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
127	Đặng Thái Sơn	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
128	Đặng Quốc Giáp	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
129	Nguyễn Văn Lục	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
130	Võ Thị Phương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	0	0,07	0	0	0	0,525	
131	Trần Văn Tân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	2,1	0	0	0	0	8,400	
132	Trần Văn Tăng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	4,5	0	0	0	0	18,000	
133	Nguyễn Thành Đồng	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
134	Võ Văn Tân	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	0,7	0	0	0	0	2,800	
135	Trần Đình Quyền	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1,69	0	0	0	0	6,760	
136	Trần Thị Phương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
137	Cao Xuân Tiến	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	16,000	
138	Nguyễn Văn Tao	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1,2	0	0	0	0	4,800	
139	Phan Thị Tâm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
			Hồng Xuân Total	96,3219	220,041	0	0,1	0	52,51	12,52	0	0	0	4.379,130	
1	Nguyễn Viết Nam	Trung Xuân	Trung Xuân	1	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	30,500	
2	Lê Ngọc Quang	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
3	Cao Xuân Đức	Trung Xuân	Trung Xuân	1,2068	2	0	0	0	1,9665	0	0	0	0	47,520	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
4	Nguyễn Tiến Hải	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,1	0	0	0	1,5	0	0	0	0	7,500	
5	Nguyễn Tiến Hòa	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
7	Nguyễn Đình Tùng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	19,000	
8	Nguyễn Ánh Công	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3	0	0	0	2,35	3	0	0	0	76,900	
9	Nguyễn Đình Định	Trung Xuân	Trung Xuân	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	45,500	
10	Nguyễn Đình Lân	Trung Xuân	Trung Xuân	3	0	0	0	0	2	0	0	0	0	32,000	
11	Lê Văn Hoa	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
12	Bạch Thị Hương	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
13	Lê Văn Du	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
14	Hồ Công Chúng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,1	0,7	0	0	0	5,650	
15	Đặng Văn Ngọc	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
16	Nguyễn Văn Hỉu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
17	Nguyễn Đức Hoài	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
18	Lê Văn Cửu	Trung Xuân	Trung Xuân	1,158	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	21,264	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
19	Nguyễn Thị Liên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	22,500	
20	Nguyễn Tiến Minh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	34,000	
21	Nguyễn Đình Din	Trung Xuân	Trung Xuân	1,4	2,17	0	0	0	0	0	0	0	0	43,750	
22	Lê Văn Tình	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
23	Lê văn Thắng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
24	Đặng Thị Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	1,5	0,5	0	0	0	1,2	0	0	0	0	24,300	
25	Nguyễn Văn Thái	Trung Xuân	Trung Xuân	1,3	2	0	0	0	1	0	0	0	0	44,400	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
26	Phan Văn Khâng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
27	Nguyễn Đình Viêm	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,89	0	0	0	0	0	0	0	0	28,350	
28	Nguyễn Văn Cúc	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3,84	0	0	0	0	0	0	0	0	57,600	
29	Nguyễn Đình Phong	Trung Xuân	Trung Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
30	Nguyễn Thị Trung	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,28	0	0	0	0	0	0	0	0	19,200	
31	Nguyễn Ánh Dương	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,5	0	0	0	0	2	0	0	0	22,500	
32	Nguyễn Đình Lan	Trung Xuân	Trung Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
33	Lương Văn Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2,19	0	0	0	0	0	0	0	0	32,850	
34	Đặng Quốc Tuyện	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
36	Nguyễn Thị Duyên	Trung Xuân	Trung Xuân	2	0	0	0	0	0,43	0	0	0	0	17,720	
37	Lương Sỹ Kiên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
38	Nguyễn Hồng Đại	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,3	0	0	0	0	2,7	0	0	0	39,750	
39	Nguyễn Văn Hoạt	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0,75	0	0	0	35,625	
40	Lê Thị Nguyệt	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
41	Lê Thị Lợi	Trường Xuân	Trung Xuân	0,5	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
42	Nguyễn Văn Quyền	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
43	Hồ Thị Lượng	Trường Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
44	Nguyễn Đình Chi	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,4	0	0	0	0	1,5	0	0	0	32,250	
45	Nguyễn Thị Thuận	Trường Xuân	Trung Xuân	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,400	
46	Phan Thị Hường	Trường Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	11,250	
47	Phan Công Bằng	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
48	Nguyễn Đình Nghiêu	Trường Xuân	Trung Xuân	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
49	Trần Văn Hàng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	23,000	
50	Lê Thị Hương	Trường Xuân	Trung Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
51	Nguyễn Tiến Rường	Trung Xuân	Trung Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
52	Võ văn Hưng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	2,5	0	0	0	0	10,000	
53	Phan Công Châu	Trung Xuân	Trung Xuân	0,5	0,5	0	0	0	1	0	0	0	0	15,500	
54	Phan Đình Công	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
55	Nguyễn Văn Khanh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1,995	0	0	0	14,963	
56	lê Văn Hòa	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
57	Lê Văn Nghiên	Trung Xuân	Trung Xuân	5	0	0	0	0	2	0	0	0	0	48,000	
58	Nguyễn Văn Liên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
59	Nguyễn thị Hảo	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
60	Đặng Quốc Luân	Trung Xuân	Trung Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
61	Nguyễn Thế Anh	Trường Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	2,185	0	0	0	0	8,740	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
62	Nguyễn Ngọc Điệp	Trường Xuân	Trung Xuân	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
63	Nguyễn Văn Mé	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1,6	0	0	0	0	6,400	
64	Nguyễn Thị Nghị	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
65	Nguyễn Ngọc Tân	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
66	Nguyễn Trường Thư	Trung Xuân	Trung Xuân	0	9	0	0	0	0	0	0	0	0	135,000	
67	Nguyễn Thị Giáp	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	12,000	
68	Phan Công Long	Trung Xuân	Trung Xuân	0,15	0	0	0	0	0	1	0	0	0	8,700	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
69	Nguyễn Xuân Kiếm	Trung Xuân	Trung Xuân	1,4	0	0	0	0	0	2,5	0	0	0	29,950	
70	Phan văn Nghi	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
71	Trần Viết Toàn	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,54	0	0	0	0	0	0	0	0	23,100	
72	Nguyễn Tiến Tiệp	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
73	Lê Văn Nguyệt	Trung Xuân	Trung Xuân	0,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	19,000	
74	Phạm Văn Tiệp	Trung Xuân	Trung Xuân	1,34	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,720	
75	Nguyễn Ánh Tuyết	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
76	Lê Thị Xoanh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1,3	1,2	0	0	0	14,200	
77	Nguyễn Quang Minh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
79	Nguyễn Đình Dân	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
80	Nguyễn Lương Đề	Trường Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
81	Nguyễn Đình Cường	Trung Xuân	Trung Xuân	5	0	0	0	0	0	5	0	0	0	77,500	
82	Hồ Văn Giáp	Nam Xuân	Trung Xuân	1,5	7	0	0	0	0	0	0	0	0	117,000	
83	Nguyễn Giáng Mi	Trường Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
84	Trần Anh Đức	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
85	Nguyễn Trung Thành	Trung Xuân	Trung Xuân	0,5	3	0	0	0	0	0	0	0	0	49,000	
86	Phan Văn Hà	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0,4	0	0	0	2	0	0	0	0	22,000	
87	Nguyễn Thị Chân	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2,1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,500	
88	Phan Công Hạnh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	1,5	0	0	0	0	21,000	
89	Nguyễn Đình Trị	Trường Xuân	Trung Xuân	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	9,000	
90	Phạm Hữu Tùng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	49,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
91	Nguyễn Đình Lưu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3,4	0	0	0	0	0	0	0	0	51,000	
92	Nguyễn Đình Chung	Trung Xuân	Trung Xuân	0,2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,600	
93	Nguyễn Đình Vy	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
94	Chu Tiến Dũng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3,7	0	0	0	0	0	0	0	0	55,500	
95	Nguyễn Thị Tứ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	23,000	
96	Đặng Thị Nhuân	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0,5	0	0	0	0	0,5	0	0	0	19,250	
97	Nguyễn Đình Thọ	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	15,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
98	Nguyễn Văn Thế	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
99	Nguyễn Văn Tài	Trung Xuân	Trung Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
100	Nguyễn Đình Lam	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
101	Lương Sỹ Phương	Trung Xuân	Trung Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
102	Nguyễn Xuân Hiệu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
103	Cao Xuân Tương	Trung Xuân	Trung Xuân	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	38,500	
104	Nguyễn Văn Khiểu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
105	Phan Văn Biên	Trung Xuân	Trung Xuân	0,93	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,440	
106	Phan Công Đài	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
107	Nguyễn Đức Hà	Trung Xuân	Trung Xuân	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
108	Nguyễn Bá Giáp	Trung Xuân	Trung Xuân	2	6	0	0	0	0	0	0	0	0	106,000	
109	Nguyễn Ánh Hòa	Trường Xuân	Trung Xuân	2	2	0	0	0	5	0	0	0	0	66,000	
110	Lê Ngọc Cảnh	Trung Xuân	Trung Xuân	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,400	
111	Lê Thị Hiền	Trường Xuân	Trung Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
112	Nguyễn Đình Chuyên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
113	Nguyễn Đình Thiên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,9859	0	0	0	1	0	0	0	0	18,789	
114	Nguyễn Anh Tuấn	Trung Xuân	Trung Xuân	1,3	2,7	0	0	0	0	0	0	0	0	50,900	
115	Phan Thị Miễn	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
116	Nguyễn Đình Chiệm	Trung Xuân	Trung Xuân	1,7982	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,386	
117	Nguyễn Thị Huệ	Trường Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
118	Nguyễn Đình Ngôn	Trung Xuân	Trung Xuân	0	5,21	0	0	0	0	0	0	0	0	78,150	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
119	Nguyễn Hồng Viên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
120	Nguyễn Đình Đức	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,996	0	0	0	0	0	0	0	0	14,940	
122	Hồ Thị Hương	Trường Xuân	Trung Xuân	0	3,869	0	0	0	0	0	0	0	0	58,035	
123	Đặng Văn Đài	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
124	Nguyễn Thị Hiếu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
125	Lê Ngọc Khuya	Trường Xuân	Trung Xuân	0	8,85	0	0	0	0	0	0	0	0	132,750	
126	Nguyễn Đức Quế	Trường Xuân	Trung Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
127	Võ Thị Huyền	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,33	0	0	0	0	0	0	0	0	19,950	
128	Nguyễn Thị Miên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
129	Lương Sỹ Bặt	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	
130	Đinh Thị Hanh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	19,000	
131	Chu Thanh Cương	Trung Xuân	Trung Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
132	Phan Thị Nhâm	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,1258	0	0	0	0	0	0	0	0	16,887	
133	Nguyễn Viết Tuân	Trung Xuân	Trung Xuân	0	9	0	0	0	2	4	0	0	0	173,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
134	Lương Sỹ Tuân	Trung Xuân	Trung Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
135	Nguyễn Văn Hiệp	Trung Xuân	Trung Xuân	3,5	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	80,500	
136	Nguyễn Đình Ngọ	Trung Xuân	Trung Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
137	Nguyễn Viết Thọ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
138	Nguyễn Hữu Trọng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	11,500	
139	Nguyễn Bá Vin	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	12,000	
140	Nguyễn Đình Canh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	2,5	0	0	0	18,750	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
141	Võ văn Đường	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
142	Nguyễn Đình Hậu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	2,4224	0	0	0	18,168	
143	Nguyễn Thị Kỳ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	
144	Lê văn thụ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
145	Nguyễn Văn Sỹ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1,3	0	0	0	9,750	
146	Lê Hùng Việt	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	22,500	
147	Nguyễn Thị Nguyệt	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
148	Nguyễn Tiến Mỹ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,7264	0	0	0	0	2,906	
149	Trần Thị Khoát	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,684	0	0	0	0	2,736	
150	Nguyễn Trung Thành	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
151	Nguyễn Văn Bi	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	11,250	
152	Phạm Đình Mậu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
153	Nguyễn Bá Vọ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	22,500	
155	Nguyễn Thị Thủy	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
156	Nguyễn Thị Lài	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
157	Lê Văn Ghi	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,8	0	0	0	0	3,200	
158	Phan Văn Khuy	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1,2	0	0	0	0	4,800	
159	Nguyễn Văn Duy	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	3	3	0	0	0	34,500	
160	Nguyễn Thị Kim Oanh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
161	Nguyễn Thị Lan	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,6	0	0	0	0	2,400	
162	Nguyễn Đình Luyện	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	2,3	0	0	0	17,250	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
163	Nguyễn Thị Thẩn	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,13	0	0	0	0	0,520	
164	Đặng thị Lựu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0	0,400	
165	Lương Sỹ bạnh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1,57	0	0	0	0	6,280	
166	Đặng Thúc Bang	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
167	Phan Văn Cường	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0,25	0	0	0	0	1,000	
168	Nguyễn Đình Nam	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	0	1,4422	0	0	0	10,817	
169	Dương Thị Tình	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
170	Nguyễn Thị Tiên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
171	Nguyễn Thị Thanh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	
			Trung Xuân Total	64,783	190,027	0	0	0	78,6919	65,81	0	0	0	4.177,004	
4	Nguyễn Hồng Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
6	Nguyễn Văn Đằng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
7	Nguyễn Thị Loan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,35	0	0	0	2,625	
8	Lương Thị Sỹ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0,002	0	0	0	0	0,008	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
10	Nguyễn Văn Sửu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	22,500	
11	Trần Thị Hồng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,13	0	0	0	0,975	
14	Nguyễn Tiến Hùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	2,250	
17	Phan Văn Lành	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	1,125	
19	Nguyễn Văn Linh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
20	Chu Văn Minh (Chu Thị Tuẩn)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
21	Võ Xuân Liêu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,7821	0	0	0	0	0	0	0	0	11,732	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
22	Nguyễn Văn Hòa	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	1	0	0	0	0	0,3	0	0	0	17,250	
25	Nguyễn Tiến Hải(Ng. Ủy-Tr. Lưu)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	3,5	0	0	0	26,250	
27	Nguyễn Văn Sau	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,1964	0	0	0	1,473	
31	Nguyễn Thị Lộc	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
32	Trần Xuân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	18,000	
33	Nguyễn Trung Kiên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	1,677	0	0	0	0	0	0	0	0	25,155	
36	Trần Công Thụ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
37	Nguyễn Tiến Hằng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,1878	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,502	
40	Lê Thị Tình	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
41	Võ Hùng Phi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
43	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,42	0	0	0	0	0	0	0	0	6,300	
46	Võ Công Hạnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	1,3	0	0	0	0	5,200	
47	Nguyễn Văn Dành	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,398	0	0	0	0	0	0	0	0	5,970	
48	Trần Thị Nông	Văn Mỹ	Hoà Hợp	1,5	0,175	0	0	0	1,5	0,8	0	0	0	26,625	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
50	Nguyễn Hữu Đặng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	0	1,200	
51	Lê Hồng Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,54	0	0	0	4,050	
60	Trần Thị Đương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
62	Lê Văn Thịnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,1906	0	0	0	0	0,01	0	0	0	2,934	
63	Nguyễn Thị Tư	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,175	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	2,150	
71	Nguyễn Tiến Dũng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	2,3019	0,016	0	0	0	0	0	0	0	0	18,655	
72	Võ Xuân Mận	Văn Mỹ	Hoà Hợp	1,2	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	26,100	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
74	Võ Thị Minh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,3084	0	0	0	0	0	0	0	0	4,626	
77	Nguyễn Tiến Tùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	1,15	1,3019	0	0	0	0	0	0	0	0	28,729	
78	Nguyễn Văn Lượng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	3,2277	0	0	0	0	0	0	0	0	48,416	
80	Lê Công Thiềng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,120	
81	Trần Văn Cảnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0	0,400	
83	Nguyễn Văn Giai	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	2,6603	0	0	0	0	0	0	0	0	39,905	
84	Dương Thị Liệu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	0	0,600	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
87	Phan Văn Phu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	1,500	
88	Chu Thị Lĩnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0,1	0,1	0	0	0	1,150	
89	Lê NGọc Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	1,500	
91	Võ Xuân Đào	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,000	
92	Nguyễn Văn quế	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,25	0	0	0	1,875	
93	Nguyễn thanh Bình	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	1,125	
107	Nguyễn Hồng Đường	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
108	Chu Văn Thường	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
109	Dương Thị Tịnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,03	0	0	0	0	0	0	0	0	0,450	
111	Phạm Thị Vân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
113	Trần Công Dợi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	1,6	5	0	0	0	0	0	0	0	0	87,800	
114	Nguyễn Duy Phương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0,012	0	0	0	0	0,048	
115	Nguyễn Thị Hòa	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
122	Phan Văn Sương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,15	0,15	0	0	0	0	0,15	0	0	0	4,575	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
123	Nguyễn Văn Thanh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
125	Phan Công Hiền	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	22,500	
126	Nguyễn Đức Lục	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	2,250	
128	Nguyễn Tiến Phương(Nguyễn Đình Tân)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,3	0	0	0	0	0,15	0	0	0	5,625	
129	Phạm Hồng Kỳ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	18,200	
130	Nguyễn Văn Cần	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	1,500	
131	Nguyễn Văn Hừng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
132	Nguyễn Văn Tuyên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
133	Nguyễn Văn Thiện(Trần T. Hương)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,35	0	0	0	0	0	0	0	0	5,250	
135	Đặng Thị Nguyệt	Văn Mỹ	Hoà Hợp	1,624	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,992	
136	Nguyễn Thanh Tâm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,600	
138	Hà Văn Tú	Văn Mỹ	Hoà Hợp	1,283	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,264	
139	Trần Thái Lan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0,675	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,400	
140	Võ Hoài Nam	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0,135	0	0	0	0	0	0	0	0	2,025	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
141	Nguyễn Văn Lâm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
142	Cao Ngọc Thảo	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
143	Nguyễn Văn Sáu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
144	Nguyễn Văn Khánh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	11,250	
145	Hoàng Văn Long	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	0	0	0	0	0	0,6	0	0	0	4,500	
			Hoà Hợp Total	13,0867	34,722	0	0	0	3,464	29,276	0	0	0	858,953	
1	Phạm Văn Hoàng	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Nguyễn Văn Chương	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
3	Lê Thị Nhung	Tây Xuân	Bắc Xuân	4	0	0	0	0	0	4	0	0	0	62,000	
4	Phan Thị Hiệu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	7,750	
5	Nguyễn Anh Sáng	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	23,000	
6	Bùi Ngọc Sơn	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	5	0	0	0	0	1	0	0	0	98,500	
7	Ngô Đức Cường	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	105,000	
8	Võ Văn Luyến	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
9	Nguyễn Thị Chân	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
10	Phạm Đình Huấn	Tây Xuân	Bắc Xuân	0,75	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	28,500	
11	Ngô Văn Trường	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	4	0	0	0	0	0	0	0	0	76,000	
12	Trần Văn Công	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	4	0	0	0	1	0	0	0	0	72,000	
13	Nguyễn Thị Quý	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
14	Trần Văn Thái	Tây Xuân	Bắc Xuân	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
15	Trần Văn Tưởng	Tây Xuân	Bắc Xuân	1,5	0,9	0	0	0	0	1	0	0	0	33,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
16	Dương Văn Hóa	Tây Xuân	Bắc Xuân	1,8423	2	0	0	0	0	0	0	0	0	44,738	
17	Trần Văn Dũng	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	2	0	0	0	0	1	0	0	0	37,500	
18	Võ Thị Kỹ	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
19	Trần Văn Bình	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	0	3	0	0	0	38,500	
20	Lê Xuân Sơn	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
21	Trần Văn Tuấn	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	14,000	
22	Bùi Văn Tích	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	23,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
23	Lê Xuân Lộc	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	2,5	0	0	0	3	0	0	0	0	49,500	
24	Nguyễn Thị Quyết	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
25	Trần Văn Quyền	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	24,000	
26	Trần Thị Anh	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
27	Hồ Thị Luân	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
28	Trần Xuân Linh	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
29	Trần Văn Hà	Tây Xuân	Bắc Xuân	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	62,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
30	Phạm Đình Kết	Tây Xuân	Bắc Xuân	2,5	0	0	0	0	0	3	0	0	0	42,500	
31	Lê Thị Hiếu	Tây Xuân	Bắc Xuân	4	0	0	0	0	0	6	0	0	0	77,000	
32	Ngô Văn Quý	Tây Xuân	Bắc Xuân	3	6	0	0	0	0	0	0	0	0	114,000	
33	Phạm Đình Cảnh	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	0	3	0	0	0	38,500	
34	Nguyễn Đức Minh	Tây Xuân	Bắc Xuân	4,5	0	0	0	0	0	4	0	0	0	66,000	
35	Phạm Thị Tịnh	Tây Xuân	Bắc Xuân	7	6	0	0	0	0	0	0	0	0	146,000	
36	Nguyễn Văn Tuấn	Tây Xuân	Bắc Xuân	3	1	0	0	0	2	0	0	0	0	47,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
37	Lê Xuân Hùng	Tây Xuân	Bắc Xuân	7	6,5	0	0	0	0	0	0	0	0	153,500	
38	Lê Xuân Dũng	Tây Xuân	Bắc Xuân	7	1	0	0	0	3	0	0	0	0	83,000	
39	Bùi Ngọc Chiến	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
40	Trần Văn Vịnh	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
41	Trần Thị Linh	Tây Xuân	Bắc Xuân	1,5	0	0	0	0	2	0	0	0	0	20,000	
42	Trần Xuân Hương	Tây Xuân	Bắc Xuân	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	48,000	
43	Bùi Văn Nghĩa	Tây Xuân	Bắc Xuân	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	62,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
44	Phan Đình Phùng	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
45	Dương Văn Hà	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	4	0	0	0	0	0	0	0	0	76,000	
46	Bùi Thị Hoa Mai	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
47	Ngô Văn Phúc	Tây Xuân	Bắc Xuân	4	5	0	0	0	2	0	0	0	0	115,000	
48	Ngô Thị Bình	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	2,6	0	0	0	0	0	0	0	0	39,000	
49	Nguyễn Văn Mậu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	3	0	0	0	1,3	0	0	0	0	50,200	
50	Nguyễn Anh Tuất	Tây Xuân	Bắc Xuân	1,5	4	0	0	0	0	2,5	0	0	0	90,750	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
51	Trần Khắc Đường	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	90,000	
52	Lê Xuân Thủy	Tây Xuân	Bắc Xuân	0,5	0	0	0	0	1,5	1,5	0	0	0	21,250	
53	Võ Văn Hợi	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0,7	0	0	0	3,3	1	0	0	0	31,200	
54	Nguyễn Thế Anh	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
55	Lại Thị Hoa	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	45,000	
56	Nguyễn Văn Mạo	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
57	Phạm Đình Mậu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
58	Trần Khắc Chương	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	14,000	
59	Lê Xuân Thu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	3	0	0	0	0	5	0	0	0	82,500	
60	Nguyễn Văn Hạ	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	23,000	
61	Trần Văn Tuyển	Tây Xuân	Bắc Xuân	0,5	1	0	0	0	2	0	0	0	0	27,000	
62	Bùi Văn Chinh	Tây Xuân	Bắc Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
63	Đặng Thị Thúy	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	0	5,5	0	0	0	41,250	
64	Võ Văn Xuân	Tây Xuân	Bắc Xuân	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
65	Phạm Văn Tỉu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	3,4	0	0	0	0	13,600	
66	Ngô Thị Nga	Tây Xuân	Bắc Xuân	6	2	0	0	0	0	0	0	0	0	78,000	
67	Trần Văn Chương	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	6,9	0	0	0	0	27,600	
68	Ngô Văn Vinh	Tây Xuân	Bắc Xuân	5,56	0	0	0	0	0	0	0	0	0	44,480	
69	Nguyễn Công Khánh	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	22,500	
70	Phạm Thị Ngọc	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	2,3	0	0	0	0	9,200	
71	Phạm Đình Chiến	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
72	Bùi Văn Tiến	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
73	Dương Văn Liễu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0	0	0	5	0	0	0	0	20,000	
74	Bùi Ngọc Thái	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
75	Phạm Thị Hồng	Tây Xuân	Bắc Xuân	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40,000	
76	Ngô Đức Thắng	Tây Xuân	Bắc Xuân	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	32,000	
77	Trần Văn Huyến	Tây Xuân	Bắc Xuân	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
78	Dương Ngọc Linh	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
79	Dương Văn Thìn	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
80	Phạm Đình Dũng	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
81	Ngô Quốc Hoàn	Tây Xuân	Bắc Xuân	6,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	52,000	
82	Nguyễn Đức Cảnh	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	150,000	
83	Hồ Thị Mận	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	5,1	0	0	0	0	0	0	0	0	76,500	
84	Đinh Văn Lưu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
			Bắc Xuân Total	145,6523	148,3	0	0	0	44,2	57	0	0	0	3.994,018	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Trương Công Nam	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	5,27	0	0	0	0	0	0	0	0	79,050	
2	Nguyễn Văn Thể	Đất Đỏ	Đất Đỏ	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	
3	Hoàng Chức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
4	Phan Huy Thành	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	16,000	
5	Nguyễn Hoài Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	14	12	0	0	0	0	0	0	0	0	292,000	
6	Dương Đình Tuệ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
7	Trương Thị Bé	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,1	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	1,925	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
8	Bùi Đức Công	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
9	Trần Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,000	
10	Đặng Thế Cường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	3	0	0	0	0	4,4	0	0	0	78,000	
11	Thái Thị Tịnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,9	0	0	0	0	0	0	0	0	28,500	
12	Trương Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0,4	0	0	0	0	1,600	
13	Nguyễn Như Lâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
14	Hoàng Đình Dương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0,4	0	0	0	0	1,600	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
15	Nguyễn Xuân Luyn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,9	1,15	0	0	0	0	0	0	0	0	24,450	
16	Lê Đình Khang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
17	Hoàng Trọng Lưu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
18	Lê Thị Hiên	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
19	Nguyễn Thị Lâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
20	Trương Thị Xuân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,05	0	0	0	0	0,2	0	0	0	0	1,200	
21	Lê Thị Thân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
22	Đoàn Trọng Thành	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
24	Trần Văn Bắc	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
25	Nguyễn Văn Tịnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
27	Trần Thị Minh Châu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	38,000	
28	Đinh Vũ Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
29	Trần Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
30	Võ Tiến Cường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,9	0	0	0	0	0	0	0	0	28,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
31	Bùi Cao Thắng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
32	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	18,000	
33	Nguyễn Quang Trung	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	1,3	0,5	0	0	0	16,450	
34	Lê Thị Quý	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,05	0	0	0	0	0	0,05	0	0	0	0,775	
35	Nguyễn Thị Thuỳ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
36	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	3,83	0	0	0	0	0	0	0	0	57,450	
37	Hoàng Văn Hồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
38	Phạm Thị Quý	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
39	Phạm Hải Yến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,35	0	0	0	0	0	0	0	0	5,250	
40	Đặng Văn Dũng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
41	Bùi Đức Kỳ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0	120,000	
42	Nguyễn Trung Dũng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	19,000	
43	Phạm Thị Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,14	0	0	0	0	0	0	0	0	17,100	
44	Ngô Xuân Nhật	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
45	Nguyễn Thị Vân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	
46	Võ Công Sơn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	12,000	
47	Đặng Văn Hạnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	4,1	0	0	0	0	0	0	0	0	61,500	
48	Thiều Lâm Minh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	19,500	
49	Đinh Quang Niệm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
50	Đặng Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,3	0	0	0	0	2,9	0	0	0	41,250	
51	Phạm Anh Tuấn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
52	Nguyễn Thị Kim Ánh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,6	1,35	0	0	0	0	0	0	0	0	25,050	
53	Đặng Văn Hiếu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0,6	0,3	0	0	0	4,650	
54	Nguyễn Thị Dung	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0,45	0	0	0	0	1,800	
55	Trần Viết Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	0	0,800	
56	Trần Thị Yến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
57	Nguyễn Hoài Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
58	Nguyễn Như Hường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
59	Nguyễn Kim Hải	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2,1	0	0	0	0	0	0	0	0	31,500	
60	Nguyễn Văn Huân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0,5	0	0	0	11,250	
61	Đoàn Trọng Công	Đất Đỏ	Đất Đỏ	2	3	0	0	0	0	0	0	0	0	61,000	
62	Đinh Quang Hùng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
63	Phan Thị Oanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
64	Bùi Đình Hợi	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
65	Chu Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
66	Nguyễn Văn Đống	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,35	0	0	0	0	0	0	0	0	5,250	
67	Đinh Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,5	0	0	0	1,5	0	0	0	0	28,500	
68	Nguyễn Tiến Vinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,1	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0	1,200	
70	Hoàng Nhỏ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
71	Hà Văn Phen	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
72	Hồ Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
73	Nguyễn Thị Thu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0,7	0	0	0	0	2,800	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
74	Trần Thị Tuyết	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,56	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,480	
75	Nguyễn Đình Sinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
76	Trần Đức Nghị	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
77	Bùi Văn Ân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
78	Hoàng Văn Nỷ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
79	Nguyễn Văn Long	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
81	Võ Thành Đồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,5	1,6	0	0	0	0,5	1,6	0	0	0	42,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
82	Lê Thị Xuyến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,45	0	0	0	0	0	0	0	0	6,750	
83	Nguyễn Thái Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
84	Mai Quang Trường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
85	Đoàn Thị Hiền	Đất Đỏ	Đất Đỏ	10	4	0	0	0	0	0	0	0	0	140,000	
86	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	3,750	
87	Nguyễn Thị Huệ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0	0,39	0	0	0	2,925	
88	Trần Thị Liên	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	8,52	0	0	0	0	0	0	0	0	127,800	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
89	Trần Văn Trường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
90	Nguyễn Thị Duân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
91	Trần Minh Tuyết	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
92	Hoàng Trọng Quỳnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1,825	0	0	0	0	0	0	0	0	27,375	
93	Chu Văn Hiệp	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,68	0	0	0	0	0	0	0	0	10,200	
94	Nguyễn Thị Thơm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
95	Nguyễn Thị Tình	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
96	Lê Xuân Nam	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	38,000	
97	Trương Công Nghĩa	Đất Đỏ	Đất Đỏ	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	46,000	
98	Nguyễn Thị Kỷ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
99	Thái Viết Văn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
100	Nguyễn Đình Hùng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
101	Trần Trọng Thể	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0,5	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	11,500	
102	Nguyễn Xuân Bình	Đất Đỏ	Đất Đỏ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
104	Trương Công Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
105	Phạm Hồng Mận	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
106	Lê Thị Hồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
107	Trần Việt Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
108	Thái Văn Việt	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	15,000	
109	Trương Công Đàn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	
110	Hoàng Văn Triển	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
			Đất Đỏ Total	35,36	155,115	0	0	0	22,85	21,29	0	0	0	2.860,680	
2	Lê Văn Giáo	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,8393	0	0	0	0	0	0	0	0	42,590	
3	Nguyễn Thị Mỹ	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	3,903	0	0	0	0	0	0	0	0	58,545	
4	Nguyễn Mậu Thất	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	0,289	0,5554	0	0	0	5,322	
5	Nguyễn Xuân Hiền	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	6,2375	0	0	0	0	0	0	0	0	93,563	
6	Đặng Văn Quân	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	3,6557	0	0	0	0	0	0	0	0	54,836	
7	Hoàng Xuân Cường	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	6,5717	0	0	0	0	0	0	0	0	98,576	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
8	Lê Xuân Ngụ	Đất Đỏ	Trung Sơn	3,036	7,682	0	0	0	0	0	0	0	0	139,518	
9	Võ Xuân Lâm	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,3907	0	0	0	0	0	0	0	0	35,861	
10	Võ Văn Thọ	Đất Đỏ	Trung Sơn	2	3,3086	0	0	0	0	0	0	0	0	65,629	
11	Nguyễn Văn Tuý	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	1,4122	0	0	0	0	5,649	
12	Nguyễn Nông	Đất Đỏ	Trung Sơn	8,9706	8,051	0	0	0	0	0	0	0	0	192,530	
13	Hoàng Văn Vân	Đất Đỏ	Trung Sơn	2,5	1,5	0	0	0	0,8812	0	0	0	0	46,025	
14	Hoàng Thế Nhân	Đất Đỏ	Trung Sơn	3	0,607	0	0	0	0	0	0	0	0	33,105	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
15	Nguyễn Văn Khánh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
16	Lê văn Sửu	Đất Đỏ	Trung Sơn	2,5	3	0	0	0	0	0	0	0	0	65,000	
17	Trần Quốc Lập	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
19	Nguyễn Văn Hà	Đất Đỏ	Trung Sơn	1,494	8,1	0	0	0	1,494	0	0	0	0	139,428	
20	Đặng Đình Tuấn	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,4	0	0	0	0	0	0	0	0	36,000	
22	: Nguyễn Văn Tiến	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,101	0	0	0	0	0	0	0	0	16,515	
23	Nguyễn Văn Sỵ	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0	120,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
24	Nguyễn Thị Tơ	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
25	Võ Đình Cẩn	Đất Đỏ	Trung Sơn	0,7646	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,117	
26	Nguyễn Thế Cường	Đất Đỏ	Trung Sơn	2,96	2	0	0	0	0	0	0	0	0	53,680	
27	Hoàng Xuân Canh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
30	Nguyễn Thế Tuyến	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	5,5	0	0	0	0	0	0	0	0	82,500	
31	Bùi Văn Thảo	Đất Đỏ	Trung Sơn	1,249	3,606	0	0	0	0	0	0	0	0	64,082	
32	Đặng Thị Tiền	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	0,6956	0	0	0	0	2,782	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
33	Lê Xuân Tăng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	0	0,55	0	0	0	4,125	
34	Phan Chí Tình	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	0	2,2	0	0	0	16,500	
35	Đặng Văn Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	1,2299	0	0	0	0	4,920	
36	Võ Hồng Xoan	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	1,2	0	0	0	0	19,800	
37	Nguyễn Đức Thiện	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	13,44	0	0	0	0	0,46	0	0	0	205,050	
38	Nguyễn Văn Giảng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	0	2,0866	0	0	0	15,650	
39	Võ Xuân Thanh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0,5	0	0	0	0	3,03	0	0	0	0	16,120	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
40	Nguyễn Văn Đức	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,9569	0	0	0	0	0,3076	0	0	0	16,661	
41	Phan Thanh Quế	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	3,542	0	0	0	0,8513	0	0	0	0	56,535	
44	Nguyễn Thị Tâm	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0	0	0	0	1,5	1,5	0	0	0	17,250	
46	Phan Thị Lan	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	3,750	
49	Võ Thị Thương	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,2168	0	0	0	0	0	0	0	0	18,252	
50	Lê Đình Dũng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,316	0	0	0	0	0	0	0	0	4,740	
51	Nguyễn Văn Hữu	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,75	0	0	0	0	0	0	0	0	11,250	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
52	Dương Thanh Nghệ	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
54	Lê Mạnh Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0,5691	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,553	
55	Phạm Hồng Ly	Đất Đỏ	Trung Sơn	1,7617	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,094	
56	Đặng Hoà Hiệp	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,1182	0	0	0	0	0	0	0	0	16,773	
57	Nguyễn Thị Thảo	Đất Đỏ	Trung Sơn	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,000	
58	Nguyễn Văn Dương (Hà)	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,0573	0	0	0	0	0	0	0	0	30,860	
59	Võ Xuân Đức	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,0921	0	0	0	0	0	0	0	0	31,382	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
61	Hoàng Cảnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,5583	0	0	0	0	0	0	0	0	8,375	
62	Võ Xuân Bình	Đất Đỏ	Trung Sơn	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
63	Đặng Văn Bình	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,5998	0	0	0	0	0	0	0	0	23,997	
64	Võ Chân Thành	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,674	0	0	0	0	0	0	0	0	10,110	
65	Nguyễn Đình Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,0513	0	0	0	0	0	0	0	0	15,770	
66	Hoàng Xuân Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	5,495	0	0	0	0	0	0	0	0	82,425	
67	Võ Xuân Hồng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
68	Nguyễn Thị Long	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
69	Nguyễn Thế Mạnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	8,5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	98,000	
71	Hoàng Văn Quý	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	5,6	0	0	0	0	0	0	0	0	84,000	
73	Nguyễn Thị Sỹ	Đất Đỏ	Trung Sơn	1	3,8	0	0	0	0	0	0	0	0	65,000	
74	Lê Thị Hiền	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
75	Võ Văn Thịnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,2208	0	0	0	0	0	0	0	0	3,312	
76	Phan Đức Thuận	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,2969	0	0	0	0	0	0	0	0	4,454	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
78	Nguyễn Hùng Quang	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	14,239	0	0	0	0	0	0	0	0	213,585	
79	Nguyễn Hà Tuyên	Đất Đỏ	Trung Sơn	0,5	1,7	0	0	0	0	0	0	0	0	29,500	
80	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
81	Nguyễn Thế Thu	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,809	0	0	0	0	0	0	0	0	27,135	
82	Nguyễn Quốc Huy	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,4775	0	0	0	0	0	0	0	0	7,163	
83	Nguyễn Văn Dương	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,5293	0	0	0	0	0	0	0	0	7,940	
84	Nguyễn Văn Minh	Đất Đỏ	Trung Sơn	4,483	0	0	0	0	0	0	0	0	0	35,864	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
85	Nguyễn Thế Lực	Đất Đỏ	Trung Sơn	0,8258	3	0	0	0	0	0	0	0	0	51,606	
86	Đặng Thị Hòa	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,3233	0	0	0	0	0	0	0	0	4,850	
88	Nguyễn Thị Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	6,296	1,12	0	0	0	0	0	0	0	0	67,168	
89	Hoàng Thị Thu	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,186	0	0	0	0	0	0	0	0	17,790	
90	Đặng Thị Hằng Nga	Đất Đỏ	Trung Sơn	1,7	3	0	0	0	0	0	0	0	0	58,600	
91	Nguyễn Văn Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
92	Lê Trọng Mạnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
93	Nguyễn Văn Linh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	4,2	0	0	0	0	0	0	0	0	63,000	
95	Phan Thị Tứ	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,4833	0	0	0	0	0	0	0	0	7,250	
96	Hoàng Thị Thùy	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	
97	Hoàng Minh Điền	Đất Đỏ	Trung Sơn	0,4123	1,326	0	0	0	0	0	0	0	0	23,188	
98	Đoàn Thị Khánh Hòa	Đất Đỏ	Trung Sơn	3	15	0	0	0	0	0	0	0	0	249,000	
99	Nguyễn Quý	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	150,000	
100	Bùi Đức Hạnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
101	Lê Quang Trung	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,695	0	0	0	0	0	0	0	0	40,425	
102	Trần Thị Hằng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
103	Biện Xuân Thái	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,667	0	0	0	0	0	0	0	0	10,005	
104	Phan Tiến Mạnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
105	Nguyễn Văn Khương	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
106	Nguyễn Văn Nam	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
107	Nguyễn Văn Dương	Đất Đỏ	Trung Sơn	2,133	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17,064	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
108	Nguyễn Quốc Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
109	Đặng Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	
110	Nguyễn Thị Đức	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	7,2	0	0	0	0	0	0	0	0	108,000	
111	Nguyễn Thế Xuân	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
112	Nguyễn Đình Lành	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
113	Nguyễn Văn Kiên	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	3,4	0	0	0	0	0	0	0	0	51,000	
114	Lê Quang Hợp	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	1,124	0	0	0	0	0	0	0	0	16,860	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
115	Đặng Xuân Hùng	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,514	0	0	0	0	0	0	0	0	37,710	
117	Bùi Thị Bính	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
118	Trương Công Toàn	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	0,3467	0	0	0	0	0	0	0	0	5,201	
			Trung Sơn Total	62,4051	235,979	0	0	0	12,5832	7,6596	0	0	0	4.146,706	
7	Dương Thị Tâm	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,3	5,0336	0	0	0	0	0	0	0	0	77,904	
8	Đặng Thị Hiển	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	2,7809	0	0	0	0	0	0	0	0	41,714	
9	Lê Xuân Hà	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1,6946	0	0	0	0	0	0	0	0	25,419	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
10	Nguyễn Thị Tuyết Mùi	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
12	Dương Văn Viêng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
13	Đặng Hoạch	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,83774	0	0	0	0	0	0	0	0	12,566	
15	Phan Văn Hường	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,2607	0	0	0	0	0	0	0	0	3,911	
20	Nguyễn Thị Hiền	Văn Sơn	Mỹ Liên	2,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	19,200	
21	Nguyễn Tiến Nhâm	Văn Sơn	Mỹ Liên	2,2975	13,5665	0	0	0	0	0	0	0	0	221,878	
22	Dương Thị Tình	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
23	Nguyễn Xuân Thạo	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1,37	0	0	0	0	0	0	0	0	20,550	
26	Lê Mậu Tình	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,05	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,400	
27	Lê Hồng Cẩn	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	1,82	0	0	0	0	7,280	
28	Nguyễn Văn Thuận	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
29	Ngô Hồng Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
34	Nguyễn Thị Tam	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,6	0	0	0	4,500	
36	Nguyễn Tiến Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
37	Đặng Thị Liên	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
38	Nguyễn Văn Khánh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,25	0	0	0	0	1,000	
39	Nguyễn Hồng Thái	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
40	Nguyễn Văn Nghĩa	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,05	0	0	0	0,375	
42	Trần Thị Quế	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	1,500	
43	Đặng Văn Khánh	Văn Sơn	Mỹ Liên	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,600	
44	Nguyễn Thị Thủy	Văn Sơn	Mỹ Liên	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,600	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
45	Lê Thị Vinh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0,750	
47	Đặng Đình Nuôi	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	3,750	
48	Trần Công Hải	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	0	0,600	
50	Ngô Thị Nhiễm	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	0	0,800	
51	Dương Thị Thư	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
52	Phan Văn Hương	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,2086	0	0	0	1,565	
53	Lê An Vỹ	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,200	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
54	Nguyễn Thị Châu	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1,525	0	0	0	0	0	0	0	0	22,875	
56	Lê Văn Thông	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
61	Nguyễn Thị Diên	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	0	1,200	
63	Nguyễn Xuân Quý	Văn Sơn	Mỹ Liên	2,6211	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,969	
65	Ngô Văn Minh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	
66	Trần Công Phương	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	7,3	0	0	0	0	0	0	0	0	109,500	
67	Trần Đình Quý	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
68	Nguyễn Mạnh Tiến	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,2	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	3,100	
71	Ngô Nam Định	Văn Sơn	Mỹ Liên	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
72	Trần Đức Cường	Văn Sơn	Mỹ Liên	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
74	Đặng Đình Hồng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	1,2819	0	0	0	9,614	
75	Đặng Chí Dũng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	2,8452	0	0	0	21,339	
76	Đặng Quang Trung	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	3,1325	0	0	0	0	0	0	0	0	46,988	
77	Đặng ĐÌnh Lục	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,400	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
78	Đặng Văn Hường	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	3,1476	0	0	0	23,607	
80	Ngô Văn Tá	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,06	0	0	0	0,450	
82	Trần Thế Hữu	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	5	0	0	0	37,500	
85	Nguyễn Văn Lợi	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
86	Trần Đức Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	3,750	
87	Đặng Văn Hiệp	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	1,125	
91	Trương Hùng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,12	0	0	0	0	0,480	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
96	Đặng Văn Tơ	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
97	Trần Xuân Canh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	7,0629	0	0	0	0	0	0	0	0	105,944	
101	Nguyễn Văn Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	13,2823	0	0	0	0	0	0	0	0	199,235	
105	Nguyễn Xuân Thanh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,400	
106	Lê Đức Hộ	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	11,9	0	0	0	0	0	0	0	0	178,500	
107	Trương Hồng Tú	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	2,5724	0	0	0	0	0	0	0	0	38,586	
108	Nguyễn Văn Bình	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
109	Nguyễn Tiến Uy	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
112	Ngô Văn Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0,750	
113	Lê Văn Vượng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	2	0	0	0	1,3027	0	0	0	0	35,211	
114	Đặng Thị Lương	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	2,250	
115	Nguyễn Viết Lệ	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	1,7377	3,2623	0	0	0	31,418	
116	Trần Thanh Tịnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0	0,43	0	0	0	3,225	
117	Trần Đức Dũng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,15	0,1	0	0	0	1,350	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
118	Nguyễn Văn Công	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,3347	0	0	0	2,1653	0	0	0	0	13,682	
119	Phan Văn Nghĩa	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0	0,400	
120	Nguyễn Tiến Đức	Văn Sơn	Mỹ Liên	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,400	
121	Nguyễn Đức Mậu	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
122	Lương Thị Doàn	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	
123	Nguyễn Hồng Mại	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	
125	Lê Thị Mận	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0		0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
126	Nguyễn Thanh Tân	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
127	Lê Đức Thọ	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	9,000	
128	Lê Bính Thìn	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,800	
129	Đặng Văn Mậu	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,2	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
130	Ngô Văn Đức	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1,8042	0	0	0	0	0	0	0	0	27,063	
131	Lê Hồng Viễn	Văn Sơn	Mỹ Liên	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
132	Ngô Duy Tương	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	4,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
133	Đặng Đình Song	Văn Sơn	Mỹ Liên	1,7999	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,399	
134	Lê Anh Đức	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
135	Hồ Văn Thiên	Văn Sơn	Mỹ Liên	0,3881	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,105	
136	Ngô Thanh Hồng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
137	Lê Thế Kỷ	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
138	Nguyễn Văn Tuyết	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
			Mỹ Liên Total	22,1066	104,708	0	0	0	8,7957	17,636	0	0	0	1.914,923	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Nguyễn Tiến Dực	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,5	0	0	0	0,33	0	0	0	0	8,820	
2	Nguyễn Xuân Tràng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	4,53	0	0	0	0	0	0	0	0	67,950	
3	Nguyễn Hữu Quyền	Trường Xuân	Trường Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
4	Đặng Thị Quảng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
5	Đặng Đình Tần	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,4	0	0	0	0	1,600	
6	Nguyễn Tiến Lan	Trường Xuân	Trường Xuân	0,5	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	11,500	
7	Phạm Văn Hùng	Trường Xuân	Trường Xuân	3	0	0	0	0	0	2,7	0	0	0	44,250	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
8	Nguyễn Văn Đức	Trường Xuân	Trường Xuân	0,68	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,440	
9	Đặng Đình Thưởng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
10	Cao Xuân Bắc	Trường Xuân	Trường Xuân	3	1,19	0	0	0	0	0	0	0	0	41,850	
11	Nguyễn Tiến Vinh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
14	Nguyễn Văn Khánh	Trường Xuân	Trường Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
19	Nguyễn Văn Phúc	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	19,000	
20	Đặng Đình Điện	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	0,44	0	0	0	3,300	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
21	Nguyễn Thị Dị	Trường Xuân	Trường Xuân	0,94	1	0	0	0	0	0	0	0	0	22,520	
23	Nguyễn Văn Sau	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2,02	0	0	0	0	0	0	0	0	30,300	
24	Nguyễn Thị Nghiêm	Trường Xuân	Trường Xuân	2,74	0	0	0	0	0	0	0	0	0	21,920	
25	Nguyễn Tiến Cường	Trường Xuân	Trường Xuân	1,2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	39,600	
26	Đặng Đình Đằng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
27	Nguyễn Tiến Đựng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,99	0	0	0	0	0	0	0	0	29,850	
29	Đặng Thanh Quế	Trường Xuân	Trường Xuân	1,06	1,92	0	0	0	0	0	0	0	0	37,280	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
30	Đặng Xuân Thúc	Trường Xuân	Trường Xuân	4	5,5	0	0	0	0	0	0	0	0	114,500	
31	Nguyễn Viết Trung	Trường Xuân	Trường Xuân	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	23,500	
32	Lê Ngọc Vĩnh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	60,000	
33	Nguyễn Công Vị	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,81	0	0	0	0	0,58	0	0	0	16,500	
34	Đặng Quốc Luật	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	1,500	
35	Nguyễn Đức Phê	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	1,7	0,5	0	0	0	10,550	
38	Đinh Thị Minh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,7	2	0	0	0	17,800	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
39	Nguyễn Thị Hán	Trường Xuân	Trường Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
40	Nguyễn Văn Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	69,000	
41	Nguyễn Văn Nhị	Trường Xuân	Trường Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
42	Nguyễn Văn Duê	Trường Xuân	Trường Xuân	4,8	0,9	0	0	0	1,2	0	0	0	0	56,700	
43	Đặng Đình Hiếu	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
44	Trần Thị Phơn	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,5	0	0	0	2,2	0	0	0	0	31,300	
45	Lê Ngọc Vọ	Trường Xuân	Trường Xuân	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,200	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
46	Đặng Xuân	Trường Xuân	Trường Xuân	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	90,000	
47	Trần Hữu Phúc	Trường Xuân	Trường Xuân	0,3	0	0	0	0	1,8	0	0	0	0	9,600	
48	Nguyễn Tiến Kích	Trường Xuân	Trường Xuân	0,6	1,2	0	0	0	1,8	0	0	0	0	30,000	
49	Nguyễn Lương Huy	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	0	1,200	
51	Nguyễn Đức Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	53,000	
52	Kiều Văn Niệm	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,94	0	0	0	0	0	0	0	0	14,100	
53	Trần Công Hải	Trường Xuân	Trường Xuân	3,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	26,400	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
54	Hoàng Văn Huỳnh	Trường Xuân	Trường Xuân	2,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	18,400	
55	Nguyễn Hữu Sáng	Trường Xuân	Trường Xuân	1,96	1	0	0	0	0	0	0	0	0	30,680	
56	Nguyễn Đình Thẳm	Trường Xuân	Trường Xuân	0,5	1,96	0	0	0	0	0	0	0	0	33,400	
57	Lưu Văn Chức	Trường Xuân	Trường Xuân	1,37	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,960	
58	Nguyễn Thị Huế	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,500	
59	Nguyễn Văn Hoan	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
60	Nguyễn Giang Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,500	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
61	Nguyễn Thị Khuyện	Trường Xuân	Trường Xuân	0,9	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	31,200	
62	Dương Văn Thảo	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,44	0	0	0	0	0	0	0	0	21,600	
63	Nguyễn Văn Quyết	Trường Xuân	Trường Xuân	0	3,47	0	0	0	1,2	0	0	0	0	56,850	
64	Nguyễn Văn Hiền	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,11	0	0	0	0	0	0	0	0	16,650	
65	Nguyễn Tuấn Vũ	Trường Xuân	Trường Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
66	Nguyễn Thị Hiền	Trường Xuân	Trường Xuân	3	0	0	0	0	7	0	0	0	0	52,000	
67	Hoàng Công Sương	Trường Xuân	Trường Xuân	0,5	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	10,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
68	Nguyễn Lương Quốc	Trường Xuân	Trường Xuân	1,4	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	33,700	
69	Nguyễn Lương Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,9	0	0	0	0	0	0	0	0	13,500	
70	Nguyễn Văn Khiêm	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,7	0	0	0	0	0	0	0	0	25,500	
71	Nguyễn Văn Đính	Trường Xuân	Trường Xuân	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	24,000	
72	Đặng Xuân Cành	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
73	Hoàng Mai	Trường Xuân	Trường Xuân	1	1,79	0	0	0	0	0	0	0	0	34,850	
74	Lương Hữu Dũng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
75	Lương Ngọc lâm	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
76	Nguyễn Lương Tài	Trường Xuân	Trường Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
77	Nguyễn Văn Thìn	Trường Xuân	Trường Xuân	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
78	Đặng Thuyết	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2,93	0	0	0	0	0	0	0	0	43,950	
79	Nguyễn Trọng Kiên	Trường Xuân	Trường Xuân	0,96	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,680	
80	Nguyễn Tiến Toản	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
81	Nguyễn Lương Quýnh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
82	Nguyễn Trọng Quyết	Trường Xuân	Trường Xuân	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	64,000	
83	Nguyễn Tiến Sỹ	Trường Xuân	Trường Xuân	2,5	0	0	0	0	0	2	0	0	0	35,000	
84	Đặng Đình Diểu	Trường Xuân	Trường Xuân	2,86	0	0	0	0	0	0	0	0	0	22,880	
85	Nguyễn Văn Đài	Trường Xuân	Trường Xuân	0,25	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	24,500	
86	Nguyễn Tiến Đường	Trường Xuân	Trường Xuân	0	3	0	0	0	0	1,54	0	0	0	56,550	
87	Trần Thị Dữ	Trường Xuân	Trường Xuân	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,400	
88	Nguyễn Đình Hồng	Trường Xuân	Trường Xuân	0,69	1,57	0	0	0	0	0	0	0	0	29,070	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
89	Nguyên Văn Lịch	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
90	Kiều Đình Sang	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
91	Trần Công Sử	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
92	Kiều Đình Trọng	Trường Xuân	Trường Xuân	1,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
93	Nguyễn Văn Thiệp	Trường Xuân	Trường Xuân	0	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	52,500	
94	Nguyễn Đình Diếp	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2	0	0	0	0	1,4	0	0	0	40,500	
95	Đặng Đính Chất	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
96	Đặng Đình Tuyến	Trường Xuân	Trường Xuân	2	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	23,500	
97	Nguyễn Trọng Điểm	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	12,000	
98	Nguyễn Quốc Điệp	Trường Xuân	Trường Xuân	0,29	1	0	0	0	0	0	0	0	0	17,320	
99	Nguyễn Văn Sơn	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,71	0	0	0	0	0	0	0	0	25,650	
100	Nguyễn Tiến Đương	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	1,5	0	0	0	0	21,000	
101	Nguyễn Tiến Quân	Trường Xuân	Trường Xuân	2,3	0	0	0	0	0	4	0	0	0	48,400	
102	Nguyễn Mạnh Tưởng	Trường Xuân	Trường Xuân	0,88	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,040	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
103	Nguyễn Đức Phệ	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,73	0	0	0	0	0	0	0	0	10,950	
104	Nguyeễn Tiến Trực	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,39	0	0	0	0	0	0	0	0	20,850	
105	Nguyễn Tiến Nhật	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
106	Nguyễn Xuân Danh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
107	Hoàng Văn Thương	Trường Xuân	Trường Xuân	1	2,57	0	0	0	1,2	0	0	0	0	51,350	
108	Nguyễn Tiến Lực	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,95	0	0	0	0	0	0	0	0	14,250	
109	Đặng Diếp	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2,44	0	0	0	1	0	0	0	0	40,600	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
110	Nguyễn Bá Thọ	Trường Xuân	Trường Xuân	8	0	0	0	0	0	3	0	0	0	86,500	
111	Nguyễn Đức Phô	Trường Xuân	Trường Xuân	3,11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,880	
112	Đặng Xuân Kiệp	Trường Xuân	Trường Xuân	3	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	43,500	
113	Trần Thị Sỵ	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	19,000	
114	Nguyễn Tiến Trương	Trường Xuân	Trường Xuân	0,77	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,160	
115	Nguyễn Đức Hải	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
116	Đặng Hải Phương	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
117	Nguyễn Văn Lệ	Trường Xuân	Trường Xuân	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	31,500	
118	Nguyễn Xuân Quý	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2,08	0	0	0	0	0	0	0	0	31,200	
119	Nguyễn Tiến Tang	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
120	Nguyễn Tuấn Anh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,500	
122	Nguyễn Đình Huấn	Trường Xuân	Trường Xuân	3	7,5	0	0	0	0	0	0	0	0	136,500	
123	Võ Thị Khiềm	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
124	Dương Thị Nỉnh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,75	0	0	0	0	0	0	0	0	26,250	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
125	Nguyễn Tiến Thái	Trường Xuân	Trường Xuân	2,1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,800	
126	Nguyễn Văn Hùng	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
127	Nguyễn Núi Đèo	Trường Xuân	Trường Xuân	4,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	38,400	
128	Nguyễn Bá Duyên	Trường Xuân	Trường Xuân	0,4	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	25,700	
129	Nguyễn Đình Thoán	Trường Xuân	Trường Xuân	1,8	2	0	0	0	0	0	0	0	0	44,400	
130	Nguyễn Lương Tuấn	Trường Xuân	Trường Xuân	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	45,500	
131	Nguyễn Văn Vê	Trường Xuân	Trường Xuân	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
														*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
132	:Nguyễn Thị Thành	Trường Xuân	Trường Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
133	Nguyễn Lương Tâm	Trường Xuân	Trường Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
134	Nguyễn Tiến Hải	Trường Xuân	Trường Xuân	1,49	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,920	
135	Nguyễn Bá Quỳnh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,83	0	0	0	0	0	0	0	0	12,450	
136	Đặng Đình Hiệp	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
137	Quách Văn Trường	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
138	Nguyễn Bá Vương	Trường Xuân	Trường Xuân	0	1,5	0	0	0	1,5	0	0	0	0	28,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
139	Nguyễn Thị Thảo	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	9,000	
140	Nguyễn Văn Ngợi	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,75	0	0	0	1,2	0	0	0	0	16,050	
141	Nguyễn Văn Thiên	Trường Xuân	Trường Xuân	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,600	
142	Trương Thị Ân	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	1,500	
143	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Trường Xuân	Trường Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
144	Trần Văn Phi	Trường Xuân	Trường Xuân	1,28	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	19,240	
145	Nguyễn Xuân Thanh	Trường Xuân	Trường Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
146	Nguyễn Văn Oánh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,77	0	0	0	0	0	0	0	0	11,550	
147	Nguyễn Thị Xuân	Trường Xuân	Trường Xuân	1,6	2,7	0	0	0	0	0	0	0	0	53,300	
148	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trường Xuân	Trường Xuân	3,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	26,400	
149	Nguyễn Tiến Sáng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
150	Nguyễn Tiến Trang	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0,5	0	0	0	1	0	0	0	0	11,500	
151	Nguyễn Viết Phúc	Trường Xuân	Trường Xuân	4	0,07	0	0	0	0	0	0	0	0	33,050	
152	Nguyễn Trọng Phi	Trường Xuân	Trường Xuân	1,6	2,7	0	0	0	0	0	0	0	0	53,300	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
153	Nguyễn Tiến Hài	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	2,24	0	0	0	0	8,960	
154	Nguyễn Lương Vinh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	
155	Nguyễn Đức Hiệp	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	8,000	
156	Nguyễn Tiến Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,34	0	0	0	0	1,360	
157	Nguyễn Đức Đoài	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	15,500	
158	Nguyễn Văn Giáp	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	6	7	0	0	0	76,500	
159	Nguyễn Thị Nịnh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
160	Đặng Tiến Dũng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	3,750	
161	Nguyễn Tiến Tân	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	1,79	0	0	0	0	7,160	
162	Đặng Quốc Dễ	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,72	0	0	0	0	2,880	
163	Trần Công Chương	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	1,48	0	0	0	0	5,920	
164	Nguyễn Tiến Nghiệm	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,8	2,4	0	0	0	21,200	
165	Nguyễn Văn Trường	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	1,15	0	0	0	8,625	
166	Nguyễn Tiến Bình	Trường Xuân	Trường Xuân	0	2	0	0	0		0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích (ha)	Diện tích vườn giống, rừng giống (ha)	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi (ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
														*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
167	Nguyễn Thị Loan	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	2,5	0	0	0	0	10,000	
168	Nguyễn Bá Quỳnh	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,99	0	0	0	0	3,960	
169	Võ Thị Tâm	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	11,250	
170	Nguyễn Văn Đáng	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	3	2	0	0	0	27,000	
171	Nguyễn Tiến Dợi	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	0,7	0	0	0	5,250	
172	Phan Văn Sâm	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	30,000	
173	Trần Thị Trang.	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	3	0,6	0	0	0	16,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
174	Nguyễn Tiến Viễn	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,27	0	0	0	0	1,080	
175	Nguyễn Đức Thái	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	1,67	0	0	0	0	6,680	
176	Nguyễn Đình Dương	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
177	Nguyễn Tiến Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	0	0	0	0	0	0,3	0	0	0	0	1,200	
			Trường Xuân Total	137,68	154,41	0	0	0	66,13	45,01	0	0	0	4.019,685	
1	Nguyễn Văn Vĩnh	Trung Xuân	Minh Xuân	1,5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	42,000	
2	Nguyễn Trọng Hợp	Trung Xuân	Minh Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
3	Nguyễn Văn Điền	Trung Xuân	Minh Xuân	4,5	2,7761	0	0	0	0	0	0	0	0	77,642	
4	Đặng Đình Lương	Trung Xuân	Minh Xuân	1,5	0,7562	0	0	0	0	0	0	0	0	23,343	
5	Nguyễn Trọng Mạnh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,7936	0	0	0	0	0	0	0	0	26,904	
6	Trần Văn Dương	Trung Xuân	Minh Xuân	1,5	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	39,000	
7	Trần Đình Toàn	Trung Xuân	Minh Xuân	7	1,1106	0	0	0	0	0	0	0	0	72,659	
8	Trần Minh	Trung Xuân	Minh Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
9	Trần Đình Văn	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
10	Nguyễn Trọng Dũng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
11	Võ Công Nghị	Trung Xuân	Minh Xuân	0,5	1,3	0	0	0	0	0	0	0	0	23,500	
12	Phan Văn Minh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	7,500	
13	Nguyễn Thị Miên	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	
14	Lê Ngọc Trang	Trung Xuân	Minh Xuân	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,800	
15	Võ Thị Thanh	Trung Xuân	Minh Xuân	0,7	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	11,600	
16	Võ Thị Tý	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
17	Nguyễn Trọng Tâm	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
18	Trần Đình Đương	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
19	Trần Đình Chương	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	34,000	
20	Nguyễn Văn Điển	Trung Xuân	Minh Xuân	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	23,000	
22	Lê Văn Lực	Trung Xuân	Minh Xuân	1,8117	0	0	0	0	0	0	0	0	0	14,494	
23	Nguyễn Văn Phú	Trung Xuân	Minh Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
24	Đặng Thị Thú	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	21,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
25	Đặng Văn Vỳ	Trung Xuân	Minh Xuân	0,1667	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,334	
26	Lê Văn Quỳnh	Trung Xuân	Minh Xuân	1,8735	0	0	0	0	0	0,6739	0	0	0	20,042	
27	Hoàng Thị Diên	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
28	Nguyễn Văn Thoải	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,22	0	0	0	0	0	0	0	0	18,300	
29	Lê Văn Huỳnh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,1	0	0	0	0,4	0	0	0	0	18,100	
31	Nguyễn Thị Hoa	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
32	Nguyễn Thị Chiên	Trung Xuân	Minh Xuân	0,5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	19,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
33	Nguyễn Văn Dợi	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
34	Nguyễn Viết Hồng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2,76379	0	0	0	0	3	0	0	0	63,957	
35	Phạm Thị Minh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	6,000	
36	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trung Xuân	Minh Xuân	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	75,000	
38	Nguyễn Văn Phúc	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
39	Nguyễn Văn Thoản	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
40	Nguyễn Đình Thể	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
41	Nguyên Tiến Phúc	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
42	Nguyễn Văn Thọ	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
43	Nguyễn Công Trình	Trung Xuân	Minh Xuân	0	4,9181	0	0	0	0	0	0	0	0	73,772	
44	Hoàng Bá Dủng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	1,5	0	0	0	0	51,000	
45	Nguyễn Hoàng Đại	Trung Xuân	Minh Xuân	1,5	1,5576	0	0	0	0	0	0	0	0	35,364	
46	Nguyễn Thị Thụy	Trung Xuân	Minh Xuân	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,600	
47	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung Xuân	Minh Xuân	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	38,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
48	Võ Công Phúc	Trung Xuân	Minh Xuân	2,4	3	0	0	0	0	0	0	0	0	64,200	
49	Nguyễn Thị Xuân Tính	Trung Xuân	Minh Xuân	1,5	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	64,500	
50	Nguyễn Văn Hà	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
51	Trần Đình Mậu	Trung Xuân	Minh Xuân	2	1,9911	0	0	0	0	0	0	0	0	45,867	
52	Nguyễn Văn Hợi	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
53	Đặng Thị Thú	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
54	Nguyễn Thị Tế	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,058	0	0	0	0	0	0	0	0	15,870	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
55	Chu Văn Tuấn	Trung Xuân	Minh Xuân	0,74	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	32,920	
56	Chu Văn Đề	Trung Xuân	Minh Xuân	0,3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	24,900	
57	Đặng Đình Tài	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	9,000	
58	Nguyễn Tiến Đức	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,6	0	0	0	0	0	0	0	0	9,000	
59	Đặng Hải Duyên	Trung Xuân	Minh Xuân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16,000	
60	Nguyễn Thị Nhân	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
62	Trần Thị Quảng	Trung Xuân	Minh Xuân	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,600	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
63	Đặng Hải Trang	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	0	1,8	0	0	0	13,500	
64	Nguyễn Văn Ngọ	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,766	0	0	0	0	0	0	0	0	26,490	
65	Lê Văn Tường	Trung Xuân	Minh Xuân	2,6	2	0	0	0	0	0	0	0	0	50,800	
66	Trần Thị Long	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
68	Nguyễn Thế Hưởng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
71	Nguyễn Quốc Hợi	Trung Xuân	Minh Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
72	Lê Văn Quyền	Trung Xuân	Minh Xuân	0,5	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	11,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
73	Nguyễn Văn Tiến	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	18,000	
74	Nguyễn Tiến Lập	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
75	Nguyễn Văn Niến	Trung Xuân	Minh Xuân	0,7833	1,6167	0	0	0	0	0	0	0	0	30,517	
76	Nguyễn Tiến Tùng	Trung Xuân	Minh Xuân	0,3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,400	
77	Nguyễn Anh Thái	Trung Xuân	Minh Xuân	0,2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	16,600	
78	Nguyễn Bá Tiến	Trung Xuân	Minh Xuân	0,5	0	0	0	0	0	4	0	0	0	34,000	
79	Đặng Văn Chương	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
80	Nguyễn Văn Hoàng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
81	Nguyễn Trọng Huy	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2,2	0	0	0	0	0	0	0	0	33,000	
82	Nguyễn Đình Thới	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
83	Trần Thị Vỹ	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
84	Lê Thị Miển	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
85	Nguyễn Bá Hường	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
86	Nguyễn Thế Anh	Trung Xuân	Minh Xuân	0,7	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	28,100	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
87	Lê Nhọc Thắng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
88	Nguyễn Viết Cường	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	
89	Nguyễn Văn Oai	Trung Xuân	Minh Xuân	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,400	
90	Nguyễn Văn Đào	Trung Xuân	Minh Xuân	1,5	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	13,500	
91	Lê Văn Tiến	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
92	Võ Thị Niễn	Trung Xuân	Minh Xuân	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
93	Nguyễn Văn Kiên	Trung Xuân	Minh Xuân	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	90,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
94	Nguyễn Văn Chuyên	Trung Xuân	Minh Xuân	0,1	1,1	0	0	0	0	0	0	0	0	17,300	
95	Nguyễn Thị Thanh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	19,000	
96	Nguyễn Viết Anh	Trung Xuân	Minh Xuân	2	3,6	0	0	0	0	0	0	0	0	70,000	
97	Nguyễn Tiến Vinh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	90,000	
98	Nguyễn Đình Thịnh	Trung Xuân	Minh Xuân	0,8	1	0	0	0	0	0	0	0	0	21,400	
99	Nguyễn Đình Hải	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2,7	0	0	0	0	0	0	0	0	40,500	
100	Đặng Quốc Lượng	Trung Xuân	Minh Xuân	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
101	Nguyễn Thị Hòa	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
102	Đặng Đình Vượng	Trung Xuân	Minh Xuân	0,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	
103	Nguyễn Viết Hải	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1,2	0	0	0	0	0	0	0	0	18,000	
104	Nguyễn Văn Hưng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
105	Nguyễn Tiến Trường	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,15	0	0	0	0,2	0	0	0	0	3,050	
106	Nguyễn Văn Sương	Trung Xuân	Minh Xuân	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
107	Võ Công Hương	Trung Xuân	Minh Xuân	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
108	Nguyễn Trường Chinh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	1,5	0	0	0	0	21,000	
109	Lê Văn Quyền	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
110	Nguyễn Tiến Phương	Trung Xuân	Minh Xuân	0,2	0	0	0	0	0,15	0	0	0	0	2,200	
111	Đặng Đình Liu (Lưu)	Trung Xuân	Minh Xuân	3,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	28,000	
112	Nguyễn Văn Huân	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
113	Nguyễn Phương Nam	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
114	Nguyễn Văn Dương	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
115	Nguyễn Tiến Dũng	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
116	Nguyễn Trọng Chiến	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
117	Nguyễn Thị Mai	Trung Xuân	Minh Xuân	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	15,000	
118	Lê Văn Bé	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
119	Đặng Đình Bắc	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	0	1,8	0	0	0	13,500	
120	Trần Văn Toan	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
121	Lê Thị Minh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	0	0,8	0	0	0	6,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
122	Nguyễn Văn Hiền	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	12,000	
124	Lê Thị Anh	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	0,38017	1,6198	0	0	0	13,669	
125	Đặng Đình Vận	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	2,5	0	0	0	0	10,000	
126	Kiều Thị Minh Hiệp	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0	0	0	0	0	1,1	0	0	0	8,250	
127	Đặng Quốc Tùng	Trung Xuân	Minh Xuân	0,5	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	26,500	
128	Nguyễn Bá Hường	Trung Xuân	Minh Xuân	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
129	Trần Đình Diện	Trung Xuân	Minh Xuân	0	0,48	0	0	0	0	0	0	0	0	7,200	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
			Minh Xuân Total	59,9752	163,558	0	0	0	13,63017	17,794	0	0	0	3.121,142	
3	Lương Văn Tam	Văn Lạc	Văn Lạc	0	1,31	0	0	0	0	0	0	0	0	19,650	
4	Nguyễn Thị Vinh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,36	0	0	0	0	0	0	0	0	5,400	
5	Dương Văn Dục	Văn Lạc	Văn Lạc	0,39	0	0	0	0		0	0	0	0	3,120	
7	Hoàng Văn Được	Văn Lạc	Văn Lạc	0,23	1,48	0	0	0	0	0	0	0	0	24,040	
8	Đặng Văn Tạo	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,5	0	0	0	0	2,000	
9	Lê Văn Dinh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,76	0	0	0	0	3,040	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
14	Dương Thị Hà	Văn Lạc	Văn Lạc	1,097	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,776	
15	Hoàng Hậu	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,1	0	0	0	0	0	0	0	0	1,500	
16	Nguyễn Văn Hùng	Văn Lạc	Văn Lạc	0,21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,680	
23	Phan Văn Xìn	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,18	0	0	0	0	0	0	0	0	2,700	
27	Lê Văn Bình	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,2	0	0	0	0	0,800	
29	Đặng Đình Long	Văn Lạc	Văn Lạc	1,13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,040	
30	Đinh Văn Lãnh	Văn Sơn	Văn Lạc	1,95	2	0	0	0	0	0	0	0	0	45,600	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
34	Nguyễn Văn Mến	Văn Lạc	Văn Lạc	0	2,24	0	0	0	0	0	0	0	0	33,600	
36	Dương Văn Chiểu	Văn Lạc	Văn Lạc	0	1,4	0	0	0	0	0,15	0	0	0	22,125	
38	Nguyễn Đình Lương	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0	0,25	0	0	0	1,875	
39	Dương Văn Ngụ	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	7,500	
40	Nguyễn Mậu Phúc	Văn Lạc	Văn Lạc	1,18	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9,440	
41	Dương Đình Tiến	Văn Lạc	Văn Lạc	0	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	24,000	
42	Lê Quốc Hương	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,61	0	0	0	0	2,440	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
44	Nguyễn Thị Điệp	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,96	0	0	0	0	3,840	
47	Lê văn Bốn	Văn Lạc	Văn Lạc	0,86	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,880	
51	Nguyễn Mậu Hào	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,84	0	0	0	0	3,360	
52	Nguyễn Văn Tình	Văn Lạc	Văn Lạc	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,000	
53	Lê Thị Công	Văn Lạc	Văn Lạc	4,56	0	0	0	0	0	0	0	0	0	36,480	
55	Nguyễn Văn Hiệu	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,82	0	0	0	0	3,280	
57	Nguyễn Mậu Hồng	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,8	0	0	0	1,5	0	0	0	0	18,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
58	Phan Thị Khuê	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,1369	0	0	0	0	0	0	0	0	2,054	
65	Hà Văn Anh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	1,0817	0	0	0	0	0	0	0	0	16,226	
66	Dương Tấn Tài	Văn Lạc	Văn Lạc	1,0288	0,9	0	0	0	0	0	0	0	0	21,730	
67	Dương Tuỳn	Văn Lạc	Văn Lạc	0	2,213	0	0	0	0	0	0	0	0	33,195	
68	Hà Văn Cử	Văn Lạc	Văn Lạc	1,5125	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,100	
69	Lê Văn Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,7	0	0	0	0	0	0	0	0	10,500	
70	Nguyễn Đức Hạnh	Văn Lạc	Văn Lạc	0,913	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,304	

*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
72	Lê Văn Mong	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	1,5	0	0	0	0	6,000	
73	Nguyễn Mậu Gia	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,7	0	0	0	0	2,800	
75	Nguyễn Tiến Din	Văn Lạc	Văn Lạc	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
79	Nguyễn Tiến Đạt	Văn Lạc	Văn Lạc	0	2	0	0	0	1,2	0	0	0	0	34,800	
81	Nguyễn Mậu Sau	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4,000	
85	Trần Xuân Út	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,075	0	0	0	0	0	0	0	0	1,125	
86	Dương Xuân Cảnh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,408	0	0	0	0	0	0	0	0	6,120	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
89	Trần Xuân Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	0,15	0	0		0	0	0	0	0	0	1,200	
92	Dương Văn Thực	Đồng Văn	Văn Lạc	2,5	0	0	0	0	0,37	0	0	0	0	21,480	
93	Dương Văn Nhân	Đồng Văn	Văn Lạc	0	0,56	0	0	0	1,47	0	0	0	0	14,280	
94	Tưởng Thị Thuật	Đồng Văn	Văn Lạc	0,95	4,2	0	0	0	0	0	0	0	0	70,600	
97	Phan Thanh Hải	Đồng Văn	Văn Lạc	0	1,343	0	0	0	0	0	0	0	0	20,145	
100	Nguyễn Mậu Trí	Đồng Văn	Văn Lạc	0	0	0	0	0	1,5286	0	0	0	0	6,114	
102	Dương Quốc Huy	Văn Lạc	Văn Lạc	1,324	1,4193	0	0	0	0	0	0	0	0	31,882	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
103	Nguyễn Trung Thành	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,7295	0	0	0	0	0	0	0	0	10,943	
104	Lương Văn Trường	Đồng Văn	Văn Lạc	1,8681	1,8681	0	0	0	0	0	0	0	0	42,966	
108	Dương Văn Thành	Đồng Văn	Văn Lạc	2,9327	3,1778	0	0	0	0	0	0	0	0	71,129	
113	Dương Văn Nam	Văn Lạc	Văn Lạc	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
114	Nguyễn Tiến Diễn	Văn Lạc	Văn Lạc	1,4	0,24	0	0	0	0	0	0	0	0	14,800	
115	Đinh Văn Kỳ	Văn Lạc	Văn Lạc	3,67	0	0	0	0	0	0	0	0	0	29,360	
116	Dương Văn Ba	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,12	0	0	0	0	0	0	0	0	1,800	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
117	Lê Văn Tám (Lê Quý Tạo; Lê Văn Tạo)	Văn Lạc	Văn Lạc	0	1,57	0	0	0	0	0	0	0	0	23,550	
118	Nguyễn Văn Hồi	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,35	0	0	0	0	0	0	0	0	5,250	
120	Nguyễn Văn Xuân	Văn Lạc	Văn Lạc	0,9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,200	
122	Nguyễn Tiến Hải	Văn Lạc	Văn Lạc	3,28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	26,240	
123	Dương Văn Bắc	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,97	0	0	0	0	0	0	0	0	14,550	
124	Dương Văn Ý	Văn Lạc	Văn Lạc	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	30,000	
126	Nguyễn Tiến Duyên	Văn Lạc	Văn Lạc	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
127	Lương Tiến Phúc	Văn Lạc	Văn Lạc	0,82	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,560	
128	Nguyễn Phú Nam	Văn Lạc	Văn Lạc	0,5	0	0	0	0	1	0	0	0	0	8,000	
129	Dương Văn Đông	Văn Lạc	Văn Lạc	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40,000	
131	Bùi Thị Vân	Văn Lạc	Văn Lạc	3,32	0	0	0	0	0	0	0	0	0	26,560	
132	Hoàng Anh Bắc	Văn Lạc	Văn Lạc	4,29	0	0	0	0	0	0	0	0	0	34,320	
134	Dương Văn Bổng	Văn Lạc	Văn Lạc	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,000	
135	Nguyễn Văn Lộc	Văn Lạc	Văn Lạc	1,12	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,960	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

TT	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
136	Nguyễn Văn Sau	Văn Lạc	Văn Lạc	0,21	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,680	
137	Nguyễn Xuân Đức	Văn Lạc	Văn Lạc	1,64	0	0	0	0	0	0	0	0	0	13,120	
138	Nguyễn Hồng Nhật	Văn Lạc	Văn Lạc	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	45,000	
139	Lương Văn Việt	Văn Lạc	Văn Lạc	0,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,200	
140	Nguyễn Mậu Lục	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0,15	0	0	0	0	0	0	0	0	2,250	
141	Nguyễn Văn Tuyến	Đồng Văn	Văn Lạc	0	1,8	0	0	0	0	0	0	0	0	27,000	
144	Trần Xuân Lành	Đồng Văn	Văn Lạc	0	2,5	0	0	0	0	0	0	0	0	37,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
145	Trần Xuân Hùng	Đồng Văn	Văn Lạc	0	2,42	0	0	0	0	0	0	0	0	36,300	
147	Nguyễn Văn Luyến	Đồng Văn	Văn Lạc	0	0,72	0	0	0	0	0	0	0	0	10,800	
148	Hà Văn Cư	Đồng Văn	Văn Lạc	1,6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,800	
150	Đặng Đình Lệ	Đồng Văn	Văn Lạc	0	1,0276	0	0	0	0	0	0	0	0	15,414	
151	Dương Văn Ngân	Đồng Văn	Văn Lạc	2,5197	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20,158	
152	Đặng Thị Thu Hiền	Đồng Văn	Văn Lạc	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,000	
153	Nguyễn Xuân Quỳnh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0	1,66	0	0	0	12,450	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
155	Nguyễn Văn Hoạch	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,15	0	0	0	0	0,600	
156	Lê Văn Kỳ	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0	0	0	0,898	0	0	0	0	3,592	
			Văn Lạc Total	60,2058	51,1499	0	0	0	16,0066	3,06	0	0	0	1.335,871	
21	Hà Văn Lâm	Đồng Văn	Đại Đồng	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,200	
23	Nguyễn Văn Nam	Đồng Văn	Đại Đồng	1,42	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,360	
57	Dương Xuân Cứ	Đồng Văn	Đại Đồng	0,05	0	0	0	0	0,1	0	0	0	0	0,800	
61	Nguyễn Tiến Anh	Đồng Văn	Đại Đồng	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,200	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
92	Dương Xuân Thủy	Đồng Văn	Đại Đồng	1,47	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,760	
114	Dương Văn Định	Đồng Văn	Đại Đồng	0,05	0,05	0	0	0	0	0	0	0	0	1,150	
115	Nguyễn Tiến Kỳ	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,471	0	0	0	0	0	0	0	0	22,065	
118	Dương Văn Hiệu	Đồng Văn	Đại Đồng	1,389	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,112	
136	Dương Văn Nguyền	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,4622	0	0	0	0	0	0	0	0	21,933	
138	Nguyễn Tiến Hùng	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	
142	Ngô Văn Thành	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	22,500	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
143	Dương Văn Thân	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	21,000	
150	Dương Xuân Hòa	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,2225	0	0	0	0	0	0	0	0	18,338	
152	Dương Xuân Bắc	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,367	0	0	0	0	0	0	0	0	20,505	
158	Dương Văn Huy	Đồng Văn	Đại Đồng	0	1,436	0	0	0	0	0	0	0	0	21,540	
159	Nguyễn Tiến Dũng	Đồng Văn	Đại Đồng	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,200	
161	Dương Trung Triều	Đồng Văn	Đại Đồng	1,363	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,904	
			Đại Đồng Total	9,942	11,4087	0	0	0	0,1	0	0	0	0	251,067	

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Thiệt hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Thiệt hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiệt hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)						
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây			
							Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		
				(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	*21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ*	
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
			Grand Total	**1318,28475**	**3098,11**	**0**	**0,18**	**0**	**645,09277**	**507,22**	**0**	**0**	**0**	**63.409,617**	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Số liệu thiệt hại thủy sản *(Sau phúc tra)*			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Nuôi trồng thuỷ sản bán thâm canh, thâm canh trong ao *(đầm/hầm) Ha diện tích nuôi bị thiệt hại)*	**Nuôi trồng thuỷ sản trong bể, lồng, bè** *(100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại)*	**Nuôi trồng thuỷ sản theo hình thức khác (Ha diện tích nuôi bị thiệt hại)**		
1	2	3	4	11	12	13	14	15
			Liên Sơn Total	0	0	0,341	5,118	
120	Nguyễn Thị Hào	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	0	0,030	0,450	
			Nam Mỹ Lợi Total	0	0	0,030	0,450	
32	Nguyễn Văn Chí	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0,050	0,750	
55	Phan Văn Công	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	0	0,030	0,450	
			Bắc Sơn Total	0	0	0,080	1,200	
67	Nguyễn Văn Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	0	0	0,100	1,500	
			Nam Sơn Total	0	0	0,100	1,500	
36	Nguyễn Văn Lài	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0,150	2,250	
68	Nguyễn Văn Ngọ	Tây Xuân	Tây Xuân	0	0	0,010	0,150	
			Tây Xuân Total	0	0	0,160	2,400	

18	Nguyễn Văn Siềm	Hông Xuân	Hồng Xuân	0	0	0,100	1,500	
23	Nguyễn Văn Trường	Hông Xuân	Hồng Xuân	0	0	0,150	2,250	
43	Trần Tân Hợi	Hông Xuân	Hồng Xuân	0	0	0,035	0,525	
			Hồng Xuân Total	0	0	0,285	4,275	
140	Võ Hoài Nam	Văn Mỹ	Hoà Hợp		0	0,150	2,250	
			Hoà Hợp Total	0	0	0,150	2,250	
63	Đặng Thị Thúy	Tây Xuân	Bắc Xuân		0	0,100	1,500	
68	Ngô Văn Vinh	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	0	0,100	1,500	
			Bắc Xuân Total	0	0	0,200	3,000	
12	Trương Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,200	3,000	
17	Hoàng Trọng Lưu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,100	1,500	
53	Đặng Văn Hiếu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,040	0,600	
64	Bùi Đình Hợi	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,500	7,500	
67	Đinh Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,150	2,250	
72	Hồ Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,100	1,500	
78	Hoàng Văn Nỷ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,100	1,500	
92	Hoàng Trọng Quỳnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	0	0,100	1,500	
			Đất Đỏ Total	0	0	1,290	19,350	
18	Trần Xuân Cảnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0,087	1,311	
111	Nguyễn Xuân Linh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	0	0,445	6,671	
			Mỹ Liên Total	0	0	0,532	7,982	
26	Đinh Văn Trinh	Văn Sơn	Văn Lạc	0	0	1,000	15,000	
158	Nguyễn Quang Khởi	Văn Lạc	Văn Lạc	0	0	0,050	0,750	
159	Lương Lực	Đồng Văn	Văn Lạc	0	0	0,480	7,200	
			Văn Lạc Total	0	0	1,530	22,950	

143	Dương Văn Thân	Đồng Văn	Đại Đồng	0	0	0,050	0,750	
149	Nguyễn Trung Kiên	Đồng Văn	Đại Đồng	0	0	0,250	3,750	
156	Dương Văn Gia	Đồng Văn	Đại Đồng	0	0	0,100	1,500	
			Đại Đồng Total	**0**	0	0,400	6,000	
			Grand Total	**0**	**0**	**5,098**	**76,475**	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
7	Đặng Văn Bản	Văn Lạc	Liên Sơn	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,570	
25	Nguyễn Mậu Lành	Văn Lạc	Liên Sơn	0	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,330	
30	Nguyễn Mậu Cương	Văn Lạc	Liên Sơn	0	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,660	
32	Hoàng Thị Nhàn	Văn Sơn	Liên Sơn	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
46	Nguyễn Mậu Niềm	Văn Lạc	Liên Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	4,000	
75	Nguyễn Thị Lan	Văn Sơn	Liên Sơn	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
76	Nguyễn Văn Bé	Văn Lạc	Liên Sơn	0	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,608	
89	Nguyễn Mậu Ngọ	Văn Lạc	Liên Sơn	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
93	Đặng Thị Lan	Văn Sơn	Liên Sơn	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,570	
103	Đặng Thị Biền	Văn Lạc	Liên Sơn	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,570	
124	Hồ Đức Hiển	Văn Sơn	Liên Sơn	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,520	
157	Lê Văn Lan	Văn Sơn	Liên Sơn	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,154	
			Liên Sơn Total	27	246	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	13,942	
104	Lê Xuân Tứ	Văn Thanh	Thanh Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2,000	
			Thanh Sơn Total	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2,000	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
2	Nguyễn Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	0	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,040	
26	Phạm Lành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,550	
68	Lê Văn Phúc	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,330	
79	Ngô Thị Lịnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	22	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,484	
105	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,550	
			Nam Mỹ Lợi Total	87	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,954	
5	Lê Minh Huệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	50	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,240	
12	Nguyễn Tiến Nghệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,176	
13	Nguyễn Thị Bính	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,520	
15	Nguyễn Thị Loan	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
19	Nguyễn Văn Hiệp	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
21	Nguyễn Văn Loanh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	18	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,684	
28	Trương Văn Bình	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,950	
30	Nguyễn Tiến Huề	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,520	
32	Nguyễn Văn Chí	Đất Đỏ	Bắc Sơn	20	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,010	
51	Nguyễn Thị Huế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	0	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,342	
52	Hoàng Thị Nga	Đất Đỏ	Bắc Sơn	20	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,580	
			Bắc Sơn Total	98	277	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12,682	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
18	Trần Văn Văn	Văn Thanh	Sa Xá	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
20	Lê Văn Cúc	Văn Thanh	Sa Xá	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
27	Nguyễn Thị Tuyết	Văn Thanh	Sa Xá	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,076	
32	Hà Huy Ngân	Văn Thanh	Sa Xá	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,154	
33	Trần Luân Lưu	Văn Thanh	Sa Xá	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,190	
37	Nguyễn Văn Hoa	Văn Thanh	Sa Xá	10	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,448	
44	Nguyễn Văn Tiết	Văn Thanh	Sa Xá	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
47	Nguyễn Thị Thuấn	Văn Thanh	Sa Xá	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,110	
58	Bùi Thị Huê	Văn Thanh	Sa Xá	0	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,064	
63	Nguyễn Thị Tâm	Văn Thanh	Sa Xá	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
70	Nguyễn Văn Thái	Văn Thanh	Sa Xá	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
73	Hoàng Thị Oanh	Văn Thanh	Sa Xá	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,304	
87	Lê Xuân Quý	Văn Thanh	Sa Xá	21	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,880	
			Sa Xá Total	63	170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,846	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	Võ Văn Nhi	Nam Xuân	Nam Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
8	Ông Văn Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
15	Trần Văn Hùng	Nam Xuân	Nam Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
22	Hồ Văn Nhương	Nam Xuân	Nam Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
32	Hồ Xuân Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	37	45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,524	
35	Đặng Đình Phụ	Nam Xuân	Nam Xuân	20	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,010	
41	Nguyễn Thị Tuyết	Nam Xuân	Nam Xuân	37	45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,524	
54	Kiều Nhật Toản	Nam Xuân	Nam Xuân	26	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,472	
55	Võ Văn Minh	Nam Xuân	Nam Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
112	Ngô Xuân Lý	Nam Xuân	Nam Xuân	30	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,990	
124	Nguyễn Văn Mai	Nam Xuân	Nam Xuân	0	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,040	
161	Nguyễn Thị Ly	Nam Xuân	Nam Xuân	30	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,420	
163	Kiều Thị Duyên	Nam Xuân	Nam Xuân	30	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,420	
168	Trần Văn Mạnh	Nam Xuân	Nam Xuân	60	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,220	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
170	Nguyễn Quốc Phối	Nam Xuân	Nam Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
171	Lê Thị Lệ	Nam Xuân	Nam Xuân	30	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,420	
215	Nguyễn Văn Bình	Nam Xuân	Nam Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
216	Trần Đăng Tương	Nam Xuân	Nam Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
			Nam Xuân Total	300	550	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	27,500	
15	Hà Văn Thi	Tây Xuân	Tây Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
19	Nguyễn Văn Đồng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
20	Ông Hiền Lương	Hồng Xuân	Tây Xuân	34	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,748	
60	Lê Hồng Lữu	Tây Xuân	Tây Xuân	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,220	
67	Hồ Văn Đồng	Tây Xuân	Tây Xuân	30	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,420	
82	Nguyễn Thị Chiến	Tây Xuân	Tây Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
83	Nguyễn Văn Phùng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
113	Võ Văn Khàng	Tây Xuân	Tây Xuân	0	75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,850	
168	Nguyễn Văn Trực	Tây Xuân	Tây Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
178	Nguyễn Thị Lĩnh	Tây Xuân	Tây Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
180	Võ Văn Thược	Tây Xuân	Tây Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
		Tây Xuân Tota		74	265	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,698	
5	Cao Xuân Năm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,950	
12	Nguyễn Xuân Trịnh	Hồng Xuân	Hồng Xuân	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,770	
13	Nguyễn Ngọc Khang	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
39	Nguyễn Tiến Ý	Hồng Xuân	Hồng Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
43	Trần Tân Hợi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	50	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,900	
71	Đặng Văn Thiên	Hồng Xuân	Hồng Xuân	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,330	
105	Nguyễn Ngọc Tường	Hồng Xuân	Hồng Xuân	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,330	
			Hồng Xuân Total	115	205	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,320	
1	Nguyễn Viết Nam	Trung Xuân	Trung Xuân	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,420	
10	Nguyễn Đình Lân	Trung Xuân	Trung Xuân	50	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,620	
11	Lê Văn Hoa	Trung Xuân	Trung Xuân	20	75	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,290	
12	Bạch Thị Hương	Trung Xuân	Trung Xuân	0	52	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,976	
14	Hồ Công Chúng	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
18	Lê Văn Cửu	Trung Xuân	Trung Xuân	50	55	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,190	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
21	Nguyễn Đình Din	Trung Xuân	Trung Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
22	Lê Văn Tình	Trung Xuân	Trung Xuân	60	60	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,600	
25	Nguyễn Văn Thái	Trung Xuân	Trung Xuân	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,420	
30	Nguyễn Thị Trung	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
33	Lương Văn Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
38	Nguyễn Hồng Đại	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
42	Nguyễn Văn Quyền	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
53	Phan Công Châu	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
56	lê Văn Hòa	Trung Xuân	Trung Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
57	Lê Văn Nghiên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,040	
65	Nguyễn Ngọc Tân	Trung Xuân	Trung Xuân	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,520	
66	Nguyễn Trường Thư	Trung Xuân	Trung Xuân	0	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,064	
70	Phan văn Nghi	Trung Xuân	Trung Xuân	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,520	
71	Trần Viết Toàn	Trung Xuân	Trung Xuân	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,570	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
73	Lê Văn Nguyệt	Trung Xuân	Trung Xuân	30	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,610	
74	Phạm Văn Tiệp	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
77	Nguyễn Quang Minh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
78	Nguyễn Thị Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	0	55	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,090	
85	Nguyễn Trung Thành	Trung Xuân	Trung Xuân	50	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,620	
95	Nguyễn Thị Tứ	Trung Xuân	Trung Xuân	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,800	
99	Nguyễn Văn Tài	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
101	Lương Sỹ Phương	Trung Xuân	Trung Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
105	Phan Văn Biên	Trung Xuân	Trung Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
107	Nguyễn Đức Hà	Trung Xuân	Trung Xuân	50	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,860	
108	Nguyễn Bá Giáp	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,000	
113	Nguyễn Đình Thiên	Trung Xuân	Trung Xuân	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
115	Phan Thị Miễn	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
122	Hồ Thị Hương	Trường Xuân	Trung Xuân	50	60	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,380	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
129	Lương Sỹ Bặt	Trung Xuân	Trung Xuân	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
133	Nguyễn Viết Tuân	Trung Xuân	Trung Xuân	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
143	Nguyễn Thị Kỳ	Trung Xuân	Trung Xuân	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,660	
148	Nguyễn Tiến Mỹ	Trung Xuân	Trung Xuân	80	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,280	
149	Trần Thị Khoát	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
161	Nguyễn Thị Lan	Trung Xuân	Trung Xuân	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,220	
162	Nguyễn Đình Luyện	Trung Xuân	Trung Xuân	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
165	Lương Sỹ bạnh	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
167	Phan Văn Cường	Trung Xuân	Trung Xuân	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
			Trung Xuân Total	520	1505	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	68,870	
19	Nguyễn Văn Linh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	19,000	
23	Phạm Thị Dương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	230	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8,740	
26	Nguyễn Thị Toàn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	23	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,506	
28	Nguyễn Thị Mùi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
108	Chu Văn Thường	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
123	Nguyễn Văn Thanh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
			Hoà Hợp Total	23	790	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30,526	
4	Phan Thị Hiệu	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
5	Nguyễn Anh Sáng	Tây Xuân	Bắc Xuân	60	35	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,650	
40	Trần Văn Vịnh	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
50	Nguyễn Anh Tuất	Tây Xuân	Bắc Xuân	78	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,236	
52	Lê Xuân Thủy	Tây Xuân	Bắc Xuân	50	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	
53	Võ Văn Hợi	Tây Xuân	Bắc Xuân	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,600	
58	Trần Khắc Chương	Tây Xuân	Bắc Xuân	50	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,620	
63	Đặng Thị Thúy	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,800	
65	Phạm Văn Tỉu	Tây Xuân	Bắc Xuân	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,660	
66	Ngô Thị Nga	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
67	Trần Văn Chương	Tây Xuân	Bắc Xuân	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,660	
68	Ngô Văn Vinh	Tây Xuân	Bắc Xuân	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
			Bắc Xuân Total	308	475	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24,826	
15	Nguyễn Xuân Luyn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
64	Bùi Đình Hợi	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
67	Đinh Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
83	Nguyễn Thái Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
104	Trương Công Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
			Đất Đỏ Total	0	170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,460	
22	: Nguyễn Văn Tiến	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
23	Nguyễn Văn Sy	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,660	
25	Võ Đình Cẩn	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
27	Hoàng Xuân Canh	Đất Đỏ	Trung Sơn	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,100	
28	Nguyễn Văn Tài	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	35	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4,330	
29	Trần Văn Ba	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,140	
30	Nguyễn Thế Tuyến	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,900	
31	Bùi Văn Thảo	Đất Đỏ	Trung Sơn	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
			Trung Sơn Total	50	245	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	13,410	
18	Trần Xuân Cảnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	44	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,672	
27	Lê Hồng Cẩn	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
28	Nguyễn Văn Thuận	Văn Sơn	Mỹ Liên	21	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,880	
32	Ngô Quang Minh	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
36	Nguyễn Tiến Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
37	Đặng Thị Liên	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
38	Nguyễn Văn Khánh	Văn Sơn	Mỹ Liên	10	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,486	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
41	Phan Thị Hà	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
53	Lê An Vỹ	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,570	
69	Trần Hồng Quảng	Văn Sơn	Mỹ Liên	28	42	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,212	
80	Ngô Văn Tá	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
84	Võ Thị Thủy	Văn Sơn	Mỹ Liên	30	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,040	
91	Trương Hùng	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	65	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,470	
107	Trương Hồng Tú	Văn Sơn	Mỹ Liên	50	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,050	
108	Nguyễn Văn Bình	Văn Sơn	Mỹ Liên	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
109	Nguyễn Tiến Uy	Văn Sơn	Mỹ Liên	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
110	Ngô Văn Tiến	Văn Sơn	Mỹ Liên	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,760	
			Mỹ Liên Total	239	319	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17,380	
108	Nguyễn Tiến Lực	Trường Xuân	Trường Xuân	300		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,600	
			Trường Xuân Total	300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,600	
9	Lê Văn Dinh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,380	
42	Lê Quốc Hương	Văn Lạc	Văn Lạc	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
49	Nguyễn Mậu Ích	Văn Lạc	Văn Lạc	12	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,214	
51	Nguyễn Mậu Hào	Văn Lạc	Văn Lạc	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,550	
69	Lê Văn Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	25	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,950	
70	Nguyễn Đức Hạnh	Văn Lạc	Văn Lạc	80	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,760	
73	Nguyễn Mậu Gia	Văn Lạc	Văn Lạc	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
76	Lê Văn Cư	Văn Lạc	Văn Lạc	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,100	
81	Nguyễn Mậu Sau	Văn Lạc	Văn Lạc	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
89	Trần Xuân Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,440	
90	Nguyễn Thị Vinh	Văn Lạc	Văn Lạc	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,570	
111	Nguyễn Văn Lợi	Văn Lạc	Văn Lạc	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,760	
150	Đặng Đình Lệ	Đồng Văn	Văn Lạc	20	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,820	
160	Nguyễn Thị Lành	Văn Lạc	Văn Lạc	30	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,420	
			Văn Lạc Total	277	145	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,604	
13	Nguyễn Thị Nhuần	Đồng Văn	Đại Đồng	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,110	
19	Nguyễn Thị Tiếp	Đồng Văn	Đại Đồng	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,110	
20	Hoàng Quốc Việt	Đồng Văn	Đại Đồng	20	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,580	
21	Hà Văn Lâm	Đồng Văn	Đại Đồng	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,110	
49	Nguyễn Tiến Nga	Đồng Văn	Đại Đồng	0	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,342	
76	Nguyễn Mậu Trạch	Đồng Văn	Đại Đồng	0	170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6,460	
83	Nguyễn Thị Liên	Đồng Văn	Đại Đồng	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,570	
134	Đào Thị Sửu	Đồng Văn	Đại Đồng	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2,200	

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 21/9 /2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) *(Sau phúc tra)*															Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Ghi chú
				Gia cầm (gà, vịt, ngan,		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa		Hươu sao, dê, cừu, đà điểu	Thỏ		Ong mật		
				Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi				Đến 6 tháng tuổi	Trên 6 tháng tuổi		Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi			
				con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	con	đàn		
1	2	3	4	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
156	Dương Văn Gia	Đồng Văn	Đại Đồng	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,190	
			Đại Đồng Total	**135**	**229**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11,672**	
			Grand Total	**2616**	**5671**	**0**	**30**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**15**	**282,290**	